

Hội đồng Biên tập

GS.TS. Nguyễn Hùng Hậu
PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương
PGS.TS. Nguyễn Đức Diện
Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu
Hòa thượng Thích Thanh Điện
Thượng tọa Thích Đức Thiện

Tổng Biên tập

Hòa thượng TS Thích Gia Quang

Phó Tổng Biên tập

Thượng tọa Thích Tiến Đạt
Đại đức Thích Trúc Thái Minh
Cư sĩ Phạm Nhật Vũ

Trưởng Ban Biên tập

Cư sĩ Giới Minh

Trình bày



Đoàn Phong

Tòa soạn và trị sự

Phòng 218 chùa Quán Sứ
Số 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.6684.6688 - 0934.666.360
Email: tapchincph@gmail.com
Tài khoản: 102010000032825 - Sở Giao dịch I
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương
Việt Nam

Đại diện phía Nam

Phòng số 7 dãy Tây Nam
- Thiền viện Quảng Đức
Số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Giấy phép xuất bản

Số 01/GP-BVHTT ngày 02/01/2002

Chế bản và in tại

Công ty CP In Tài Chính

Giá: **30.000 đ**



TRONG SỐ NÀY

|2| Chùm thơ Tết Kỷ Hợi 2019

MỪNG XUÂN DI LẶC

|4| Nụ cười Di Lặc

|8| Ý nghĩa mùa Xuân trong Phật giáo nguyên thủy

|12| Những mùa Xuân đời người

|14| Xuân tinh tấn

GIÁO LÝ - LỊCH SỬ - TRIẾT HỌC

|22| Ba thời đức Phật chuyển pháp luân - quan niệm của Phật giáo Tạng truyền

|27| Nghiệp lực trong giáo lý đạo Phật

TRAO ĐỔI - NGHIÊN CỨU

|33| Giáo hội Phật giáo Việt Nam với sự nghiệp đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

|37| Đạo Phật ở đất Mường

|40| Ngày Xuân nghĩ về hướng hoàng pháp của sứ giả Như Lai

|45| Ý nghĩa cầu nguyện trong Phật giáo

|47| Đức Ngọc Hoàng Thượng đế

VĂN HÓA - DANH THẮNG

|50| Du xuân danh thắng Phật giáo

SUY NGẪM

|54| Ngày Xuân và Đức Hiếu Sinh

|58| Năm Hợi nói chuyện Heo

|60| Tạm biệt thời gian

|61| Phong tục ngày Tết - Phật tử chúc Tết đầu năm

ĐIỂM TIN

|62| Điểm báo Hội thảo, nghiên cứu Phật học, sách Phật giáo trong nước và quốc tế

Chùm thơ Tết Kỷ Hợi 2019

Cứ mỗi độ Xuân về, những rộn ràng, hân hoan lại ngập tràn tâm hồn người người khắp muôn nơi. Ai cũng mang trong mình lòng thành, tâm nguyện, đón chào một năm mới bình an, hỷ lạc, một mùa Xuân Di Lặc an vui, hạnh phúc...

Cung chúc tân niên một chữ nhàn.
Chúc mừng gia quyến đặng bình an.
Tân niên đem lại niềm hạnh phúc.
Xuân đến rồi hưởng trọn niềm vui.

Cung chúc tân xuân phước vĩnh cửu
Chúc trong gia quyến được an khang
Tân niên lai đáo đa phú quý
Xuân đến an khang vạn thọ tường.

Xin chào một sáng thanh tân
Chào hoa thêm sắc chào xuân đang về
Sức xuân nhựa sống tràn trề
Mừng sao đất nước bốn bề đều vui
Chúc cho bạn, chúc cho tôi
Một năm hạnh phúc, rạng ngời niềm tin

Ước nguyện đầu năm

Ước nguyện đầu năm, vạn sự an
Gia đình hạnh phúc, được giàu sang
Công danh sự nghiệp, luôn bền vững
Phú quý vinh hoa, thật vẻ vang
Phật tử đi chùa mừng tuổi Phật
Trụ trì kính chúc Tết an khang
Cúng dường Tam bảo, xin cầu phước
Chính pháp huy hoàng, tại thế gian.

(Thích Trí Giải)

Tiến Mậu Tuất qua đi
Kỷ Hợi đang gõ cửa
Tiết trời đông lạnh lẽo
Bịn rịn đón mùa xuân

Hoa cải sắc tươi nhuần
Lá bàng rơi đầy gốc
Mầm xanh đâm chồi lộc
Đón năm mới an khang

Lời chúc gửi nắng vàng
Vội chân tình tha thiết
Tình bạn kia bất diệt
Cầu nguyện mãi bình an

Dù cách trở quan san
Hay nghìn trùng hải lý
Không phân ngôi thứ vị
Chỉ có một chữ duyên

Xin giữ vẹn câu nguyện
Ta mãi là tri kỷ
Câu thơ cùng tâm ý
Cho bạn và cho tôi...



Xuân về vang

Ên lặng quay về chẳng tiếng vang
Sách đời thỉnh thoảng lật đôi trang
Hoa xuân khoe sắc, tươi rồi héo
Thế sự chen nhau, đá lẫn vàng
Xem trọng hồn tâm nơi tĩnh tại
Coi thường danh lợi tiếng reng rang
Nếu mà được tặng đôi câu ước
Chỉ ước thanh bình, chẳng ước sang.

(Thanh Trúc)

Xuân như ý

Trước thềm năm mới nắng ca vang
Gió nhắc câu thơ khéo điểm trang
Cây cỏ đổi màu thay áo mới
Cúc mai khoe sắc trở hoa vàng
Đầu làng cuối xóm nghe náo nức
Ngoài ngõ trong nhà thấy rúng rang
Trời đất giao hòa chung nhịp thở
Hiên hồn mở cửa đón xuân sang

(Bích Thủy Trường)

Đón Xuân

ĐÓN Xuân vạn nẻo thắm muôn hoa!
NÀNG Xuân ấm áp đến nhà nhà!
XUÂN sang rực sắc vàng tươi đẹp!
ĐẾN Tết chan hòa khúc hoan ca!
VUI Xuân vạn vật hòa vũ trụ!
MỪNG Tết muôn phương ngát hương trà!
KHẮP nơi hạnh phúc nâng ly chúc!
CHỐN này hoan hỷ thắm nhân hòa...

(Supa Long)

Tết về xây mộng Xuân thắm tươi
Rộn ràng du Xuân tiếng nói cười
An vui chào đón Kỷ Hợi đến
Nguyên Đán mừng Xuân hạnh phúc đời

Từ bi hoa nở khắp đất trời
Hương thơm đức hạnh tỏa muôn nơi
In hình Xuân mộng tim xao xuyến
Khắc khoải băng khuâng nhớ Xuân thời

Im lặng an lạc từng phút giây
Mừng Xuân Di Lặc đếm từng ngày
Xuân luôn xinh đẹp người say đắm
Khoảnh khắc u buồn tan biến ngay

Năm mới Kỷ Hợi chúc mọi người
An khang thịnh vượng, xuân vui tươi
Công danh sự nghiệp đều như ý
Tài lộc mãi đường, khắp chốn nơi

(Thích Trí Giải)

Chúc Xuân

XUÂN đang lấp ló trước thềm
ĐẾN mừng năm mới tươi như hoa đào
CÙNG mai khoe sắc xuân xao
LÀM thơ tặng bạn gửi trao ân tình
THƠ từ cảm hứng bình minh
ĐỂ khi chiều xuống chúng mình thấy vui
CHÚC người buồn khổ chôn vùi
TẾT này đầm ấm lộc rơi đầy nhà.

(Anh Văn)



Nụ cười Di Lặc

Thượng tọa Thiện Hạnh

Hình tượng Phật Di Lặc trong tín ngưỡng dân gian - Ảnh: St

Mùa xuân gắn liền với đức hạnh từ bi và trí tuệ của vị Bồ Tát có hiệu là Di Lặc, vị Phật tương lai xuất hiện trong cõi đời này. Di Lặc có nghĩa là Từ Thị, lòng từ bi rộng lớn, đem đến nguồn hạnh phúc cho chúng sinh. Lý tưởng của đức Di Lặc là cứu khổ ban vui, luôn hướng cho nhân loại đến một tương lai tuyệt đẹp, xây dựng nếp sống hạnh phúc chân thật. Vì lẽ đó, mùa xuân được mang tên là Xuân Di Lặc.

Trong ngày mùng Một đầu năm, người Phật tử đi chùa lễ Phật, tụng kinh cầu phúc, sám hối, cầu an, cầu phúc lộc đầy nhà, con cháu sum họp hạnh phúc, thị phi dừng lại ngoài ngõ, tự tại an nhiên trong cuộc sống. Tất cả sự cầu nguyện này có thể hiển ứng qua hình ảnh nụ cười hoan hỷ của Ngài Di Lặc.

Lòng vẫn là Xuân không đậm nhạt

Nỗi chi so tuổi khách thường xuân

Hồn nhiên gió lướt cho trúc hát

Bình thần hoa cười chẳng cự tân.

Ngày Tết Nguyên Đán là ngày đầu của một năm. Người Phật tử cũng mong chúng ta đều hi vọng tương lai sẽ thành Phật. Chúng ta mong như thế, từ năm này sang năm khác, từ đời này đến đời sau, tới bao giờ thành Phật mới thôi.

Tại sao lấy ngày mừng Một Tết làm ngày Vía Bồ Tát Di Lặc? Có lẽ rằng chư vị Tổ sư của chúng ta đã thông minh sáng suốt cho nên mới đặt ngày này là ngày Vía đức Phật Di Lặc. Bởi vì tất cả hàng Phật tử xuất gia cũng như tại gia ai cũng nghĩ rằng chúng ta tu để đạt đến cái kết quả cuối cùng là thành Phật. Nhưng chừng nào thì chưa biết. Nghĩa là hi vọng cuối cùng của chúng ta là thành Phật. Như vậy là nhắm tới tương lai về sau, đó là cái hi vọng về sau này chúng ta thành Phật.

Phật giáo, là Đạo của an lạc, Đạo của thương yêu, Đạo sống chân thật trong từng phút giây mình có, Đạo của tâm từ luôn hướng người nên tin tưởng vào ngày mai, Đạo của xóa tan bao khổ buồn quá khứ, nên đức Di Đà luôn tiếp dẫn kẻ trầm luân; Đạo là đường đến Niết Bàn tịch tịnh trong hiện tại, nên đức Thích Tôn Bạc Già Phạm



ứng thế độ sinh, Đạo của tương lai không bao giờ mất được, làm niềm hy vọng cho bao người duyên chưa đủ, nên xuân về đức Đường Lai Di Lạc lại tươi cười chờ những lộc chồi của Phật Pháp ngày mai.

Trong nền văn hóa Phật giáo Việt Nam, Ngài Di Lạc biểu trưng cho niềm vui, cho sự hoan hỷ và hỷ xả, cho may mắn, cho phúc lộc và thịnh vượng no đủ. Có lẽ vậy mà trong truyền thống Phật giáo Việt, các chùa và tự viện thường gọi ngày mừng Một Tết Nguyên Đán là ngày lễ Vía Di Lạc, là ngày Phật Di Lạc hạ sinh. Nói một cách nôm na là lễ sinh nhật của Ngài.

*Nghe gió Đông về trong trở trăn
Chuyển mình vạn vật đón Xuân hoàng
Thời gian vô tận Xuân vô tận
Vũ trụ vĩnh hằng đời vĩnh hằng
Cũ mới xoay dần cơ tiến hóa
Mất còn tiếp nối cuộc tuần hoàn
Đất trời rạng rỡ mùa giao hội
Thu mãn Đông tàn Xuân lại sang.*

Như vậy trong pháp tu của Phật, tinh tấn không thể thiếu được. Nhờ trí tuệ nhận xét, chúng ta biết được giáo lý của đức Phật dạy, nói theo danh từ chuyên môn là chân lý. Biết được chân lý rồi thì phải nỗ lực tiến hành, chứ không phải biết rồi thả trôi từ từ được, mà phải nỗ lực. Nỗ lực đó gọi là tinh tấn. Tinh tấn là một đức tính thiết yếu trên phương diện tu hành. Vì vậy đức Thích Ca nhờ tinh tấn mà thành đạo được sớm, còn Ngài Di Lạc vì “thiếu” tinh tấn cho nên phải kéo dài đến mấy muôn năm so với thời gian trong cõi chúng ta. Đó là điều mà mọi người chúng ta cần phải tu tinh tấn. Như vậy hạnh tinh tấn phải tu cách nào? Chia tổng quát ra làm bốn giai đoạn tu tinh tấn.

- 1- Lấy Tứ chính cần.
- 2- Để trừ tam độc.
- 3- Tinh tấn để trừ hai con quỷ tán loạn và hôn trầm.
- 4- Đại tinh tấn.

Trên đường tu chúng ta chưa thành Phật thì chưa bao giờ hài lòng, ngày nào thành Phật mới thỏa nguyện.

Không biết từ bao giờ xuân trong cửa Thiền luôn là niềm háo hức, đón xuân, chúc xuân, xuân

thiên, xuân an lạc, xuân Di Lạc... vô số các cụm từ chỉ cho xuân, như làm cho xuân thêm niềm vui mới, như ấm lại cảnh thiên qua một khoảng trời đông.

Tết đến, mọi người gác lại tất cả những lo toan phiền muộn và bỏ qua những nỗi bức dọc của những ngày tháng cũ để chào đón năm mới với tâm hồn thanh thản nhẹ nhàng. Người ta thăm viếng nhau, chào đón nhau, chúc tụng nhau bằng những lời tốt đẹp và trao cho nhau những nụ cười hoan hỷ, thân thiện làm cho không khí ngày xuân vốn đã ấm áp lại càng ấm áp thêm. Nhưng rồi khi chim én thôi liệng trên trời cao, tiếng pháo thừa dần nằm xơ xác, im lìm dưới gốc mai vàng buồn bã từng cánh rơi tàn theo cơn gió Hạ và rồi lại đến mùa Thu dịu dàng cười mỉm, làm đắm say bao lòng người thi sĩ. Chưa thỏa lòng giao cảm tình Thu với bao luyến lưu sông núi, cỏ cây, thì lại đến cái giá lạnh của mùa Đông. Xoay vần bốn mùa cứ thế nối tiếp hợp tan làm cho con người cũng vì đó mà trôi theo dòng đời sinh diệt. Càng bị thời gian cuốn trôi và sống trong sự chi phối của ngoại cảnh, chúng ta càng trầm luân trong hợp tan, thương ghét, hạnh phúc, khổ đau. Cứ thế mà đi trong đêm dài vô minh với con đường lầm kiến, chấp trước. Bởi lẽ không thoát ngoài ràng buộc của vọng niệm, nên mùa Xuân của chúng ta chỉ quanh quẩn trong món ăn ngon, quần áo mới và những bóng dáng màu sắc tạm bợ của thế gian. Cho nên có nhiều người muốn trang điểm lộng lẫy cho nàng Xuân của mình, bằng cách sắm cho nhiều những vật chất xa hoa và đốt pháo thật nhiều để vui Xuân cho thỏa lòng một mùa ăn chơi. Nhưng không ngờ sau đó lại nhản mặt thiếu trước, hụt sau của bao mùa còn lại và phải bon chen lăm chằm điều phiền toái để trả giá cho sự vui Xuân quá độ của mình. Hãy trở lại cuộc sống bình thường và lắng nghe hơi thở của mình với nhịp đập trái tim trong từng giờ, từng phút thì lòng chúng ta mới nhỏ nhẹ “Gọi Xuân”.

*Xuân về cho lộc trở tươi cành
Cho nắng vàng hôn nhẹ tóc xanh
Cho áo em cài hoa tử muội
Cho duyên em tiếp cánh dành dành
Cho thơ phảng phất hồn sông núi
Cho ý đậm đà nghĩa yến oanh
Cho thắm Xuân xưa lời me dạy:
“Một câu nhường nhịn, chín câu lành”.*



➔ Hãy để lòng mình thanh thản, tự tại như các Thiền sư mà nhìn Xuân đến, Xuân đi. Cái nhìn thấu suốt cả sự vật, một bước đi đập lên tường thành ngã chập và một tiếng cười vang động cả tam thiên.

Nhưng, để có được nụ cười với những hiệu quả của nó đôi lúc lại là một việc không dễ dàng chút nào. Vì thực tế cho thấy, có người suốt ngày chẳng tìm ra được nụ cười dù đó chỉ là nụ cười gượng gạo. Lý do thật dễ hiểu. Cười sao được khi cuộc sống có quá nhiều lo âu phiền muộn, cười sao được khi biết bao đau khổ đang đè nặng trong tâm hồn. Nói cách khác, con người ta chỉ cười khi trong lòng không có phiền muộn lo âu, ít có ai cười trong hoàn cảnh trái ý nghịch lòng.

Thế nhưng, cuộc đời càng nhiều đau khổ thì càng cần đến những nụ cười. Bởi vì nụ cười là cửa ngõ của con tim, mở lối cho tình người xích lại gần nhau; nụ cười làm ấm lại một tâm hồn đang bơ vơ lạc lõng, nụ cười làm cho mọi người thông cảm lẫn nhau. Lại nữa, cười có thể làm giảm bớt sự căng thẳng của cuộc sống, cười có thể làm vui đi nỗi bức dọc, đau khổ trong tâm hồn. Đành rằng những nghịch cảnh trong cuộc sống đôi khi khiến cho con người ta muốn cười cũng không thể nào cười được. Nhưng nếu có thể cười được thì hãy cứ cười.

Nụ cười của Bồ Tát Di Lặc là nụ cười hoan hỷ bất diệt xuất phát từ tâm hồn bao dung không bờ bến. Vì thế không ai nhìn vào hình tượng của Ngài mà không cảm thấy lòng mình trở nên thanh thản nhẹ nhàng. Thật ra không phải ngẫu nhiên mà tượng Phật Di Lặc được tạc theo hình tướng như vậy, mà đây chính là thể hiện mong ước và tâm tư của đạo Phật trong việc đem nụ cười vào trong cuộc đời. Nụ cười biểu trưng cho lòng từ bi và sự hoan hỷ để quên đi những sầu não trong cuộc đời. Chủ nhân của nụ cười bất tử ấy là Bồ Tát Di Lặc. Nụ cười của Phật Di Lặc là biểu tượng cho sự an lạc, vui vẻ, may mắn và hạnh phúc, thế nên thời gian gần đây rất nhiều người đã và đang nhầm lẫn Bồ Tát Di Lặc với Thần Tài, bởi hình tượng ông Thần Tài cũng có nụ cười nở rộ gần như vậy.



Hình tượng Phật Di Lặc trong tín ngưỡng dân gian - Ảnh: St

Trong nghệ thuật tranh tượng của Phật giáo, Ngài Di Lặc thường được mô tả theo một hình thức hết sức đặc biệt với cái bụng thật lớn và cái miệng cười thật tươi để nói lên rằng:

“Bụng trống năng dung, dung những điều khó dung trong thiên hạ

Miệng lớn hay cười, cười những việc khó cười trong thế gian”

Trong cuộc sống, chúng ta thường luôn cảm thấy không hài lòng vì những gì ta có được là quá ít so với những gì ta mong muốn. Điều này không chỉ đúng với những người nghèo khó, mà cũng là một tâm lý phổ biến ở cả những người giàu có, thành đạt. Kỳ thật, hạnh phúc của chúng ta lại không đến vào những lúc ta có được trong tay thật nhiều những gì ta mong muốn. Ngược lại, chúng ta sẽ hạnh phúc hơn rất nhiều khi có thể buông bỏ được những vật sở hữu.

Tất cả mọi vật chất đều bị cuốn trôi theo dòng



thời gian. Chúng sinh ra, tồn tại, biến đổi rồi diệt mất. Không một dạng vật chất nào có thể thoát ra khỏi quy luật ấy, ngay cả thân thể hiện nay của ta cũng không phải ngoại lệ. Chúng ta phải già đi sau hai, ba mươi năm nữa... mà thực sự là đang già đi trong từng giây, từng phút. Đời sống của chúng ta đang từng giây, từng phút bị thu ngắn dần và thậm chí còn có thể chấm dứt bất cứ lúc nào. Đó là một thực tế không ai có thể phủ nhận được, nhưng hầu hết chúng ta lại tránh né không chịu đối diện với sự thật như thế, vì chúng ta hoàn toàn không mong muốn nó xảy ra. Nếu chúng ta có đủ dũng khí để chấp nhận sự thật về tính chất giả tạo và tạm bợ của mọi dạng vật chất, ta sẽ thấy là không có sự vật nào có thể đáng để chúng ta tham đắm và bỏ phí đi những phút giây quý giá đang nhanh chóng trôi qua của cuộc sống này. Nhờ sự quán xét đúng thật như thế, chúng ta sẽ thấy được sự vô nghĩa của những ý tưởng sở hữu vật chất. Và vì thế ta có thể dễ dàng thoát ra khỏi sự lôi cuốn, cám dỗ của lòng tham muốn.

Tuy nhiên, một sự tự do hoàn toàn chỉ có thể đạt đến khi chúng ta có thể buông bỏ luôn cả những thứ sở hữu “phi vật chất” không thể nhìn thấy được, chẳng hạn như những định kiến sai lầm, những vương mắc tình cảm và cả những nhận thức không đúng về sự vật... Khi ấy, chúng ta sẽ thực sự làm chủ được chính mình, thực sự có được những điều kiện tối thiểu để tiếp xúc và cảm nhận được mọi niềm vui chân thật trong cuộc sống.

Vì thế mà những phút tạm dừng nghỉ sau một

năm dài vất vả bon chen thường có ý nghĩa rất quan trọng. Theo phong tục đã có từ nhiều đời, những ngày cuối năm bao giờ cũng là những ngày tất bật cuối cùng dành cho công việc và hết thảy mọi lo toan trong năm cũ, để rồi cho dù có thể giải quyết xong hay không xong thì tất cả cũng đều phải tạm gác lại. Sau phút Giao thừa thiêng liêng tiễn đưa năm cũ và đón chào năm mới, tất cả chúng ta đều trở thành những con người mới: thanh thoi, vô sự, gạt bỏ hết mọi lo toan, phiền muộn. Ai cũng muốn mình được hoàn toàn vui vẻ, không để trong lòng bất cứ một mối lo nghĩ, một sự suy tính nào. Và trong tâm trạng ấy, chúng ta bước vào năm mới. Vì thế, sự buông xả lại chính là cách tiếp nhận cuộc sống này một cách chân thành nhất, tốt đẹp nhất. Khi chúng ta chưa học biết cách buông xả, thì không bao giờ có thể cảm nhận được hết những giá trị chân thật của đời sống này.

Trong dịp xuân về, lễ kính hình tượng Phật Di Lặc và suy xét về ý nghĩa của sự buông xả chính là một cách đón xuân đầy ý nghĩa, có thể giúp mang đến sự an vui thiết thực cho tâm hồn chúng ta. Bởi vì chỉ khi thực hành buông xả được mọi sự tham tiếc, mọi sự trói buộc, chúng ta mới có thể nở được nụ cười vô tư và an ổn giống như Ngài!

Xin tất cả mọi người chúng ta bên nhau cùng cảm thông, thứ tha cho nhau những lỗi lầm năm cũ, những thói quen tật xấu và những gì gọi là bị mây vô minh che khuất tâm trí mình. Tất cả cùng nhau mặt nhìn mặt, tay cầm tay tiến bước trên con đường mà mình đã chọn. Chúng ta mãi nguyện bên nhau lòng với lòng, thuần nhất vô ngã, chỉ nhất vị thương, để cùng nhau nhẹ bước đi giữa đất trời bao la mà nhìn “Mùa Xuân mây trắng”.

Chúng ta hãy cầu chúc cho nhau đều có đủ trí tuệ sáng suốt, luôn ghi nhớ lời Phật dạy để mãi mãi nỗ lực tinh tấn không lúc nào dám lười biếng, không lúc nào dám giải đãi thì sự tu hành của chúng ta sẽ được như nguyện, đúng theo những gì chúng ta phát tâm mong cầu.

Chúc quý vị năm nay và những năm về sau ai cũng được hưởng trọn một mùa Xuân miên viễn. 🌸



Ảnh: St





Ý nghĩa mùa Xuân trong Phật giáo Nguyên thủy

Tỳ kheo Giác Lộc

Theo quan niệm của người Việt Nam mùa xuân là mùa đẹp nhất trong năm, vạn vật, cỏ cây, hoa lá đều tươi tốt. Nhưng do điều kiện khí hậu mỗi nơi trên thế giới khác nhau không phải nơi nào cũng có mùa xuân. Chỉ riêng ở Việt Nam thời tiết ba miền khác nhau: miền Bắc đủ bốn mùa. Miền Trung có thời tiết ở khoảng giữa của hai miền. Ở miền Nam chỉ có mùa nóng

và mùa mưa. Thời tiết trong một nước Ấn Độ còn cách xa nhau hơn nữa. Đối với người Ấn mùa lạnh là mùa đẹp nhất trong năm, trời trong xanh, đất khô ráo. Thời tiết thuộc về thời gian do ngoại giới tạo ra, bốn mùa tiếp nối theo nhịp lưu chuyển của địa cầu. Nhưng địa cầu cũng chịu ảnh hưởng của những yếu tố như mặt trời, mặt trăng, gió bão, động đất. Khi địa cầu không hoạt động điều hòa thì các mùa trong năm

sẽ đảo lộn, không tìm thấy hoa đào trước ngõ nữa. Có mùa xuân nào vượt ngoài thời gian, không có những cánh hoa bay theo gió và những cuộc hội ngộ trong chia ly chẳng? Những hệ thống triết học và nhiều tôn giáo cổ kim đã nói đến mùa xuân này. Qua lời dạy của đức Phật vấn đề trên được giải thích như thế nào? Chúng ta hãy tìm hiểu ý nghĩa:

Ảnh: St



Ngày xuân con én đưa
thoi,

Thiều quang chín chục
đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh tận chân
trời,

Cành lê trắng điểm một
vài bông hoa.

(Truyện Kiều, Nguyễn
Du)

Bài thơ diễn tả cảnh
mùa xuân thật đẹp, nhưng
biểu hiện vô thường thấy
rõ. Ngày xuân không còn
bao lâu nữa, dù có phở
phối xuân phơi phới
cũng không dấu được
thực trạng sắp phân ly.

Bốn mùa xuân lại thu
qua,

Đời người thấm thoát
như là con thoi.

(Đời người thấm thoát -
Cao Bá Quát)

Vua Trần Thái Tông ví bốn
tướng của đời người như bốn
mùa: Tướng sinh như mùa xuân
hoa thắm liễu xanh. Tướng lão
như mùa hạ hoa tàn liễu úa.
Tướng bệnh như mùa thu cỏ
cây đều héo. Tướng tử như
mùa đông mây sâu âm đạm.
Bốn tướng này vua Trần Thái
Tông gọi là bốn núi. Đức Phật
cũng nhắc nhở vua Pasenadi
bằng ví dụ bốn ngọn núi ở bốn
hướng đang di chuyển và đe
bẹp tất cả loại hữu tình và hỏi
vua: “Như vậy, thưa Đại vương,
một khủng bố lớn khởi lên cho
Đại vương, sự diệt tận nhân
loại thật khủng khiếp, được tái
sinh làm người thật khó khăn,
thời Đại vương có thể làm được
những gì?”



Ảnh: St

Vua Pasenadi trả lời: “Bạch
Thế Tôn, như vậy con có thể làm
được những gì, ngoại trừ sống
đúng pháp, sống chân chính,
làm các hạnh lành, làm các
công đức”

Thưa Đại vương, Ta nói cho
Đại vương! Ta cáo cho Đại
vương hay, già và chết đang
tiến đến chinh phục Đại vương.
Khi Đại vương bị già chết chinh
phục, Đại vương có thể làm
được gì?

Bạch Thế Tôn, khi con bị già
và chết chinh phục, thời con có
thể làm được gì, ngoại trừ sống
đúng pháp, sống chân chính,
làm các hạnh lành, làm các
công đức. (Tương Ưng Bộ Kinh
I, P.111-114)

Học giả Lương Khải Siêu
trong bài Duy Tâm viết: “Sự
vui buồn không phải do cảnh
bên ngoài mà do nội tâm.” Cùng
là cảnh đẹp mùa xuân nhưng
người có tâm trạng buồn không
cũng không vui được. Đúng như

lời diễn tả trong bài Đường thi:

Khứ niên kim nhật thử môn
trung,

Nhân diện đào hoa tương
ánh hồng.

Nhân diện bất tri hà xứ khứ?

Đào hoa y cựu tiểu đông
phong.

(Thôi Hô)

Năm ngoái, ngày này ở cửa
trong,

Mặt ai ửng thắm với đào
hồng.

Mặt ai chẳng biết giờ đâu
mất?

Như cũ, hoa đào cột gió đông.
(Nguyễn Khuê dịch)

Cũng là mùa xuân, cũng là
hoa đào nhưng năm nay nhìn
cảnh chỉ gợi thêm sầu ly biệt.
Do đó bầu trời trong xanh, cỏ
hoa tươi thắm chưa đủ đem
lại niềm vui nếu ta gặp một bất
hạnh nào đó trong đời sống.





Dịch bệnh và thiên tai làm cho mọi người đón xuân đượm vẻ bất an. Chúng ta còn tiếp tục hưởng một mùa xuân toàn vẹn trong tương lai chăng? Điều đó tùy thuộc ở con người và thiên nhiên. Địa cầu di chuyển quanh mặt trời, tiếp nhận ánh sáng mặt trời và tạo ra các mùa trong năm. Khi khí hậu thay đổi sẽ gây ra nhiều tai họa. Hiện nay nhiệt độ địa cầu càng lúc càng nóng hơn. Lớp ozone ở thượng tầng khí quyển có tác dụng ngăn những tia bức xạ nguy hại của mặt trời đã bị phá hủy dần dần do những chất thải từ các nhà máy và xe cộ. Trước mắt những tảng băng ở Nam, Bắc cực và trên đỉnh tuyết sơn bắt đầu tan chảy tạo ra những trận lụt lớn. Sau đó khi thiên nhiên không còn duy trì các băng sơn như cũ thì nạn thiếu nước sẽ xảy ra và thế giới sẽ lâm vào khủng hoảng lớn.

Chữ xuân định nghĩa theo danh từ là một mùa đầu tiên trong năm. Khi dùng trong nghĩa văn chương nó là một năm. Theo tính từ xuân là trẻ đẹp như “tuổi xuân hoa mộng”. Nhưng tất cả tuổi trẻ đều tương đối, không ai tránh khỏi tuổi già. Trong cái trẻ đã có cái già, trong sắc đẹp đã có mầm mống tàn phai như đóa phù dung.

*Vương xa dầu mỹ diệu,
Rồi cũng phải hư hoại,
Thân thể này cũng vậy,
Rồi cũng phải già yếu.
Chỉ thiện pháp không già.
Bậc thiện nhân nói vậy.*

- (Tương Ưng Bộ kinh I, chương 3, p.79)



Ảnh: St

Khái niệm về trạng thái không sinh không già trở thành một đầu đề triết học được giới trí thức thời đức Phật tranh cãi sôi nổi. Phái thường kiến (sassataditthi) chủ trương tự ngã là bất diệt; phái đoạn kiến (ucchedaditthi) chủ trương tự ngã là hoại diệt. Do thường kiến nên nhóm này tìm an lạc vĩnh cửu trong luân hồi. Do đoạn kiến nên nhóm này tìm an lạc thoát qua trong đục lặc hiện tại. Tuy nhiên cả hai an lạc đều xuất phát từ thân kiến (sakkāyaditthi), cho rằng năm thủ uẩn là tự ngã. Đối thoại với hai quan điểm trên, đức Phật nói lên tiếng nói của Đấng giác ngộ:

“Này các Tỳ kheo, có hai sự tầm cầu này: Thánh cầu (ariyapariyesanā) và phi thánh cầu (anariyapariyesanā). Chư Tỳ kheo, thế nào là phi thánh cầu? Ở đây có người bị sinh lại tầm cầu cái bị sinh, tự mình

bị già lại tầm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh lại tầm cầu cái bị bệnh, tự mình bị chết lại tầm cầu cái bị chết, tự mình bị sâu lại tầm cầu cái bị sâu, tự mình bị ô nhiễm lại tầm cầu cái bị ô nhiễm...”

“Và này các Tỳ kheo, thế nào là Thánh cầu? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người tự mình bị sinh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sinh, tầm cầu cái vô sinh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết Bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tầm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết Bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tầm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết Bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tầm cầu cái bất tử, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết Bàn; tự mình bị sâu, sau khi biết rõ sự nguy





hại của cái bị sâu, tầm cầu cái không sâu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết Bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tầm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết Bàn...” - (Kinh Thánh cầu, Majjhimanikāya I)

Một mùa xuân dù hội đủ điều kiện thiên nhiên thuận lợi và con người thành đạt cũng có hợp tan, vui buồn. Bởi vì tất cả pháp hữu vi đều là vô thường. Đứng về phương diện xuất thế gian, Niết bàn không lệ thuộc sinh diệt, không do duyên sinh, vô vi pháp. Tuy nhiên tìm hiểu về

Niết bàn không phải đơn giản, nếu không cẩn thận sẽ rơi vào biên kiến. Chấp nhận lý thuyết vị A La Hán tồn tại sau khi chết hoặc chấp nhận lý thuyết vị A La Hán không tồn tại sau khi chết, hoặc phủ nhận cả hai đều là biểu hiện của tư tưởng thường đoạn. Dù lý thuyết đó có cực kỳ tinh vi cũng xuất phát từ thân kiến. Lốp vỏ luận lý bên ngoài không che dấu được một tâm trí còn nhiều ràng buộc, chưa giải thoát. Người phật tử chân chính khi gặp những trường hợp như vậy không nên vội vã nghiêng về một lý thuyết nào. Hãy hướng kẻ đối thoại đến

định lý duyên khởi để hiểu thế nào là khổ và diệt khổ. Đó mới là cách nhìn trực diện vào đời sống và chấm dứt mọi ô nhiễm.

Đức Phật xác nhận về Niết bàn trong tập Udāna như vậy: *“Này các Tỳ kheo, có sự không sinh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, này các Tỳ kheo, nếu không có cái không sinh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi, thời ở đây không thể trình bày sự xuất ly khỏi sinh, hiện hữu, bị làm, hữu vi. Vì rằng, này các Tỳ kheo, có cái không sinh, không hiện hữu, không bị làm, không hữu vi nên có trình bày sự xuất ly khỏi sinh, hiện hữu, bị làm, hữu vi.”* - (U. Chương 8, III)

Khác với những kẻ kiến chấp dựng lên hình ảnh Niết bàn như con kiến bò quanh miệng chén, đức Phật trình bày con đường đến Niết bàn do tự thấy biết, đã thể nhập vào bất tử. Con đường này không phải là sự thành đạt có tự tán, phân ly trong đời sống. Khi nào đối với năm thủ uẩn không còn mảy may chấp thủ nào thì cứu cánh Niết bàn được chứng ngộ. Đây là sự thành đạt tối thượng, chấm dứt mọi tướng sinh diệt của hữu vi pháp như sinh, lão, bệnh, tử. Sự thực chứng này đem lại an lạc khác xa với mọi an lạc do duyên sinh và được diễn tả qua bài kệ:

*Các hành là vô thường,
Có sinh phải có diệt.
Đã sinh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

- (Mahāparinibbānasuttanta
- Kinh Đại bát Niết bàn). 🌀



Ảnh: St



Những mùa Xuân đời người

Minh Đức Hoàng Dũng



Cuộc đời con người chia ra từng giai đoạn như một chuỗi nối tiếp những hạt thăng trầm. Dòng thành công và thất bại cứ tuần tự lúc thì rời rạc, lúc thì dồn dập đẩy đưa con người xoay tít trong những đợt sóng vô hình. Và con người luôn có một lực cưỡng kháng ngược lại một cách mạnh mẽ để thoát ra và vươn lên bằng chính kinh nghiệm và chân lý của riêng mình ...

Ngày Xuân, bên cội mai vàng với chén trà thơm hãy thư thái và nhìn lại những nẻo đường xuôi ngược trong từng giai đoạn đời người mà chúng ta đang và vừa trải qua. Từ xa xưa, với cái nhìn của văn hóa Á Đông, đức Khổng Tử đã chiêm nghiệm về cuộc hành trình hướng đến sự hoàn thiện đầy gian nan nhưng cũng đầy hấp dẫn ấy của con người và đúc kết lại qua các giai đoạn như sau:

Vô tượng chi niên: Độ tuổi 15, con người đối với vạn vật rất hiếu kỳ, do vậy tinh thần cầu học rất mạnh. Tuổi này hấp thụ và hội nhập kiến thức

mới rất nhanh, nhưng lại không đủ phân biệt rõ cái mới đó là điều tốt xấu hay lợi hại. Giai đoạn này được gọi là “Thập ngũ nhi chí vụ học.”

Nhi lập chi niên: Con người bước vào lứa tuổi 30 ý chí cưỡng kháng nghịch cảnh rất mạnh mẽ. Suối nguồn phiêu lưu sáng tạo tuôn tràn. Con người bắt đầu xác lập mục tiêu, phương hướng phát triển cho mình. Nhờ những kiến thức tôi luyện đã qua mà ở giai đoạn này con người có đủ khả năng tự đứng vững bằng đôi chân của chính mình để làm việc và phục vụ xã hội bất kể là thành công hay thất bại. Giai đoạn này được gọi là “Tam thập nhi lập”.

Bất hoặc chi niên: Những nỗ lực phấn đấu ở tuổi 30 đã giúp cho con người sung sức nồng nàn vượt qua ranh giới 40. Đây là chặng đường mà con người trải qua những bước thăng trầm để giải quyết những vấn đề đời sống, đây là giai đoạn chuyển hóa những lỗi lầm, thiếu sót trong nhiều mặt của cuộc sống xử thế. Độ tuổi này người ta đã bắt đầu có khả năng khám phá ra nhiều tầng ý nghĩa khác nhau trên cùng một sự kiện. Tâm trí sáng suốt, giảm thiểu đi những nhầm lẫn trong đời. Đây là tuổi chín chắn, lịch duyệt, kiến thức và kinh nghiệm phong phú. Tuổi này phương Đông gọi là “Tứ thập nhi bất hoặc.”

Tri thiên mạng, trí phi chi niên: Vào tuổi 50, khi trải qua những thăng trầm, con người đã thấy được thành công và thất bại của mình. Lúc này con người hiểu rõ mình là ai và giảm thiểu sự đau khổ với những thất bại trước kia của mình. Họ khám phá ra một chân lý đơn giản là: Vạn vật đều do nhân duyên tuần hoàn nối tiếp nhau mà nên, con người chỉ là nhịp cầu nối giữa các hiện tượng mà thôi.



Nhĩ thuận, hoa giáp chi niên: Con người từ 60 tuổi trở lên nội tâm trầm lắng, an định. Không còn thấy chướng tai gai mắt bởi những chuyện thị phi. Hiểu thấu thể thái nhân tình cho nên họ khó bị tác động trước nghịch cảnh, đây chính là giai đoạn kiện toàn về nhân phẩm. Vì vậy còn được gọi là tuổi “Lục thập nhi nhĩ thuận”.

Cổ hy chi niên: Từ độ tuổi 70 trở đi, khi bước vào giai đoạn cuối của cuộc sống, tâm và tính hoàn toàn tương hợp. Từ dòng suy nghĩ cho đến ngôn từ, hành động đều hợp tình hợp lý. Giai đoạn này, con người rút lui vào tư tưởng, âm thầm nuôi dưỡng đời mình. Tự nhiên thanh thản và tự tại trở thành và hiểu rõ con người của chính mình...

Ở đất nước ta có một người sống qua 3 thế kỷ (19-20-21) đã trải nghiệm rằng: *“Đời người như con đường, khi bé thơ ta chập chững tập đi, thời thanh niên ta chạy. Rồi lại tập đi khi đến hồi thất thập. Nhưng nếu sống qua được 100 tuổi thì ta không tập, không đi mà chỉ ngồi bên đường mỉm cười ngó dòng người ngược xuôi...”* Và để có được giây phút “ngồi bên đường mỉm cười ngó dòng người ngược xuôi...” ắt hẳn người ta phải nỗ lực hết mình, can đảm để vượt qua biết bao thăng trầm nghịch cảnh và cả một đời phải luôn thuận theo thiện duyên và nhân quả...

Những giai đoạn của đời người kể trên được đúc kết bằng kinh nghiệm của người xưa và một người Việt hiện nay là như thế... còn đức Phật và giáo pháp của Ngài thì khuyên chúng ta chỉ nên biết giây phút hiện tại, an trú trong giây phút hiện tại, bây giờ và ở đây, bởi quá khứ thì không nên truy tìm và tương lai thì chưa tới... Và bởi duy chỉ có khoảnh khắc này thuộc sở hữu của ta, sinh mệnh của ta mới có đầy đủ ý nghĩa thực tại, không thể sống trong quá khứ cũng như sống ở tương lai... Thời đại chúng ta đang sống là thời kỳ phát triển cao độ của nền kinh tế thị trường, trong từng sát na thành tựu và hệ quả của nó liên tục tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến sự khổ vui của cuộc đời mỗi người.

Cách đây 26 thế kỷ đức Phật cũng đã nhìn xuyên thấu vấn đề này. Ngài dạy rằng, trong thường nhật của cuộc sống có 4 thứ hạnh phúc và ngược lại những đau khổ thường tình của thể nhân cũng khởi phát từ những điều này:

Sở hữu lạc: Hạnh phúc về sự thụ hưởng tài sản, tiền bạc kiếm được bằng cách chính đáng.

Thọ dụng lạc: Hạnh phúc về sự tiêu dùng tài sản một cách rộng rãi cho chính mình, cho người thân, bạn bè hoặc dùng vào các việc mang lại lợi lạc cho tha nhân.

Vô trái lạc: Hạnh phúc vì không bị nợ nần đeo đuổi bức bách.

Vô tội lạc: Hạnh phúc vì không phạm phải những điều ác trong nghề nghiệp mưu sinh ngõ hầu được sống có một cuộc đời trong sạch...

Giáo pháp của đức Phật khuyến khích chúng ta cần nỗ lực để có sự tiến bộ về vật chất đồng thời phải phát triển về đạo đức và tâm linh để chúng ta luôn có một thân tâm an lạc và đó chính là an trú trong tỉnh thức và khi ấy mỗi giây phút hiện tại chính là mùa xuân bất tận của mỗi người...

Hiện nay chúng ta đang sống trong căng thẳng lo âu sợ hãi bởi những thiên tai thảm họa, tranh giành đấu đá... đó là những nghiệp do chính con người tạo ra. Cuộc sống và đời người luôn có vô số những vấn đề cần khắc phục thì Phật pháp chính là kho tàng và là kim chỉ nam trong việc xây dựng đời sống và mưu cầu hạnh phúc của đời người. Nền tảng giáo lý và nhân cách của đức Phật chính là bài học lớn về cách ứng xử giúp con người tìm lại chính mình và làm chủ vận mệnh của mình. Tương lai cuộc đời do chính mình tạo ra, giáo pháp của Phật không gì ngoài nhân rộng tình thương, sự khoan dung rộng lượng và ở đó nhất thiết không có lòng ích kỷ, ganh ghét hận thù...

Cuộc đời 80 năm của đức Phật không tính bằng giai đoạn hay những ngày tháng năm mà chỉ có giây phút hiện tại của đức Phật. Giây phút ấy không có tiếng nói của thời gian, giây phút của vô ngã và vị tha cho nên mùa xuân của đức Phật là mùa xuân của chúng sinh hay những phút giây của đức Phật luôn tràn niềm hỷ lạc cho nhân sinh khắp cõi Ta bà.

Còn mỗi chúng ta thì những mùa xuân phơi phới đang còn dài trước mắt trên con đường ngược xuôi ấy, hãy nỗ lực hết mình với cuộc sống. Tinh tấn bằng Phật pháp để vượt qua trở ngại thăng trầm để được tận hưởng tất cả những mùa xuân an lạc... Rồi như lúc này, bên chén trà xuân ta lại chiêm nghiệm đời mình... Và thấy rằng mình đã đang có và sẽ còn có rất nhiều mùa xuân đẹp để... 🌸





Ảnh: St

Xuân tinh tấn

HT.Thích Thanh Từ

Tất cả chúng ta, mọi người tin Phật đều tin đức Di Lặc là một vị Bồ Tát hiện giờ còn ở trên cung trời Đâu Suất. Khi đủ duyên thì Ngài sẽ xuống cõi Ta bà. Khi đó Ngài ngồi dưới cội cây Long Hoa mà thành Phật hiệu là Di Lặc. Hội thuyết pháp đó gọi là hội Long Hoa. Khi này lạ Phật chúng ta có câu: Nam mô Long Hoa Giáo Chủ tức là giáo chủ ở Long Hoa. Long Hoa là tên cây như cây Bồ đề của Phật Thích Ca ngày vậy.

Như vậy đức Phật Di Lặc chừng nào mới ra đời. Đó là câu hỏi mà Phật tử thắc mắc, vì thỉnh thoảng nghe người ta đồn đại hoặc ở nơi này có đức

Phật Di Lặc hiện thân, ở nơi kia có đức Di Lặc hóa thân hoặc là sẽ ra đời làm Phật... Những lời đồn đại đó nghe tưởng chừng như năm mười năm nữa Ngài ra đời. Nhưng trong kinh Phật nói thế nào? Điều đó tôi nhắc lại một lần nữa để cho quý vị nhớ kỹ để chúng ta khỏi lầm lẫn. Kinh Di Lặc Thượng Sinh kể lại đức Di Lặc từ khi Ngài còn làm Bồ Tát ở thời Phật Thích Ca tu hành, nhập diệt sẽ sinh lên cung trời Đâu Suất ở trong nội điện. Đó là kinh kể lại hành tung công hạnh tu hành của Ngài. Trong kinh Di Lặc Hạ Sinh Phật Thích Ca nói rằng: Sau thời gian ở trên cung trời Đâu Suất tu hành đến khi mãn duyên thì được gọi là Bồ Tát

Nhất Sinh Bồ Xứ tức là vị Bồ Tát chỉ còn một đời nữa thì được bồ làm Phật. Khi mãn duyên ở cung trời Đâu Suất Ngài mới giáng sinh nơi cõi Ta bà để rồi tu hành như đức Thích Ca thành Phật hiệu là Di Lặc ở dưới cội Long Hoa.

Bao giờ Ngài ra đời? Đó là điều mà chúng tôi sẽ nhắc lại sau này. Theo trong kinh kể thì thế giới chúng ta đang ở trong thời kỳ giảm. Cứ một trăm năm, con người giảm đi một tuổi, giảm như vậy bao giờ tuổi thọ con người còn mười tuổi. Sau thời kỳ giảm đó rồi tới thời kỳ tăng, cứ mỗi một trăm năm thì tăng một tuổi. Bao giờ tuổi thọ khá cao thì đức Phật Di Lặc mới ra đời. Cho nên trong nhà



Phật có câu quả chúng ta: Tu hành thế ấy cho tới đức Phật Di Lặc ra đời cũng chưa gặp được Ngài. Ý nói thời gian xa xôi thật là xa xôi cũng chưa có thể tiến được. Như vậy mà người ta hẹn nay hẹn mai đức Phật Di Lặc ra đời thì sao? Quý vị thấy hẹn đó đúng hay sai? Chẳng qua người ta nghe danh từ trong nhà Phật rồi bắt chước hoặc lợi dụng đó để làm một cái tựa cho người ta tin rồi hướng người về mê tín. Vì vậy người Phật tử chân chính phải hiểu rõ điều đó đức Di Lặc không ra đời sớm đâu. Ngày ấy còn xa lắm! Bởi vì Ngài còn sinh trên cung trời Đâu Suất và trong nội điện Đâu Suất một ngày bằng một ngàn năm ở dưới mình. Trên cung trời Đâu Suất, Ngài tu cho tới mãn đời thì biết là bao xa. Vì một ngày cung trời Đao Lợi bằng dưới mình năm trăm năm, một ngày cung trời Đâu Suất bằng một ngàn năm. Ngài tu hết cuộc đời của Ngài khoảng một trăm tuổi thì ở dưới này là bao xa? Khi sự tu hành của Ngài đầy đủ, Ngài mới sinh vào cõi Ta bà này. Như vậy tại sao chúng ta đến ngày mừng Một Tết, đi chùa lễ Phật cho đó là ngày Vía đức Phật Di Lặc. Tại sao vậy?

Bồ Tát đâu phải sinh một đời thành Phật. Chưa thành Phật thì cứ chết rồi sinh đời khác tu nữa. Cứ như thế cho tới khi thành Phật, chẳng biết là bao nhiêu đời. Tại sao chúng ta lấy ngày mừng một Tết làm ngày Vía Bồ Tát Di Lặc? Việc ấy vẫn có ý nghĩa. Có lẽ rằng chư vị Tổ sư của chúng ta đã thông minh sáng suốt cho nên mới đặt ngày này là ngày Vía đức Di Lặc. Bởi vì tất cả hàng Phật tử xuất gia cũng như tại gia ai cũng nghĩ rằng chúng ta tu để đạt đến cái kết quả cuối cùng là thành Phật. Nhưng chừng nào thì

chưa biết. Nghĩa là hy vọng cuối cùng của chúng ta là sẽ thành Phật. Như vậy là nhắm tương lai về sau, đó là cái hy vọng về sau này chúng ta sẽ thành Phật.

Ngày Tết Nguyên Đán tức là ngày đầu của một năm. Cũng là ngày hy vọng của toàn dân Việt Nam. Ai cũng nghĩ rằng ngày Tết là ngày hệ trọng phải làm sao tạo điều kiện tốt, hành động tốt, ngôn ngữ tốt, làm toàn việc tốt để rồi có một năm toàn vẹn tốt. Ai cũng mơ ước như vậy. Người Phật tử chúng ta, cũng mong cái tốt đẹp ấy là mai sau sẽ thành Phật như Ngài đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật. Mỗi đầu năm chúng ta đều hy vọng tương lai sẽ thành Phật. Chúng ta mong như thế, từ năm này sang năm khác, từ đời này đến đời sau, tới bao giờ thành Phật mới thôi.

Cái mong đó là cái ước mơ chung của toàn thể. Vì vậy mà ngày đầu năm được coi như là ngày Vía đức Di Lặc để chúng ta hy vọng, chúng ta tin tưởng ở mai sau chúng ta sẽ thành Phật. Lạy Ngài không phải cầu Ngài ban ơn cho chúng ta, mà với tất cả niềm tin rằng Ngài sẽ thành Phật và chúng ta sẽ thành Phật. Đó là niềm tin căn bản của tất cả người Phật tử vào ngày đầu năm. Giờ đây tôi đi qua đề tài như đã nói là, năm nay dành buổi chúc Xuân cho tất cả quý vị tăng, ni và Phật tử tức là chúc "Một mùa Xuân Tinh Tấn".

Tại sao tôi nói một mùa Xuân Tinh Tấn?

Đây tôi kể sơ ảnh hưởng về đức Di Lặc cho quý vị nghe. Trong kinh có một đoạn Phật Thích Ca Ngài kể lại rằng: Bồ Tát Di Lặc và đức Thích Ca hai vị đồng phát tâm Bồ đề một lượt, nhưng khi phát tâm rồi thì Phật Thích Ca chuyên cần tinh tấn tiến tu cho nên Ngài thành Phật

đến giờ đã hơn hai ngàn năm trăm năm rồi. Còn đức Di Lặc dù đã phát Bồ đề tâm Ngài lại thích đi viếng thăm những nhà quyền quý, thích đi chơi chỗ này chỗ kia, thăm người này viếng người nọ, cho nên trong kinh gọi Ngài là Cầu Danh. Bởi Ngài thích rong Nam tẩu Bắc, nên đức Phật đã thành Phật hơn hai ngàn năm trăm năm rồi mà tới sau thăm thăm kia Ngài mới thành Phật. Mình nghĩ rằng đồng thời tu mà người bạn mình thành Phật trước mình mười năm, mình còn buồn huống nữa là thành Phật đã lâu xa như thế. Cái lỗi đó do đâu? Tại thiếu tinh tấn. Bởi thiếu tinh tấn cho nên phát tâm thì đồng thời mà thành quả thì sai biệt, kẻ trước người sau quá xa. Cho nên trên phương diện tu hành chúng ta đừng có đặt thời gian. Cứ nghĩ rằng tôi tu ba năm người kia tu bốn năm, người nọ tu hai năm thì người tu bốn năm coi như nhiều hơn người ba năm, người ba năm coi như tu nhiều hơn người hai năm. Đặt thời gian như vậy e không đúng. Người tinh tấn tu một năm bằng người thiếu tinh tấn tu hai năm, bằng người giải đãi tu ba năm. Người giải đãi là người làm biếng. Chỉ tu cho có chừng thì người đó chắc phải chừng gấp hai gấp ba. Như vậy thời gian không phải là cố định cho người tu là phải mấy mươi năm, mà chỉ giá trị ở sự tinh tấn. Cho nên trong kinh đức Phật Thích Ca nhiều lần Ngài nói rằng: Có những kiếp Ngài tu hạnh Bồ Tát chỉ một đời tinh tấn mà vượt qua bao nhiêu kiếp. Vì vậy tinh tấn là yếu tố then chốt trên đường tu hành. Tôi xin tổng kê những phương pháp tu của đạo Phật để quý vị thấy cái hạnh tinh tấn quan trọng như thế nào.





Nếu nói về giáo lý Thanh Văn Tiểu thừa thì Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là yếu tố then chốt tu hành thành A La Hán. Bắt đầu là Tứ niệm xứ, Tứ chính cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi hay Thất bồ đề phần, Bát chính đạo. Tứ niệm xứ thì không có chữ tinh tấn, nhưng qua Tứ chính cần là bốn điều chuyên cần tức là phải tinh tấn. Tôi nói trong ba mươi bảy pháp tu thì trước hết là Tứ niệm xứ, kể đến pháp thứ hai là Tứ chính cần. Như vậy cái thứ hai là cái tinh tấn. Đó là nói chung cho ba mươi bảy pháp. Còn nói riêng thì tới Tứ như ý túc tức là bốn cái làm cho mình được như ý, trong đó có Dục như ý túc kể là Tinh tấn như ý túc. Rồi Ngũ căn, trước là Tín căn, kể là Tấn căn (tinh tấn). Ngũ lực cũng vậy, Tín lực rồi đến Tinh tấn lực. Thất giác chi hay Thất bồ đề phần thì Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi rồi đến Tinh tấn giác chi. Còn Bát chính đạo thì sau Chính kiến, Chính tư duy, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mạng rồi tới Chính tinh tấn. Như vậy quý vị thấy trong pháp tu không thể thiếu tinh tấn được. Thiếu tinh tấn thì không thành công. Đó là tôi nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo, chỗ nào cũng có tinh tấn đó hết, thiếu thì không đạt kết quả. Rồi đến pháp Bồ Tát thì sao?

Bồ Tát thì tu pháp Lục độ. Lục độ gồm có: 1- Bố thí, 2- Trì giới, 3- Nhẫn nhục, 4- Tinh tấn. Như vậy cũng có tinh tấn. Do có tinh tấn rồi Thiền định mới tới Trí tuệ.

Như vậy trong pháp tu của Phật, tinh tấn không thể thiếu được. Nhờ trí tuệ nhận xét, chúng ta biết được giáo lý của đức Phật dạy, nói theo danh từ chuyên môn là chân lý. Biết

được chân lý rồi thì phải nỗ lực tiến hành. Chứ không phải biết rồi thả trôi rề rề được, mà phải nỗ lực. Nỗ lực đó gọi là tinh tấn. Tinh tấn là một đức tính rất là thiết yếu trên phương diện tu hành. Vì vậy đức Thích Ca nhờ tinh tấn mà thành đạo được sớm, còn ngài Di Lặc vì thiếu tinh tấn cho nên phải kéo dài đến mấy muôn năm so với thời gian trong cõi mình. Đó là điều mà chúng tôi thấy mọi người chúng ta cần phải tu tinh tấn. Như vậy hạnh tinh tấn phải tu cách nào? Chia tổng quát ra làm bốn giai đoạn tu tinh tấn.

- 1- Lấy tứ chính cần.
 - 2- Để trừ tam độc.
 - 3- Tinh tấn để trừ hai con quỷ tán loạn và hôn trầm.
 - 4- Đại tinh tấn.
- Đó là đường lối tôi phác họa ra nói về đề tài tinh tấn.

I. Tứ chính cần, nghĩa là bốn cái siêng năng

Có nhiều người nghe nói siêng năng tưởng là cuộc rầy trồng khoai hay siêng năng cái gì? Nhưng không phải. Siêng năng của nhà Phật chia ra làm bốn thứ.

- 1- Điều ác chưa sinh thì cố gắng đừng cho nó sinh.
- 2- Điều ác đã sinh thì nỗ lực bỏ nó làm cho nó tiêu diệt đi.
- 3- Điều thiện chưa sinh phải kích phát cho nó sinh.
- 4- Điều thiện đã sinh phải làm sao cho nó tăng trưởng.

Như vậy quý vị thấy chúng ta phải tinh tấn chuyên cần: Chuyên cần ngăn chặn những điều ác, chuyên cần phá hoại cái ác đã lỡ làm, chuyên cần gây dựng cho điều thiện phát sinh, chuyên cần làm cho điều thiện được tăng trưởng. Đó là tôi kể tên của Tứ chính cần để quý vị

nhớ bốn điều chuyên cần chân chính của người phật tử.

Người nào là phật tử phải nhớ như vậy.

1- Điều ác chưa sinh

Thí dụ mình chưa biết cờ bạc tức là điều ác chưa sinh. Có người rủ thì mình phải làm sao? Nhất định từ chối. Không làm để khỏi mắc kẹt trong tội lỗi đó. Như vậy điều ác chưa có thì phải giữ trọn vẹn cho nó được tốt luôn. Còn như mình chưa biết uống rượu, nhưng có ai mời, bạn bè rủ mình, mình cũng ráng đừng cho nhiễm trong đường đó. Có nhiều người không biết uống rượu, bị người ta rủ thì uống liền. Như vậy chưa có điều xấu, lại tạo thành điều xấu, chưa có tội lỗi gây thành tội lỗi chưa phải là chính cần. Cho nên ngăn ngừa là một sức cố gắng, phải nỗ lực chứ không phải là ngừa suông. Ở thế gian có những cái khổ, mình không có những tật xấu, người có tật xấu họ muốn mình giống họ. Nghĩa là mình không có say rượu, không bị ngã bờ ngã bụi họ muốn làm sao cho mình giống họ. Nếu mình không chịu ngồi chung bàn với họ thì họ sẽ nói làm sao? Hoặc giả họ nói mình keo kiệt sợ tốn tiền, hoặc giả sợ về bà xã rầy, làm cho mình tức lên. Họ làm nhiều cái làm cho mình tức, rồi nghĩ trong bụng nếu mình không làm như vậy nó khi dễ mình đi. Đó là họ làm cách thả câu. Nếu mình dớp mồi là mắc câu. Cho nên mình phải gan dạ, dù cho họ nói xấu mình, họ nói nhục mình, mình vẫn gan dạ, không bao giờ sợ. Không bao giờ để bị kích động mà sinh ra cái dở. Đó là một sức cố gắng chứ không phải thường, phải gan dạ lắm mới được. Có một người phật tử kể câu chuyện sau khiến tôi rơi nước mắt.



“Một ông phật tử quê cách Cai Lậy năm, sáu cây số, ông qui y tại chùa Thiên Phước. Mấy năm khoảng một ngàn chín trăm năm mươi mấy, đồn bót còn nhiều lắm, thuộc về Pháp, cho nên mấy chú lính là oai lắm. Muốn giết là giết, muốn bắn ai là bắn. Người phật tử đó đã qui y thọ năm giới rồi. Ông khoảng năm mươi tuổi. Khi đó nhằm chiều mười bốn, hay rằm gì đó, ông đi chùa sám hối. Ông đi về ngang bót, trong bót có một người lính cũng quen ở gần nhà. Chú lính quen chào và hỏi ông đi đâu? Ông trả lời tôi đi chùa về. Chú xếp bót uống rượu ngà ngà, chú thấy mới kêu vô ngồi uống rượu. Kêu không vô sợ bắt lỗi, đã lỡ rồi ông phật tử đành bước lại. Mấy người trong tiệc bảo uống rượu. Ông từ chối, thưa: “Dạ tôi không biết uống rượu.” - “Cứ uống đi, chết tôi chịu cho.” Ông túng quá phải nói thật: “Thưa ông xếp tôi đã qui y thọ năm giới, tôi giữ giới không uống rượu.” - “Uống đại đi, Phật quở tôi chịu cho.” Cùng quá ông nói thầm trong bụng, giả sử bắn thì bắn chứ không uống rượu. Ông tìm cách năn nỉ: “Tôi đã lỡ thọ giới rồi xếp thương tha cho tôi. Tôi uống phạm tội nghiệp.” Chúng nó ép uống nếu không uống thì nó bắn. Năn nỉ quá mà nó cũng không chịu, nó đòi bắn. Bảo uống chứ không uống thì bắn, nó không cho đi. Có một người quen ở gần lối xóm biết ông là người lương thiện, mới xô bảo: “Anh đi đi, anh này dốt lắm. Thôi sắp đừng ép anh. Anh ngu không biết ăn chơi gì hết.”

Ông đi rồi, ông nghĩ giả sử bị bắn thì chịu bắn chứ nhất định không uống.”

Mình thấy người phật tử gan dạ như vậy thật là hiếm có. Chứ còn đa số thì làm sao? - Thôi uống để nó cho đi cho rồi. Cái

lỗi say ba ngầu có biết gì phải quấy.

Một câu chuyện khác cũng nói về giới uống rượu.

“Ngày xưa có một vị làm quan lớn biết Phật pháp. Có người phạm tội. Ông nói: “Bây giờ tôi bắt anh làm ba việc, anh xem coi anh nên làm việc nào? Một là anh uống rượu. Hai là anh đốt nhà. Ba là anh giết người. Trong ba tội ác ấy, anh thích tội nào và chọn tội nào anh cho rằng nhẹ nhất. Anh chàng suy nghĩ một hồi rồi nói: “Thôi tôi xin lãnh uống rượu.” Không ngờ anh uống rượu say, anh nổi điên đốt nhà người ta, người ta cự anh, anh giết người ta luôn.”

Như vậy tội hết sức nhẹ mà nó trùm luôn tất cả tội nặng. Cho nên hiểu rằng uống rượu mà Phật cấm không phải là vô lý. Chính nó làm cho người ta cuồng dại. Khi cuồng dại rồi thì tội nào cũng dám làm hết. Vì vậy người phật tử chân chính, phải ngừa phải đón dừng để cho mình mắc kẹt vào cái lỗi đó. Phải có ý chí như vậy, sự tu mới tiến được. Đó là tôi nói về điều ác chưa sinh. Trong những buổi tiệc nhất là tuổi trẻ, phải nỗ lực lắm, chiến đấu ghê gớm. Chỗ đó chính là Chính cần vậy. Nỗ lực lắm mới chặn được tội lỗi chưa sinh. Nếu không cố gắng thì cái chưa sinh dễ phát sinh lắm.

2- Điều ác đã sinh

Người phật tử đã thọ giới qui y, mà giới thứ năm lỡ ghiền rượu rồi bây giờ không thể bỏ được, nên chỉ thọ bốn giới, còn chừa một giới. Vì lỡ ghiền rượu rồi, bỏ thì bỏ không nổi. Bây giờ mình cần giữ bốn giới suốt đời sao? Năm nay thọ bốn giới, năm tới nhất định phải giữ năm Giới. Như vậy là điều ác đã sinh rồi, mà phải ráng bỏ

dù ghiền mà bỏ có phải ủa thì ủa, mưa thì mưa. Chừng nào bỏ được thì thọ thêm một giới. Như vậy điều ác đã sinh mình phải nỗ lực tiêu diệt, chứ đừng để nó kéo dài mãi. Đó là một cố gắng phi thường. Thí dụ như người quen uống rượu, những người quen làm tổn thương người, họ quen làm rồi, bây giờ bỏ cái đó thì họ coi như khó sống hay là khó chung chạ với bạn bè. Cần phải nỗ lực can đảm mới làm được. Vì vậy mà nói là “cần”. Cần là cố gắng. Đó là điểm thứ hai, điều ác đã sinh chúng ta phải nỗ lực cố gắng mà tiêu diệt nó.

3- Điều thiện chưa sinh

Con người thông thường vô tình. Thấy một người đi đường vấp té, mình cứ tỉnh bơ mà đi. Đáng lẽ mình phải tới đỡ người ta lên xem họ có thương tích gì không, băng bó cho họ. Nếu cần thì đưa họ về nhà. Đó là điều thiện mà mình không chịu làm. Điều đó làm được đâu đến nỗi nào, mà chưa có trong lòng mình. Mình quen lơ là vô tình, vô nghĩa như vậy. Bây giờ mình biết đạo lý, mình phải có lòng từ bi, phải thương phải giúp những người khổ hoạn nạn. Đó là tôi nói người gặp tai nạn té, còn những trường hợp khác cũng vậy. Nếu gặp ai khổ, nhiều khi mình ngó lơ, không thèm để ý gì tới. Bây giờ trong cảnh đó mình có thể làm được mình ráng kích động cho lòng mình thương xót để cố gắng mà làm. Cái thói quen lơ là, là một điều tiêu cực. Muốn cho tích cực thì phải cố gắng thúc đẩy thì nó mới phát lên, vì vậy cần phải nỗ lực mới có thể làm điều thiện được.

4- Điều thiện đã sinh

Như tôi thường nói với quý vị, tất cả chúng ta chưa thành





Phật thì chúng ta chưa bao giờ hài lòng với việc tu hành của mình. Ngày nào thành Phật ngày đó mình mới thỏa mãn. Nếu chưa thành Phật thì trên đường tu mình chưa bao giờ hài lòng. Cũng như vậy, những phước đức mà mình đã tạo hoặc nhiều hoặc ít mình cũng không bao giờ hài lòng. Như trong kinh Tăng Nhất A Hàm, đức Phật có nói rằng: “*Đừng bao giờ chúng ta sợ phước mà chúng ta luôn luôn sợ tội.*” Tội là cái phải sợ, phải tránh. Phước thì luôn lúc nào cũng phải làm. Tại sao vậy? Phước là cái duyên tốt giúp ta tiến tu dễ dàng. Còn tội là cái chướng, cái khổ làm cho chúng ta bị lui sụt. Vì vậy chúng ta không nên thỏa mãn với việc làm phước. Chính vì thế mà đức Phật bòn mót từ cái phước xỏ kim: “*Một hôm đức Phật đang ở trong Tịnh xá, lúc đó ngài A Na Luật Đà do tinh tấn tu hành mà mù cả hai mắt. Đức Phật dạy Ngài pháp tu “Nhạo kiến nhân quang chiếu mình tam muội”. Do chứng nhân quang tam muội Ngài thấy cả đại thiên thế giới, mà cây kim trước mắt Ngài không thấy rõ. Hôm đó Ngài muốn vá lại chiếc y, mà xỏ kim hoài không được. Ngài mới than: Ai làm phước tới xỏ kim giùm tôi. Đức Phật nghe, Ngài đi tới hỏi: A Na Luật Đà, đưa kim ta xỏ để ta làm phước. Ngài nghe giật mình thưa: Bạch Thế Tôn, Ngài đầy đủ phước đức trên tất cả rồi mà còn làm phước chi nhỏ xíu vậy? Phật dạy: Chính ta đã đầy đủ phước đức mà còn bòn mót từ cái phước xỏ kim.*” Biết chừng nào chúng ta mới đầy đủ phước đức. Có người mới làm chút phước lại cho là có phước rồi không cần làm nữa. Đó là người tự hài lòng tự thỏa mãn, chuyện đáng làm mà không

chịu làm. Chúng ta nhớ hình ảnh đó để khi nào làm điều gì tốt không nên hài lòng, phải nỗ lực nữa cho đến không còn chút khả năng nào mới thôi. Đối với phước đức đừng bao giờ thấy đủ. Như vậy chúng ta mới viên mãn công đức được. Muốn như vậy phải nỗ lực lắm. Tại sao vậy?

Lúc trước tôi có quen một số phật tử thường hay làm việc từ thiện. Có những người nói những điều thật là khó làm. Ví dụ như ban tổ chức đem theo một trăm gói gạo mỗi gói một kí lô để cứu giúp những người bị lụt lội. Đem một trăm gói, chỉ báo tin chỉ cứu trợ một trăm người, thế mà họ tới một trăm mười người. Rồi mười người không được quà họ lại chửi mình. Khả năng làm việc từ thiện của mình có chừng đó, họ đòi hơi quá khả năng của mình. Không cung ứng đủ họ chửi mình, như vậy làm sao mà mình làm phước. Muốn làm không chán cần phải nỗ lực lắm mới được. Trong khi làm những điều lành, điều tốt, vẫn có những cái chướng nó ngăn trở mình, làm cho mình chán

nản. Do đó mình phải bền chí, nỗ lực mới viên mãn được việc làm phước đó. Đó là cái sơ cơ nhất của sự tinh tấn.

Tôi nhắc lại tinh tấn sơ cơ có bốn điều:

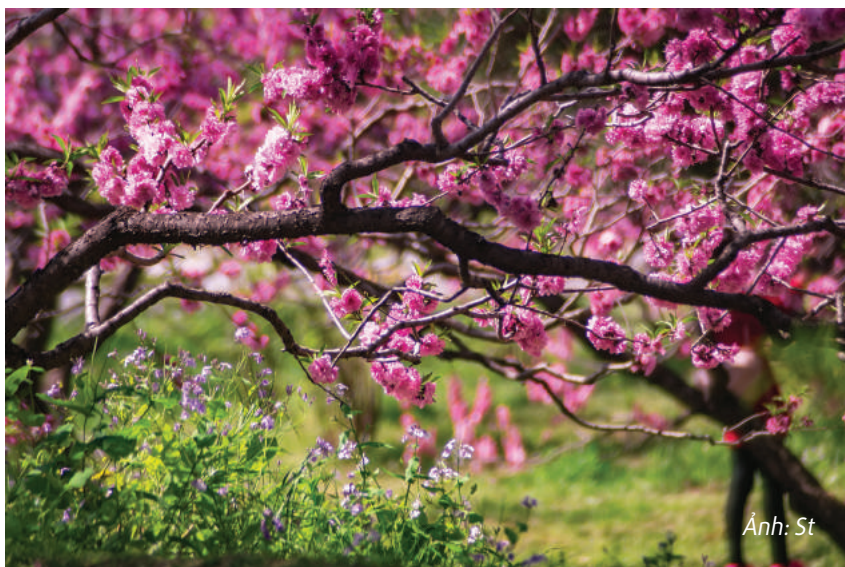
- Tinh tấn ngừa những tội ác chưa có đừng cho nó có.
- Tinh tấn tiêu diệt những điều tội ác đã làm cho nó tiêu mòn.
- Tinh tấn kích động những điều lành chưa có khiến cho nó có.
- Tinh tấn làm tăng trưởng những điều lành đã có.

Đó là bốn cái tinh tấn căn bản của người phật tử kể cả tăng ni cũng phải làm bốn điều đó nữa. Đó là cái tinh tấn thứ nhất.

II. Tinh tấn để tiêu diệt tam độc tức là tham, sân, si

Muốn tiêu diệt tam độc đó phải làm thế nào?

Tham và sân, muốn tiêu diệt nó phải làm sao? Tức là tập hạnh từ để diệt lòng tham, bi để diệt lòng sân. Bởi vì tham là muốn đem những cái gì của thiên hạ gôm về mình. Vì tham



Ảnh: St



cho nên mình lão khoét, gian dối để thỏa mãn cái tham của mình. Khi mình dùng mọi thủ đoạn để thỏa mãn lòng tham của mình đó tức là đã làm cho kẻ khác khổ rồi. Lòng từ tức là lòng thương, ban vui cho mọi người, thấy ai chúng ta đều thương xót muốn cho họ được vui. Khi mà ai chúng ta cũng muốn cho họ vui thì lòng tham chúng ta không thể khởi được. Đó là dùng từ để diệt tham.

Muốn trừ sân phải dùng lòng bi, bi là nhổ hết gốc khổ của chúng sinh. Bởi có lòng bi cho nên không nổi làm cho ai đau khổ. Sợ người đau khổ, khi nổi giận mình có dám mắng họ không? Dám chửi dám đánh họ hay không? Chính vì không nổi làm khổ ai, tự nhiên khi nổi giận không dám nói bậy. Nói bậy làm khổ người ta tội nghiệp. Đánh người ta thì người ta khổ, cho nên vừa dấy niệm giận nhớ không dám làm khổ người thì cái giận chìm xuống.

Như vậy, do từ mà diệt được lòng tham, do bi mà diệt được sân hận. Cho nên cái căn bản tu hành là chúng ta tập có lòng từ bi. Làm sao đối với mọi người, chúng ta thương họ như thương người thân của chúng ta vậy. Không nổi làm người thân mình khổ tất nhiên không nổi làm cho tất cả chúng sinh khổ. Đó là lòng từ bi. Lòng từ bi giúp cho chúng ta dẹp dần cái tâm tham lam và sân hận. Quý vị thấy người nào mình thương thật là thương, người đó có làm gì hơi bực một chút thì mình có đánh chửi hay không? Còn người nào mình ghét, ghét sẵn trong bụng rồi, hơi chọc tức một chút thì miệng chửi tay đánh liền. Thấy hai điều đó rõ ràng như vậy. Nếu có thương thì lỗi mười giảm

xuống còn hai, ba, còn ghét hai, ba tăng lên bảy, tám. Cho nên lòng thương giúp cho chúng ta bớt nóng giận, bớt tham lam, bớt xén. Vì vậy chúng ta cần phải tập có lòng thương. Nếu người nào mình thật thương là mình muốn cho họ có ăn, có mặc. Những cái mình có mình muốn chia cho họ hết. Ngược lại người mình ghét, họ có bằng mình, mình cũng không chịu, mình muốn cho họ thua, họ thấp hơn mình. Như vậy rõ ràng từ bi là cái làm cho ta buông xả lòng tham. Lòng từ bi đó cũng giúp ta giảm nóng giận. Vì vậy mà phải tập từ bi đối với mọi người. Ai chúng ta cũng thấy đều là thân quyến, vì lý luân hồi của đạo Phật giúp chúng ta có tinh thần dễ khởi từ bi. Tại sao vậy? Bởi vì biết tất cả chúng sinh, ai sinh ra đây cũng không phải mới một lần này, mà đã có vô số đời rồi. Một đời sinh ra thì gần nhất là cha mẹ, kế đó là ông bà rồi sau là anh em, con cháu. Bà con quyến thuộc trong một đời để mình thương, ít nhất cũng được vài chục người. Thầy bạn anh em cha mẹ đáng cho mình lo, ít nhất cũng vài chục người. Mà vô số đời như vậy thì thế gian này có ai còn xa lạ với mình nữa hay không? Vì nghĩ đến cuộc luân hồi nhiều đời nhiều kiếp, cho nên tất cả chúng sinh đều là thân thuộc của mình. Tỷ như hai gia đình bà con chú bác ruột, ở xa nhau, mười năm không gặp mặt nhau thì những đứa cháu mới ra đời sau, mình đâu biết được. Hoặc giả những đứa cháu hồi ở gần mình mới năm, ba tuổi, bây giờ gặp lại sau mười năm xa cách, thì mình có biết được nó hay không? Như vậy bà con trong một đời lâu ngày không gặp còn quên thay, huống là bà con nhiều đời. Cho nên chúng ta

dùng tâm quán tất cả người thế gian nếu không phải là bà con ruột thịt đời này, cũng là bà con ruột thịt đời trước hoặc ở đời trước nữa. Nếu mình thương bà con ruột thịt bây giờ, tại sao mình không thương bà con ruột thịt trước kia? Vì ai cũng là bà con ruột thịt hết, ai nổi hại ai. Do đó khởi tâm từ bi. Muốn có từ bi phải quán xét như thế. Do trí quán xét đó mà lòng thương mới tràn ra. Kể như ai có mặt ở đây đều là quyến thuộc mình hết, hoặc là quyến thuộc đời này, hoặc là quyến thuộc đời trước. Không ai đáng ghét cả. Như vậy hai cái tham và sân giảm dần đi, khi từ bi tăng trưởng.

Kế đến là si. Si mê thì dùng trí tuệ tức là ứng dụng Bát Nhã quán phá dẹp si mê. Si mê có hai: si mê về thân, si mê về cảnh. Ngay nơi thân này do duyên hợp mà tưởng là thân thật, cố định. Do tưởng lầm như vậy cho nên mình mới ngã mạn chấp trước, hơn thua phải quấy. Lúc nào cũng thấy mình là trung tâm xã hội. Ở gia đình, mình là trung tâm của gia đình. Vào trong đạo cũng thấy mình là trung tâm trong đạo nữa. Bởi thấy mình là trung tâm cho nên, nếu cha mẹ, anh em không để ý tới mình thì mình buồn, mình giận. Rồi ở xã hội, nếu xã hội không ngó ngang gì mình thì mình cũng tức tối. Mình là trung tâm trong đạo mà ai cho mình tu lơ là không ra gì mình cũng giận. Vì cái bản ngã đó mà mình tạo ra không biết bao nhiêu tội lỗi. Cái bản ngã đó có, là tại mình lầm nhận không đúng lẽ thật, cái thân duyên hợp tạm bợ mà tưởng là thân thật cố định. Nếu thân thật cố định thì ông bà mình đâu có chết và cha mẹ mình cũng còn hoài. Ông bà mình đã mất, cha





mẹ mình đã chết hoặc sẽ chết, còn mình thì cũng sẽ hoại. Như vậy tất cả chúng ta đều là tướng duyên hợp khi còn khi mất tùy duyên. Tùy theo duyên, tại sao mình thấy nó thật. Dùng trí Bát nhã quán xét như vậy thì phá được si mê. Phá được si mê thì, dứt được ngã mạn. Tâm ngã mạn, sở dĩ có là do si mê mà ra. Cái ngã nguyên nó là không thật, mình chấp nó là thật nên đâm ra ngã mạn. Mà ngã mạn thì sinh ra giận hờn tật đố đủ thứ xấu xa. Người học Phật cần tập hai hạnh căn bản đó, tức từ bi và trí tuệ. Trong nhà Phật gọi là phước trí. Muốn thành Phật phước và trí không thể thiếu. Cho nên Phật được gọi là “Lưỡng túc tôn” (lưỡng là hai, túc là đủ, lưỡng túc tôn là hai cái đủ) tức là hai cái đủ: Phước túc và Tuệ túc. Phước là từ bi, tuệ là trí tuệ. Nếu thành Phật phải đủ hai cái đó, thiếu một trong hai cái đó thì không bao giờ thành Phật được. Vì vậy chúng ta tu phải nỗ lực tinh tấn, mỗi ngày cần cố gắng để lòng từ bi càng ngày càng rộng ra. Chúng ta cố gắng dùng trí tuệ quán sát lại, thân này đừng làm nó. Không làm thân đối cảnh chúng ta cũng hết làm. Thân là duyên hợp, cảnh cũng là tướng duyên hợp. Khi thấy rõ thân cảnh là duyên hợp, thì tất cả sinh tử được mất, cả thế gian không còn chi phối chúng ta được nữa. Chúng ta vượt qua nó. Đó là điều căn bản trong sự tu hành cũng là cái tinh tấn thứ hai.

III. Tinh tấn để trừ hai con quỷ tán loạn và hôn trầm

Giờ đến cái tinh tấn thứ ba là cái tinh tấn của người tu chuyên môn, để trừ hai con quỷ mà nhà thiền gọi là hôn tán, tức là hôn trầm và tán loạn.

Khi ngồi thiền nếu tâm không nghĩ chuyện này chuyện nọ thì, một lúc gục lên gục xuống. Đó là con quỷ hôn trầm nhập rồi. Phật không nói chuyện mà ngồi trước bàn Phật gật đầu hoài. Nếu chấn chỉnh qua hôn trầm rồi thì tới tán loạn. Tán loạn dẫn nhớ chuyện này chuyện nọ, cái gì hay cái gì dở. Hết nói chuyện thì hình ảnh, hết hình ảnh tới nói chuyện. Ngồi một mình mà nói chuyện hoài. Nói hết thế này rồi tới thế kia. Hoặc nhớ người này nhớ người nọ. Không cho một niệm dừng. Hai con quỷ nhập rồi thì nó dẫn chạy hoài. Một giờ ngồi thiền rồi cuộc không còn được nữa giờ.

Bây giờ hôn trầm thì phải làm sao trị? Con quỷ hôn trầm nguy hiểm lắm! Người mới tu thì ít sợ hôn trầm mà sợ tán loạn. Người tu kha khá thì ít sợ tán loạn mà sợ hôn trầm. Khi, tâm hơi định rồi thì hơi buồn ngủ. Còn người mới tu, ngồi lại thì lo đau chân, rồi nhớ những gì xảy ra trong ngày, nhớ hoài không bỏ được, nên bị tán loạn dẫn đi. Đau chân cũng làm tán loạn nữa. Vì vậy cho nên mới tu thì bị tán loạn dẫn, tu khá khá thì bị hôn trầm dẫn. Nếu người tu thiền tránh khỏi được hai con quỷ đó thì thành Thánh liền. Con quỷ tán loạn thấy nó khó mà dễ. Dễ là sao? Bởi vì tán loạn là tâm chạy đầu này đầu nọ. Khi mình tu hơi thuần thực, dùng trí quán biết tất cả cái dẫn chạy đó là cái bóng dáng không thật, mình buông lần lần, có thể nó lặng được. Nhưng mà tới nó lặng, chống với con quỷ hôn trầm thật cay đắng. Bởi vì con quỷ hôn trầm tới mà không thấy nó. Mới ngồi yên yên nó gục hồi nào không hay. Tới chừng gục rồi mới giật mình thì việc đã rồi. Như vậy

chống không được, không biết đầu mà chống, mà cũng không chuẩn bị trước được. Con quỷ tán loạn mình quán nó thì nó dừng được, còn cái này không biết đầu mà ngủ. Vì vậy mà hồi xưa, trong kinh A Hàm có một bài kinh, gọi là Trưởng Lão Thủy Miên. Trưởng lão rồi mà ngồi vẫn gục. Hồi đức Phật còn tại thế, Trưởng lão là người đã đắc đạo mà ngồi vẫn gục như thường, huống là mình, phàm phu này làm sao khỏi gục. Tu mà gục là khó trị chứ không phải thường. Muốn trị phải làm sao? Đây tôi dẫn nhiều vị Thiền sư.

Có vị Thiền sư ngồi thiền, ngồi lại là gục, cho tới ngày không còn cách nào chịu nổi được nữa. Ngài mới nghĩ nếu như vậy thì chết còn hơn. Tu mà cứ gục hoài tu gì được. Ở trên núi, Ngài thấy một cây gie ra ngoài vực thẳm, có cháng hai. Ngài mới nghĩ kế, leo lên bề ít nhánh cột lại lên ngồi thiền trên đó cho mầy gục. Mầy gục cắm đầu rơi xuống dưới nát thân cho rồi. Chính nhờ sự nát thân nên quên gục. Hết gục Ngài được chứng đạo. Đó là một phương tiện làm cho hết gục. Phương tiện đó phải gan dạ lắm mới làm được, gan vừa không làm nổi đâu. Quý vị thấy người xưa cũng khổ sở như mình, chứ không phải bây giờ mình mới gục thôi. Người xưa gục nhưng nhờ sự cố gắng nên các ngài thẳng được. Còn trường hợp chúng ta bây giờ nếu có gục thì phải làm sao? Thật ra trong kinh có dạy nhiều cách lắm, mà thấy có cách làm được, có cách làm không thấy kết quả. Ngồi thiền, con mắt mình nhìn hơi xuống, bởi nhìn xuống cho nên yên yên dễ ngủ gục. Khi lơ gục một cái thì phải chấn chỉnh, mở mắt to lên. Cho



nên khi ngồi thiền không nên để tối. Để tối dễ buồn ngủ, cần để đèn sáng vừa phải. Không cho nhắm mắt, nhắm mắt dễ buồn ngủ. Vì mở mắt lớn bị tán loạn cho nên mở vừa chừng. Mở vừa chừng mà gục thì mở lớn, trợn mắt, chấn chỉnh lại. Mở mắt lớn làm tan được cơn gục. Nếu gục nữa thì đứng dậy đi kinh hành, nếu kinh hành mà chưa hết nữa thì rửa mặt. Rửa mặt mà không hết nữa thì đến trước bàn Phật lạy sám hối. Phải đối luôn luôn như vậy khả dĩ mới thắng nó. Không còn cách nào khác hơn được. Đó là phương tiện để trị ngủ gục. Hoặc giả trong nhà Thiền nói rằng: Sở dĩ chúng ta tu mà tán loạn và hôn trầm là tại thiếu sức tinh tấn. Muốn tinh tấn thì lúc nào cũng khắc chữ “tử” trên trán. Chết chứ không có lười thôi, để cho tán loạn lẫn hôn trầm nhập. Thà chết chứ không có hai cái đó. Do sức tinh tấn cương quyết đó mà qua được cơn ngủ và cơn tán loạn. Quý vị nào có kinh nghiệm thì biết, ngồi thiền mà hay mơ mơ thì dễ buồn ngủ lắm. Khi nào chấn chỉnh, cương quyết nhắm một cái gì đó thì lúc đó tan được cơn buồn ngủ. Vì vậy muốn thắng được buồn ngủ phải dùng sức mạnh tinh tấn mà trong nhà Thiền gọi là phát tâm tha thiết, nhất định chết chứ không để cho ma nó dẫn. Đó là lối tu thiền để trị cơn ma buồn ngủ bằng cách tinh tấn.

IV. Đại tinh tấn

Đến cái tinh tấn thứ tư, không phải ngồi thiền mà đây là cái chuyên môn trong Thiền Tông. Mình tập làm sao trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng là tu hết, nghĩa là đi đứng nằm ngồi luôn luôn là tỉnh là giác. Một niệm dấy

lên liền biết. Không cho một niệm nào dẫn đi xa hết. Như vậy cả ngày đi đứng nằm ngồi trong bốn oai nghi đều làm chủ không để vọng tưởng dẫn đi. Không mất một phút giây nào, đó là đại tinh tấn. Người được như vậy đối với đạo không còn xa nữa. Nếu chúng ta tinh tấn tới mức đó, thì không còn dụng công bằng hình thức lễ bái, mà luôn luôn trong bốn oai nghi đi đứng ngồi nằm, dù hoạt động cái gì, cũng vẫn làm chủ được mình, không để một niệm nào dẫn mình đi hết. Người được như vậy, nhà Thiền gọi là đại tinh tấn. Người đó là người thoát ly sinh tử.

Để kết thúc mùa Xuân tinh tấn này, tôi đọc lại bài kệ của Thiền sư Hoàng Bá để nhắc tất cả quý vị. Ngài Hoàng Bá có bài kệ rằng:

Trần lao quýnh thoát sự phi thường

Hệ bả thắng đầu tổ nhất trường

Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt

Tranh đắc mai hoa phốc tử hương

Câu đầu: Người mà thoát khỏi trần lao này là kẻ phi thường.

Câu hai: Như người kéo dây, nắm chặt đầu dây cho thật vững mới kéo được cái gì mình muốn kéo. Ví dụ dây cột một cái cây hay một vật nặng, muốn lôi thì chân đứng cho vững, tay nắm dây cho thật chắc thì mới kéo được. Đây cũng vậy, muốn thoát khỏi trần lao phải nắm chặt đầu mối dây. Mối dây ở đây là mối dây buông hết vọng tưởng. Phải tỉnh, phải hằng tỉnh giác. Giữ lập trường không lay chuyển, dù gặp hoàn cảnh nào, trường hợp nào. Đó là đức tinh tấn.

Câu ba: Không phải một phen mà bị cái lạnh thấu xương.

Câu bốn: Thì làm sao người được mùi hương ngát ngào của hoa mai trong ba ngày Tết.

Nếu chúng ta không trải qua cái lạnh thấu xương của mùa đông thì làm gì chúng ta hưởng được hoa mai thơm ngát đầu mùa xuân. Như vậy muốn hưởng được mùa xuân, người mùi thơm của hoa mai thì chúng ta phải chịu cái lạnh của mùa đông. Chúng ta muốn đạt được kết quả viên mãn của người tu, thì phải hết sức nỗ lực, cam chịu mọi khó khăn nguy hiểm thì mới được kết quả tốt. Không ai tu hành có kết quả tốt mà không trải qua khó khăn. Có chịu khó khăn thì mới được kết quả viên mãn. Vì vậy người nào muốn hưởng được, người được mùi thơm ngát của hoa mai thì phải chịu cái lạnh thấu xương của mùa đông. Tất cả chúng ta tu hành muốn đạt được bản nguyện phải chịu những cái cực khổ, những cái nhọc nhằn. Như vậy phải nỗ lực tinh tấn không lúc nào dám lười biếng, không lúc nào dám giải đãi thì sự tu hành của chúng ta sẽ được như nguyện, đúng theo cái gì lúc chúng ta phát tâm mong cầu.

Kết thúc lại năm nay, đầu năm chúng tôi mong rằng tất cả tăng, ni và toàn thể phật tử khởi đầu năm tinh tấn này, trọn năm này sẽ là ngày Xuân tinh tấn. Phải cố gắng như chúng tôi đã nói, cố gắng tùy trường hợp thấp cao khác nhau, nhưng lúc nào cũng phải cố gắng. Như vậy mới xứng đáng là người phật tử chân chính. Như vậy chúng ta mới mong thoát ly sinh tử được. 🌸





Ảnh: St

Ba thời đức Phật chuyển pháp luân - quan niệm của Phật giáo Tạng truyền

La Sơn Phúc Cường



Phật giáo Tạng truyền chia Giáo pháp đức Phật ra ba thời chuyển pháp luân: thời thứ nhất, đức Phật truyền trao những giáo pháp Tứ Diệu đế, Bát Chính Đạo; thời thứ hai, đức Phật truyền trao giáo pháp Đại thừa và thời thứ ba, đức Phật truyền trao giáo pháp Kim Cương thừa. Bài viết xin được lược lại một số quan điểm cơ bản của thuyết này.

Lần chuyển pháp luân thứ nhất

Lần chuyển pháp luân lần thứ nhất tại Varanasi, thánh địa mà chúng ta có thể viếng thăm ngày nay tại Ấn Độ. Đức Phật truyền trao giáo pháp tại vườn Nai mà ngày nay ta thường gọi là Samath, đó là một nơi chốn xa xôi và ít người biết tới. Sau khi chứng đạt tới giác ngộ, đức Phật đã im lặng, không truyền pháp trong bảy tuần. Lý do là bởi giáo pháp vô cùng tôn quý, hy hữu và lợi lạc. Ngài chỉ truyền trao giáo pháp khi chư thiên thiết tha thỉnh cầu giáo pháp. Chư thiên bao gồm cả Phạm Thiên đã thỉnh cầu ngài truyền trao giáo pháp, sau đó ngài đã tới Varanasi và truyền pháp tại vườn Nai. Ngài truyền pháp cho năm người đệ tử đầu tiên, những người có kết nối nghiệp sâu sắc trong các đời trước với ngài. “Giáo pháp trong lần chuyển pháp luân thứ nhất là Tứ Diệu đế, bao gồm Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Ngài dạy về bản chất, chức năng và hiệu quả của bốn chân lý cao quý này. Nền tảng của toàn bộ Phật giáo đều dựa trên bốn chân lý cao quý này”(1).

Đức Phật truyền trao Tứ Diệu đế rất dễ hiểu với những người thực hành, ngài luận giảng lý do tại sao phải thực hành, các quả vị đạt được nếu thực hành. Ngài đã chỉ rõ rằng nếu chúng sinh không thực hành giáo pháp, họ sẽ mãi lang thang trong luân hồi sinh tử nhưng nếu thực sự hành Pháp, chúng ta sẽ nếm trải quả vị giải thoát của Niết bàn.

Bởi vì bản chất luân hồi là khổ đau, cho nên muốn vượt thoát luân hồi phải tận trừ các nhân tạo nên luân hồi. Bởi vì Niết bàn là an lạc đích thực nên đây là cảnh giới chúng ta phải nỗ lực thành tựu. Nhưng thành tựu Niết bàn và tận trừ luân hồi không phải tự nhiên mà có thể đạt được mà cần phải thực hành qua đối trị các nhân tạo nên luân hồi và kiến tạo các nhân đạt tới Niết bàn an lạc. Đó là lý do đức Phật truyền trao giáo pháp Tứ Diệu đế thông qua lý Nhân-quả.

Giới, định, tuệ là con đường chung cho những ai muốn vượt thoát khổ đau, đạt tới an lạc đích thực mặc dù có sự khác nhau về số lượng và mức độ những giới nguyện mà từng đối tượng thọ lĩnh. “Cấu trúc tổng quát của con đường Phật giáo, trong lần chuyển pháp luân thứ nhất, bao hàm ba mươi Bồ đề đạo phẩm. Tứ niệm xứ với sự thực hành chính niệm về thân, cảm thọ, tâm và các pháp, tỉnh thức về bản chất khổ đau của luân hồi để từ đó phát triển dòng tâm xả ly, vượt thoát luân hồi. Tứ chính cần với bốn sự tỉnh thức giúp dẫn thân từ bỏ những nhân khổ đau và nuôi dưỡng những nhân của an lạc. Sự điều phục các dòng tâm và hành động bất thiện, trưởng dưỡng các nhân thiện lành trong dòng tâm được thực hiện qua Tứ như ý túc, Ngũ lực, Bát chính đạo, Thất giác chi của lộ trình giác ngộ”(2).

Lần chuyển pháp luân thứ hai

Tiếp đến, trong lần chuyển pháp luân lần thứ hai, đức Phật truyền trao giáo pháp tại các nơi chốn như tại đỉnh Linh Thứu ở Rajagriha, Ấn Độ. Các giáo pháp này bao gồm cả Bát Nhã Tâm kinh rất phổ biến trong các truyền thống Phật giáo Đại thừa, đó là đối thoại giữa ngài Xá Lợi Phất và Bồ Tát Quán Thế Âm. Giáo pháp này đã không được truyền trao rộng khắp đại chúng, mà chỉ cho những đệ tử đã có nghiệp thanh tịnh, có năng lực thấy nghe được lời Bồ Tát Quán Thế Âm và ngài Xá Lợi Phất (3).

Trong lần chuyển pháp luân thứ nhất, đức Phật đã dạy rằng phải xả ly luân hồi để đạt tới Niết bàn. Nhưng bằng cách nào có thể thành tựu mục đích này? Mục đích này phải chăng có nghĩa rằng để tới Niết bàn, chúng ta cần phải một hành trình dài để tới một nơi chốn mà mình chưa từng tới? Điều đó có nghĩa chúng ta phải tạo ra những nơi chốn và phẩm chất mới để có được Niết bàn? Thực sự không phải như vậy. “Tất cả chỉ có ý nghĩa là chúng ta phải thấu hiểu bản chất chân thực của vạn pháp, chúng ta phải thấu hiểu tri kiến hiện thời của mình về thực tại là lầm sai và chúng ta phải tận trừ tất cả các phiền não, che chướng trong dòng tâm thức. Và ngay khi chúng ta thấy vạn pháp như đúng bản chất của chúng thì khi ấy chúng ta sẽ thành tựu quả vị Phật”(4).

Trong lần chuyển Pháp luân thứ nhất, đức Phật đã truyền trao Tứ Diệu đế, giáo pháp được phổ biến cho đại chúng, bởi đã được ghi chép



→ lại trong lịch sử, lần chuyển pháp luân thứ hai được xem như sự mở rộng trên các chủ đề mà đức Phật đã giảng trong lần chuyển pháp luân thứ nhất. “Trong lần chuyển pháp luân thứ hai này, Ngài đã dạy không chỉ bản thân chân lý về khổ đau, sự cần thiết phải tỉnh thức và diệt trừ khổ đau của riêng bản thân mà còn nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nhận diện khổ đau của hết thảy chúng sinh, vì thế nội dung bao quát hơn rất nhiều. Ngài không chỉ giảng về những phiền não là cội nguồn của đau khổ trong luân hồi, mà cả những dấu vết vi tế của chúng lưu lại trong dòng tâm”(5).

Các luận giảng trong lần chuyển pháp luân thứ hai không mâu thuẫn với mục đích, bản chất và cấu trúc tổng quát của giáo pháp được truyền trao trong lần chuyển pháp luân thứ nhất. Đó là lý do trong Đại thừa phân thành hai loại kinh điển, liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, tức là một số tiếp nhận giá trị bề mặt và tư tưởng đúng như văn tự trình bày, một số đòi hỏi sự diễn giải sâu xa của trí tuệ không dựa trên cái thấy biết thông thường. Kinh điển Đại thừa căn cứ trên bốn loại xác tín: Y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ, y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa và y trí bất y thức.

Ngoài làm rõ ý nghĩa của Diệt đế, khả năng và các lộ trình tiến tới giác ngộ, truyền trao các giáo pháp về trí tuệ Bát Nhã, lần chuyển pháp luân thứ hai cũng chỉ rõ những phẩm hạnh của một vị Phật. “Chúng ta thấy rằng giác ngộ là có thể bởi vì không có sự khác biệt giữa bản chất tính không của tâm chúng ta và tâm của một vị Phật. Bởi vì tâm không tồn tại cố hữu, nên chúng ta có thể tận trừ các phiền não. Chúng hòa tan vào như thị và khi đó chúng ta được tịnh hóa khỏi các phiền não. Và khi đó chúng ta đồng thời phát triển những phẩm chất giác ngộ của một vị Phật”(6).

Lần chuyển pháp luân thứ ba

Lần chuyển pháp luân thứ ba, đức Phật truyền trao các giáo tại Shravasti và nhiều thánh địa khác tại Ấn Độ, đôi khi đức Phật truyền giáo pháp này ở các cõi trời như cõi trời Đâu Suất trước sự hiện diện của tất thảy các đại Bồ Tát. Các giáo pháp này hiển lộ rằng bản chất Phật hiện diện trong dòng tâm của tất thảy chúng sinh. Chúng ta có thể đặt câu hỏi tại sao giáo pháp này lại được truyền trao sau cùng? “Lý do là trong lần chuyển pháp luân thứ hai đức Phật đã dạy về vạn pháp đều không có

bản chất cố hữu. Các giáo pháp này có thể dẫn tới niềm tin rằng mục đích của con đường Phật giáo, đạt tới Niết bàn đơn giản chỉ là tính không hoàn toàn hay sự trống rỗng hoàn toàn. Để tránh lầm sai này, đức Phật đã đưa ra giáo pháp chỉ ra rằng dòng tâm không phải trống rỗng. Khi một người đạt tới quả vị Phật, sự rỗng nguyên thủy của tâm bản lai sẽ hiển lộ”(7).

Lần chuyển pháp luân thứ ba được kết tập trong nhiều Mật điển khác nhau. Đức Phật đã giảng chi tiết thêm những chủ đề trong lần chuyển pháp luân thứ hai, đặc biệt là chủ đề về tính Không. Trí tuệ tính Không đã được luận giảng ở mức độ hoàn hảo, thâm sâu và toàn diện nhất trong lần chuyển pháp luân thứ hai nhưng trong lần chuyển pháp luân thứ ba đức Phật đã dạy những con đường cụ thể để nhanh chóng chứng đạt trí tuệ tính Không. Đây chính là nền tảng của việc thực hành các chân ngôn bí mật hay giáo pháp Kim Cương thừa. Như vậy có một mối liên hệ chặt chẽ và rất logic về nội dung giữa những kinh điển Đại thừa và Mật điển trong Kim Cương thừa. Bởi căn cứ này nên nhiều học giả phân chia Kim Cương thừa là một bộ phận của Đại thừa. Giáo pháp Đại thừa được chia ra gồm Ba La Mật thừa và Kim Cương thừa. Trong Ba La Mật thừa, người thực hành trưởng dưỡng các thứ lớp tu tập, dần dần qua bốn thứ lớp để tiến tới mức độ thứ năm là quả vị Phật. “Trong Kim Cương thừa, hành giả thực hành đồng thời bốn cảnh giới thanh tịnh của quả vị Phật là thân thanh tịnh, môi trường thanh tịnh, cảm thọ và hành động thanh tịnh. Lần chuyển Pháp luân thứ hai và thứ ba không phổ biến rộng rãi cho đại chúng mà cho những nhóm đệ tử có căn cơ nhất định, đặc biệt Kim cương thừa được thực hành trong bí mật; bởi vậy được gọi là Mật thừa”(8).

Như vậy trong lần chuyển Pháp luân thứ ba, đức Phật đã truyền trao các giáo pháp cho những ai đã thấu đạt những giáo pháp trong lần chuyển pháp luân thứ hai, rằng vạn pháp đều không có thực tướng và khát ngưỡng đạt nhanh chóng đạt tới quả vị giải thoát tối thượng để làm lợi ích tối đa cho chúng sinh. Đức Phật đã luận giảng từ một góc độ khác liên quan tới bản chất bất hoại, toàn hảo và thanh tịnh của vạn pháp.

Lần chuyển pháp luân thứ ba cũng luận giải về tâm vi tế, đó là nền tảng của Mật điển. Liên quan tới đến Phật tính, giáo pháp Mật thừa cho rằng



nguồn gốc tối hậu của tâm Phật là tâm vi tế. Mỗi con người đều có tiềm năng đó trong dạng thức tâm vi tế nhất của mình. Các phiền não có thể bị tiêu trừ bởi những pháp đối trị các phương diện thô của tâm, nhưng các dấu ấn vi tế của các phiền não chỉ có thể bị tiêu trừ bởi tâm vi tế này. Các Mật điển luận giảng kỹ về những năng lực này qua thân, khẩu, ý vi tế. Bởi lý do này dẫn tới giác ngộ nên các bậc thầy trong Mật thừa đều khuyên rằng sau khi thuần thục sáu Ba La Mật, hợp nhất thiền định và trí tuệ và thẩm nhuần con đường Đại thừa, hãy bước vào con đường của Tantra.

Trong thực hành Kim Cương thừa, có nhiều cách phân loại các Mật điển. Ngài Pháp Xứng phân loại về năm thứ lớp Mật điển như sau:

1. Giai đoạn phát khởi
2. Giai đoạn hoàn thành
3. Giai đoạn xả ly
4. Giai đoạn huyễn thân và tịnh quang
5. Giai đoạn hợp nhất

Về cuộc tranh luận vị trí của Phật giáo Đại thừa và Kim Cương thừa, có người cho rằng đó không phải do chính đức Phật tuyên thuyết. Một số quan

điểm cho rằng, những tư tưởng Đại thừa và Kim cương thừa bắt nguồn từ tôn giáo, tín ngưỡng bản địa như đạo Bà La Môn hay đạo Bon. Ví như nhiều quan điểm cho rằng Mật điển thời luân mãi tới thế kỷ thứ 7 mới xuất hiện và có nhiều hình tượng tương đồng với đạo Hindu. “Nhưng ngày nay Mật điển Thời luân Kim Cương được chính đức Đạt Lai Lạt Ma và nhiều luận sư xác quyết được đức Phật truyền trao một tháng trước khi ngài Niết bàn tại Dharanikota (Dhanvakatakam) - một địa phương tại thung lũng Krishna, thuộc Guntur, bang Andhara Pradesh. Nơi đây từng là thủ đô của vương quốc Satavahana (thế kỷ thứ 1 tới thứ 3) và cũng là thủ đô của triều đại Kota Vamsa trong suốt thời Trung cổ cho đến giữa thế kỷ 12”(9).

Thêm nữa, nếu suy xét kỹ càng, sẽ thấy nguồn gốc, mục đích, kinh điển, sự hành trì và tu tập của Phật giáo khác về bản chất với các tôn giáo, tín ngưỡng bản địa đó. Đức Đạt Lai Lạt Ma khuyên nên học hỏi cách tiếp cận của các luận sư Ấn Độ như đức Long Thọ, Trần Na, Thế Thân, đức Di Lặc (Maitreya), Thánh Thiên, Tịch Thiên... Các ngài đã lập luận và minh chứng trong các bộ luận





của mình rất logic và khoa học về tính chân xác của Đại thừa, lập luận rằng các hệ giáo pháp này chính là được truyền trao bởi chính đức Phật.

Đức Phật đã chuyển pháp luân ba lần và truyền trao nhiều giáo pháp Nguyên thủy, Đại thừa và Kim Cương thừa ở những nơi chốn khác nhau cho những đệ tử có căn cơ khác nhau ở những thời điểm khác nhau. Nhưng bởi vì Ngài đang giảng cho các đệ tử có căn cơ vô cùng khác nhau, dường như với nhiều người đức Phật chủ yếu chỉ giảng về Phật giáo Nguyên thủy, đôi khi dường như với họ ngài chỉ truyền trao giáo pháp Đại thừa và đôi khi ngài truyền trao Kim Cương thừa. Tất nhiên đây là cách thức mà mọi người thụ nhận giáo pháp từ đức Phật, với nhiều người dường như đức Phật truyền trao hoàn toàn giáo pháp Nguyên thủy, với nhiều người cho rằng ngài hoàn toàn chỉ truyền trao Đại thừa.

Bởi vì điều này nhiều người bắt đầu có ấn tượng rằng đức Phật chỉ truyền trao giáo pháp Nguyên thủy và không truyền trao giáo pháp Đại thừa, mà giáo pháp Đại thừa là do những người thế hệ sau tạo nên. Nhiều người khác lại tin rằng đức Phật truyền trao giáo pháp Đại thừa nhưng không truyền trao giáo pháp Kim Cương thừa, mà Kim Cương thừa được sáng tạo bởi những tổ sư của các tông phái, bởi các Lạt Ma Tây Tạng... Niềm tin rằng giáo pháp Đại thừa và Kim Cương thừa được sáng tạo bởi những người khác là dựa vào tri kiến cho rằng đức Phật chỉ là một người phạm tình với không có bất kỳ năng lực nào. Thay cho việc nhìn đức Phật là bậc giác ngộ thị hiện trên thế gian để cứu độ chúng sinh do lòng từ của mình và dẫn đạo cho họ tới giải thoát giác ngộ.

Khi đã thành Phật, Ngài có thể hiện diện ở bất cứ nơi chốn nào và thông qua những năng lực siêu việt của mình truyền trao giáo pháp cho vô số chúng đệ tử khác nhau. Ngay khi mọi người nhớ nghĩ ngài chỉ là một người Ấn Độ phạm tình, khi ấy họ sẽ có những nghi ngờ như có thực sự ngài truyền những giáo pháp khác nhau và họ bắt đầu lựa chọn các giáo pháp của các thừa khác nhau.

Sẽ là một hạn chế khi cho rằng đức Phật chỉ là một người phạm tình và bắt đầu nghĩ rằng có lẽ đức Phật không có trí tuệ toàn tri hay không thể truyền dạy những loại giáo pháp hay đức Phật không dạy giáo pháp ở nơi này nhưng không giảng pháp ở nơi kia. Không đáng nhớ những nghi ngờ như thế bởi vì đức Phật không phải là người phạm tình hay một vị trời có thể ban phúc giáng họa cho một người. Nói đức Phật không phải là một vị trời không có nghĩa là chúng ta coi đức Phật chỉ là một người phạm không có những năng lực đặc biệt, không có trí tuệ toàn tri, trí tuệ và sự thấu hiểu, năng lực trực giác và thấu suốt. Giáo pháp mà ngài truyền trao không mâu thuẫn với nhau. Mỗi giáo pháp dùng để đối trị các phiền não khác nhau với những mức độ khác nhau. Bất kỳ ai thực hành giáo pháp ở cấp độ nào hay ở thừa nào chắc chắn sẽ có thể đạt tới được các quả vị tương ứng. Ngày nay các hệ thống cũng có sự giao thoa, kế thừa lẫn nhau, đặc biệt về phương pháp hành trì, mỗi người con Phật tùy vào trải nghiệm, trí tuệ của mình lựa chọn pháp môn phù hợp với bản thân để tinh tiến, vững chãi trên các đạo lộ giải thoát mà đức Thế Tôn đã từ bi truyền trao. 🌸

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

1. The Venerable Thrangu Rinpoche Geshe Lharampa, *The Three Vehicles of Buddhist Practice* (Translated by Ken Holmes), p.15, Pub. the Namo Buddha, 2003.
2. Đạt-lai Lạt-ma 14, *Mật tông Tây Tạng*, (Việt dịch, Thích Nhuận Châu), tr. 25, Nxb phương Đông 2014.
3. The Dalai Lama, *Luận giải về Phật giáo Kim cương thừa – các truyền thống Tạng truyền tại trường đại học Shuchi*, Nhật Bản (Việt dịch, Phúc Cường), www.thuvienhoasen.org, 2014.
4. Tenzin Gyatso, *Tantra in Tibet*, (English tran. by Jeffrey Hopkins), p.32, Pub. Snow Lion, 1987.
5. The Venerable Thrangu Rinpoche Geshe Lharampa, *The Mahayana Councils and the Sutras, Tantras and Shastras*, (extracted from *History of Buddhism in India*), Pub. The Namo Buddha, 1986.
6. Kyabje Khamtrul Rinpoche Jigme Pema Nyinjadh, *Bản tôn, chân ngôn, trí tuệ Kim cương thừa*, tr.125, Nxb Tôn giáo, 2011.
7. Kyabje Khamtrul Rinpoche Jigme Pema Nyinjadh, *Tam thừa Phật giáo và truyền thừa tình túy*, tr.87, Nxb Tôn giáo, 2011.
8. Kyabje Khamtrul Rinpoche Jigme Pema Nyinjadh, *Sđd*, tr.89, Nxb Tôn giáo, 2011.
9. Đạt-lai Lạt-ma 14, *Mật tông Tây Tạng*, (Việt dịch, Thích Nhuận Châu), tr. 198, Nxb phương Đông 2014.



Nghệp lực trong giáo lý đạo Phật

Cư sĩ Nguyễn Đức Sinh

Ảnh: St



Nhân quả, nghiệp và luân hồi là mối tương quan mật thiết tác động qua lại góp phần làm nên đời sống con người và vạn hữu. Song dưới góc nhìn tín ngưỡng dân gian thì Nhân quả, luân hồi ta dễ được cảm nhận hơn. Hay, đó chính là Nghiệp lực trong giáo lý đạo Phật.

Theo lẽ thông thường của tín ngưỡng dân gian thần quyền, khi nhân quả đã “trở quả” hiện tiền rồi thì người ta mới tin là sự thật. Vậy thuyết nhân quả được phổ quát và ứng dụng rộng rãi ở nhiều lĩnh vực (phạm trù) thuộc lý luận cũng như trong đời sống của nhân loại. Còn nghiệp lực hay gọi là

NGHIỆP DẪN LUÂN HỒI trong giáo lý đạo Phật do sự tế vi (không hình tướng) nếu chúng ta không tìm hiểu, hoặc không dùng giáo lý sâu màu của đức Phật để kiến giải thì sự nhận biết thật khó khăn.

Đứng về phương diện giáo lý đạo Phật: tất cả sự vật hiện tượng xảy ra đều do tác động từ Thân, Khẩu, Ý của con người mà thành. Trong đó Ý (tức ý thức) mặc dù vô hình tướng, nhưng làm nên mọi sự. Vậy Phật giáo mới có câu kinh điển: “Tam giới duy tâm vạn pháp duy thức”. Cũng như thế, khi nói về nhân quả, nghiệp dẫn, luân hồi các Tổ thầy và kinh điển thường dạy: “Bồ Tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả” nghĩa

là cần ngăn chặn nguyên nhân trước khi những điều xấu ác xảy đến.

Để giúp chúng ta nhận diện đôi nét về vận hành của Nghiệp trong đời sống con người (đặc biệt là con người đương đại hiện nay) đang có nguy cơ lệch chuẩn về tinh thần đạo đức, bởi con người ngày nay đang có xu hướng chạy theo giá trị vật chất và coi tiêu chí vật chất là trên hết, nên đã xem nhẹ mặt tinh thần (tức bất cần việc tác động xấu, tốt, thiện, ác) hàng ngày của chính mình (do nghiệp gây nên). Chính vì điều này, thiết nghĩ chúng ta cần tìm hiểu về giáo lý Nghiệp dẫn của đạo Phật để ứng dụng vào đời sống, góp phần cho cuộc sống ngày thêm





an lành và bớt khổ đau hơn. Vậy diễn tiến của nghiệp dẫn ra sao và tác dụng của nó trong đời sống như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu vấn đề này dưới đây.

Nhận diện hay khái niệm về nghiệp

Chữ nghiệp là do dịch nghĩa của chữ Karma trong tiếng Phạn hay chữ Kamma từ tiếng Pali. Dịch âm là Kiết ma. Nghiệp nghĩa là hành động, việc làm của thân, khẩu, ý. Khi chúng ta nghĩ một điều gì, nói một câu gì, làm một việc gì, lành hay dữ, xấu hay tốt, nhỏ hay to, mà có ý thức, đều gọi là nghiệp. Những việc làm vô ý thức không phải là nghiệp. Đức Phật dạy: “Này các thầy Tỳ kheo, Như Lai nói rằng tác ý là nghiệp”. Tác ý bắt nguồn sâu xa trong vô minh và ái dục. Còn vô minh, còn ái dục, còn ham muốn, thì mọi hành động, lời nói, tư tưởng đều là nghiệp.

Những hành động lời nói, tư tưởng của chư Phật, chư Bồ Tát không gọi là nghiệp vì các ngài đã giác ngộ, không còn bị vướng mắc trong màn vô minh và lưới ái dục.

Sự hình thành của nghiệp

Trong luật nhân quả chúng ta thấy, về phương diện vật chất cũng như tinh thần, có nhân thì thế nào cũng có quả và quả lại làm nhân để tạo thành quả khác. Nhân quả đáp đối cho nhau và tiếp nối mãi không dứt. Trong phạm vi con người khi mới tạo ra hành động nào bất luận bằng thân, khẩu, hay ý thì hành động ấy gọi là nghiệp nhân. Theo kinh điển và các Tổ thầy dạy, vang bóng ảnh hưởng

của nghiệp nhân ấy, được gieo vào trong ruộng tiềm thức và trưởng thành dần. Khi nó có đủ cơ duyên, vang bóng ảnh hưởng ấy kết thành quả (nghĩa là phát lộ ra bằng hành động thân, khẩu, ý khác) thì gọi là nghiệp quả.

Vang bóng ảnh hưởng của nghiệp quả này được gieo vào tiềm thức để làm nghiệp nhân cho nghiệp quả về sau. Ruộng tiềm thức chất chứa, nuôi dưỡng tất cả những hạt nhân và quả ấy, trở thành ruộng thiện, nếu những nghiệp nhân và quả của người hành động đều thiện; trở thành ruộng ác, nếu nghiệp nhân và quả của người ấy đều ác; hay trở thành ruộng nửa thiện nửa ác, nếu những nghiệp nhân và quả của người ấy có thiện có ác. Cũng như khi

chúng ta dùng một thửa ruộng để trồng đậu thì chúng ta có một đám ruộng toàn đậu; khi ta trồng bắp thì ta có một thửa ruộng bắp; còn nếu khi chúng ta vừa trồng cả đậu lẫn bắp, thì ta có một đám ruộng bắp đậu lẫn lộn.

Để giúp chúng ta nhận diện đôi nét về sự hình thành của nghiệp, cố HT.Thích Thiện Hoa đã nêu ra một ví dụ sát thực để hình dung về nghiệp như sau: Mỗi một họa sĩ đều có một tấm gỗ để thử màu, trộn màu. Mỗi khi tô màu gì lên bức tranh, thì họa sĩ lấy màu để trộn hay thử trước lên tấm gỗ ấy. Nếu họa sĩ có một tính tình nồng nhiệt thích màu đỏ nhiều hơn các màu khác, thì tấm gỗ ấy lâu ngày trở thành màu đỏ; nếu họa sĩ có tính cách hiền dịu,





thích màu xanh hơn các màu khác, thì tấm gỗ ấy, nổi bật lên màu xanh. Những bức tranh thì họa sĩ đã bán cho người khác, nhưng tấm gỗ thì luôn luôn còn lại bên mình họa sĩ và chỉ nhìn vào tấm gỗ ấy, người ta có thể đoán biết họa sĩ đã vẽ trong những bức tranh ấy màu gì.

Cũng như hành động, lời nói, tư tưởng của chúng ta tuy đã tàn mát trong không gian, tan biến trong thời gian, mà ảnh hưởng vang bóng của chúng ta còn lại trong tiềm thức, tạo cho ta một cá tính riêng biệt: hoặc hiền, hoặc dữ, hoặc siêng năng, hoặc biếng nhác... Và khi nhận thấy cá tính của ta, người tinh ý có thể đoán biết được đại khái tính cách và những hành động của ta trong quá khứ, cũng như trong tương lai. Nhân đây,



Ảnh: St

cũng xin nêu một ví dụ nữa để chúng ta cùng tìm hiểu. Ông Lương Khải Siêu - một học giả Trung Hoa, khi bàn về cái nghiệp trong giáo lý đạo Phật, cũng có một kiến giải mang ý nghĩa sát thực để nhận diện về nghiệp như sau:

“Hình tướng cứu cánh của nghiệp lực như thế nào? Quý vị không nghe câu chuyện của những nhà uống trà chuyên môn sao? Cái bình trà càng cũ càng ngon, nếu cái bình trà ấy xưa nay vẫn chế trà ngon. Vì sao vậy? Là vì mỗi khi pha trà thì trong bình có một sự thay đổi. Tuy mỗi khi uống trà xong, bình súc sạch sẽ chẳng còn thấy gì, nhưng thực ra có một phần chất trà thấm vào bình, lần thứ hai bỏ trà mới vào, chất trà lần trước đã thấm vào bình lại tác dụng ra làm cho trà mới ngon hơn. Cứ như thế lần thứ ba, thứ tư cho đến trăm ngàn lần, lần nào chất trà cũ cũng tác dụng ra, chất trà mới thấm thêm vào càng lâu càng nhiều.

Lúc bấy giờ, không cần bỏ trà, chỉ chế nước sôi (chẳng qua một lần) cũng vẫn có mùi vị uống được. Ví dụ dùng nha phiến cũng thế, người nghiện thích dùng dục tẩu cũ là vì đã thấm thuốc nhiều. Vậy chất trà thấm vào bình, chất thuốc thấm vào dục tẩu, theo danh từ Phật giáo có thể gọi nó là trà nghiệp, yện nghiệp. Tuy nhiên đem thí dụ như thế không được hoàn toàn đúng là vì một đẳng thuốc phiện và trà là vô sinh mạng, một đẳng là người có sinh mạng; dù sao đứng về phương diện hình tướng của nghiệp, cũng tương tự được vài phần... (lược khảo Phật giáo Ấn Độ, bản dịch của Thích Nguyên Hồng).”

Sức mạnh và sự tồn tại của nghiệp

Nghiệp lực không có hình tướng, nên không có thể trông thấy được, nhưng nó có tác dụng vô cùng mãnh liệt.

Như điện lực, tuy không trông thấy được hình dáng ở đâu và như thế nào, nhưng khi đã đủ điều kiện thì nó phát sinh ra nào là ánh sáng, sức nóng, hơi lạnh với sức mạnh vô cùng. Cũng tương tự, nghiệp lực thúc đẩy con người ta cũng theo nhiều trạng huống: người này thích hoàn cảnh này, người kia thích hoàn cảnh nọ... Nó là nòng cốt của mọi tư tưởng, mọi lời nói, mọi việc làm. Chúng ta thường thấy có nhiều người quen thói đánh bạc, nhiều lần thua lỗ, vợ con khóc lóc, bạn bè khuyên bảo, đã quyết tâm xa con bài lá bạc nhiều lần, thế mà mỗi khi làm gì, cũng không quên được sòng bạc. Người ta bảo rằng người ấy có nghiệp đánh bạc. Những người nghiện thuốc phiện, nghiện rượu và trai gái cũng có cái nghiệp riêng của họ cả. Càng đi sâu vào một con đường nào thì cái nghiệp do con đường ấy huân tập càng nặng nề, mãnh liệt chừng ấy.

Nghiệp không chỉ có sức mạnh mà còn tồn tại dai dẳng, không bao giờ chấm dứt, nếu chưa giác ngộ được. Điều này cũng rất dễ hiểu: có nghiệp nhân thì tất có nghiệp quả, nghiệp quả khi đã phát hiện thì lại làm nhân cho nghiệp quả sau, cứ xoay vần như thế mãi, như một bánh xe lăn xuống dốc, sức đẩy của vòng thứ nhất làm nhân cho vòng lăn thứ hai, sức đẩy của vòng lăn thứ hai làm nhân cho vòng lăn thứ ba





và cứ tiếp tục như thế mãi cho đến bao giờ hết dốc mới dừng nghỉ.

Nghiệp cũng nằm trong luật nhân quả và bị chi phối của luật nhân quả. Thời gian từ khi nhân phát sinh đến khi quả hình thành, có khi nhanh, khi chậm thì thời gian từ nghiệp nhân đến nghiệp quả cũng có khi mau khi chậm, có khi chỉ trong một đời, có khi hai đời, có khi nhiều đời. Nhưng dù chậm hay mau, đã gây nghiệp thì thế nào cũng chịu quả báo. Trong Khế Kinh có dạy: “Giả sử trăm nghìn kiếp, nghiệp nhân đã làm cũng không mất, khi nhân duyên hội ngộ, thì quả báo đến”.

Các loại nghiệp

Đứng về phương diện thời gian, kinh Nhân quả có chia các nghiệp như sau:

1. *Thuận hiện nghiệp*: đời nay tạo nghiệp, đời sau thọ quả.

2. *Thuận sinh nghiệp*: đời nay tạo nghiệp, đời sau chịu quả.

3. *Thuận hậu nghiệp*: đời nay tạo nghiệp, cách mấy đời sau mới chịu quả.

4. *Thuận bất định nghiệp*: nghiệp quả xấu đến không nhất định thời nào, có khi trong đời nay, có khi đời sau, có khi nhiều đời sau.

Đứng về phương diện tính chất, trong các kinh thường phân loại các nghiệp như sau:

1. *Tích lũy nghiệp*: là những nghiệp tạo tác trong nhiều đời trước chất chứa lại.

2. *Tập quán nghiệp*: là những nghiệp tạo trong đời hiện tại, luôn luôn tiếp diễn nên thành thói quen, thành tập quán, thành nếp sống riêng biệt.

3. *Cực trọng nghiệp*: là những nghiệp quan trọng có năng lực tác động mãnh liệt hơn cả các nghiệp khác và chi phối tất cả. Nó phát hiện nghiệp quả ngay trong đời hiện tại, hay trong đời kế tiếp. Nó có thể là kết quả của những hành vi tốt đẹp nhất như hành vi của người tu hành chân chính, nó cũng có thể là kết quả của những hành vi xấu xa, vô đạo như tội ngũ nghịch: giết cha mẹ, giết A La Hán, làm hại Phật và chia rẽ tăng chúng.

4. *Cận tử nghiệp*: là những nghiệp lực gần lâm chung, cũng rất mãnh liệt và chi phối rất nhiều trong sự đi đầu thai.

Đứng về phương diện nặng nhẹ, lớn nhỏ của các nghiệp thì trong các kinh cũng chia chẻ một cách rất khoa học và hợp lý. Không phải rằng hành động nào có hình thức giống nhau thì nghiệp nhân và nghiệp quả đều giống nhau. Sự khinh trọng, lớn nhỏ của quả báo đều có căn cứ nơi Ý để thành lập. Kinh Ưu Bà Tắc, trong khi nói về sự nặng, nhẹ, lớn nhỏ của nghiệp nhân và nghiệp quả, có phân chia làm bốn trường hợp:

1. *Việc nặng mà ý nhẹ*: như khi quăng đá để dọa người, mà lỡ tay giết phải người.

2. *Việc nhẹ mà ý nặng*: như khi thấy một tượng đá, tưởng là kẻ thù của mình, nắm dao đến đâm, kết quả của việc làm là tượng đá bị nứt mẻ, nhưng ý thì nặng bởi muốn giết người.

3. *Việc và ý đều nhẹ*: như vì không thích một người nào đó, nên dùng lời để châm biếm người ấy.

4. *Việc và ý đều nặng*: như vì thù địch, cố ý giết người và đã giết thật.

Cũng trong kinh Ưu Bà Tắc, có sự phân chia tội báo nặng nhẹ thành tám loại như sau:

1. *Phương tiện nặng nhưng căn bản và thành dĩ nhẹ*: như lấy dao dọa người, chẳng may động đến họ, họ bị thương. Phương tiện (cầm dao) thì nặng, nhưng căn bản (dọa người, chứ không phải ác ý) thì nhẹ và thành dĩ (bị thương) cũng nhẹ.

2. *Căn bản nặng, nhưng phương tiện và thành dĩ nhẹ*: như muốn giết người, nhưng chỉ lấy đá ném và vì thế, họ chỉ bị thương thôi. Căn bản (muốn giết) thì nặng, nhưng phương tiện (lấy đá ném) và thành dĩ (vết thương) đều nhẹ.

3. *Thành dĩ nặng, nhưng căn bản và phương tiện nhẹ*: như ném đá chơi, chẳng may vỡ sọ người ta. Thành dĩ (vỡ sọ) nặng mà căn bản (chơi) và phương tiện (ném đá) đều nhẹ.

4. *Phương tiện và căn bản nặng, thành dĩ nhẹ*: như muốn giết người, chém một nhát mạnh vào yết hầu, nhưng người ấy chỉ bị thương xoang thôi. Phương tiện (cầm dao chém) và căn bản (muốn giết người) đều nặng, nhưng thành dĩ (vết thương xoang) nhẹ.

5. *Phương tiện và thành dĩ nặng, căn bản nhẹ*: như vô ý để xe cán người chết. Phương tiện (xe cán) và thành dĩ (người chết) đều nặng, nhưng căn bản (vô ý) thì nhẹ.

6. *Căn bản và thành dĩ nặng, nhưng phương tiện nhẹ*: như tác ý nói láo, đến nỗi kẻ kia phải bị tù tội. Căn bản (ác ý) và thành dĩ (tù tội) đều nặng, nhưng phương tiện (nói láo) thì nhẹ.



7. *Căn bản, thành dĩ và phương tiện đều nặng*: muốn giết người và đã dùng dao chém người đến chết. Căn bản (muốn giết người) thành dĩ (người chết) và phương tiện (chém) đều nặng.

8. *Căn bản, thành dĩ và phương tiện đều nhẹ*: như giả giết bằng cách quơ dao làm người kia sợ trong chốc lát. Căn bản (giả giết) thành dĩ (làm sợ hãi) và phương tiện (quơ dao) đều nhẹ.

Sự phân chia rõ ràng nêu trên, đủ cho chúng ta thấy được sự sai khác nặng nhẹ của nghiệp nhân và quả. Theo đó, chúng ta có thể kết luận rằng sự khinh trọng của nghiệp báo đều dựa trên căn bản ở Ý. Và như thế, chúng ta đừng lấy làm lạ tự hỏi tại sao hai người cùng làm một việc giống nhau, mà thọ quả báo lại khác nhau; hành động giống nhau là bên ngoài, chứ tác ý ở bên trong làm sao chúng ta biết được? Vì thế, chúng ta không nên nhìn bên ngoài mà phê phán được.

Không nên làm tướng nghiệp là hồn

Có người nghĩ rằng, nghiệp chi phối tất cả đời sống con người, nghiệp là chủ động, nghiệp tồn tại mãi mãi, vậy thì nghiệp chẳng khác gì linh hồn bất tử. Đó là một quan điểm sai lầm. Đạo Phật không bao giờ công nhận có linh hồn bất tử. Đạo Phật đã chủ trương mọi sự mọi vật, đều vô thường, thì không lý nào lại công nhận có một linh hồn vĩnh viễn trường tồn, bất biến.

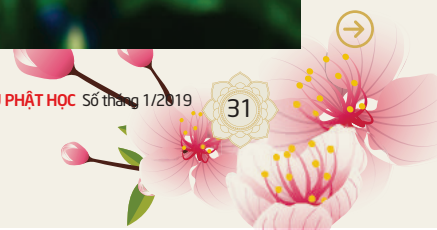
Theo đạo Phật, con người là tổ hợp của năm nhóm (ngũ

uẩn) vật chất và tinh thần: sắc (xác thân) và thọ, tưởng, hành, thức (tinh thần). Năm nhóm này biến đổi từng phút từng giây như một dòng nước. Khi mệnh chung, những nhóm ấy tan rã, nhưng kết quả của những hành động về thân, khẩu, ý của người ấy vẫn còn tác động.

Cái còn lại đó là nghiệp. Cái nghiệp này chất chứa những ước vọng thầm kín, nhưng mãnh liệt nhất của con người là sự tham sống và sự luyện ái. Nên biết một kẻ tự tử, cũng không phải là đã hết muốn sống. Họ không muốn sống cái đời họ đang sống nên họ muốn chấm dứt nó để sống một đời sống khác tốt hơn. Và như thế, động lực của sự tự tử vẫn là do lòng tham sống mãnh liệt

hơn. Lòng tham sống và ái dục là những nguyên nhân chính của những hành động của con người lúc sống, thì khi chết, cái kết quả của những hành động ấy vẫn là lòng tham sống và ái dục.

Do lòng tham sống và ái dục ấy nên khi mệnh chung, nghiệp lực rời bỏ thân xác này và đi tìm một thân xác khác gá vào để thỏa mãn những ước vọng tham dục của mình. Đó là nguyên nhân của kiếp sau (bất cần kiếp sau như thế nào). Như thế, không cần có một linh hồn bất biến mới có đời sau. Theo kinh điển và Tổ thầy dạy: Sự nối tiếp từ đời này sang đời khác là do ở nghiệp cả. Nghiệp là động lực chính của dòng sinh mạng nối tiếp từ kiếp này sang kiếp khác, cũng như gió là nguyên





nhân làm cho sóng dậy và tiếp nối từ làn này sang làn khác. Bao giờ còn gió nghiệp thì còn gió đời. Gió nghiệp dừng nghỉ thì biển đời sẽ thanh tịnh. Và khi ấy sẽ không còn sóng chết.

Hành tướng của nghiệp lực trong khi đi đầu thai

Sau một thân mạng đã chút hơi thở cuối cùng, nghiệp lực rời bỏ thân mạng ấy để đi tìm một thân mạng khác gá vào. Dẫn dắt bởi ái dục, nó đi tìm những cuộc giao phối giữa nam nữ. Nghiệp nhân quá khứ như thế nào thì nó đi tìm hoàn cảnh thích hợp với nghiệp nhân như thế ấy. Hoàn cảnh ấy đạo Phật gọi là y báo. Y báo có thể sáng sủa hay tối tăm, an vui hay buồn chán, thanh tịnh hay ô uế... tùy sự lựa chọn thích hợp của nghiệp quá khứ. Để minh họa cho dễ hiểu, cổ HT.Thích Thiện Hoa dụ về điều này như sau: “Nhuồng điện phát ra ở đài phát thanh ngắn hay dài, bao nhiêu kích thích thì nó sẽ tìm máy thu thanh vận đúng kích thích ấy để vào đầu thai.

Chỉ có khác là luồng điện có thể vào một lúc nhiều máy thu thanh, còn nghiệp lực thì chỉ đi đầu thai ở một nơi mà thôi. Một cái thai đậu được phải đủ ba yếu tố: tinh cha huyết mẹ, thần thức và nghiệp lực. Thiếu một trong ba yếu tố ấy, thai sẽ không thành. Khi thai đã thành là một đời sống mới bắt đầu. Nói là mới, nhưng thật ra cái đời sau này vẫn còn mang

những mầm giống của nghiệp nhân quá khứ. Những nghiệp nhân này cứ tuần tự theo thời gian và tùy hoàn cảnh mà phát triển. Những nghiệp nhân nào vì chưa đủ trợ duyên để phát hiện ra nghiệp quả trong đời này, thì có thể phát sinh trong đời sau, nếu hội đủ nhân duyên.”

Nhưng một nghiệp lực không phải chỉ quanh quẩn trong cảnh giới người, mà có thể đi tìm một cảnh giới khác trong sáu cảnh giới mà đạo Phật thường nói đến là: Thiên, Nhân, A tu la, Ngạ quỷ, Súc sinh và Địa ngục. Đây là những cảnh giới còn nằm trong sự cuốn hút của tam giới và bị chi phối của nghiệp, nên trong Phật giáo gọi là Lục đạo luân hồi.

Thay lời kết

Thời đức Phật còn tại thế, có một thanh niên uất ức trước tình trạng bất công của con người và muốn tìm cho ra chân lý của sự bất công này nên đã đến hỏi Phật.

- Bạch đức Thế Tôn, đâu là nguyên nhân, là nguồn gốc của sự bất công giữa chúng sinh? Tại sao có người chết yểu, có người sống lâu, có kẻ mạnh khỏe, có người tàn tật, có kẻ xấu xa, có người đẹp đẽ, có kẻ cô độc, có người đông con, có kẻ nghèo khó, có người giàu sang, có kẻ sinh ra trong gia đình đê tiện, có người sinh ra trong dòng tộc quý phái, có kẻ ngu muội, có người khôn ngoan?

Đức Phật đã trả lời văn tắt, nhưng đầy ý nghĩa như sau:

- Mỗi chúng sinh có những hành vi riêng; những hành vi ấy là món quà gia báo, làm vật di truyền, làm người bạn chí thân, làm chỗ nương tựa của họ. Chính những hành vi ấy là cái nghiệp đã làm cho chúng sinh khác nhau trong cảnh trạng dị đồng vậy.

Cũng nội dung trên, trong kinh Atthasalissi lại dạy rõ hơn:

“Do sự khác nhau trong nghiệp mà có những sự khác nhau trong chúng sinh, kẻ sinh ra trong gia đình quyền quý, người sinh ra trong gia đình đê tiện; kẻ sinh ra trong sự nguyện rửa, người sinh ra trong sự tôn trọng; kẻ sinh ra được hưởng hạnh phúc, người sinh ra phải chịu khổ sở”.

Như vậy, mọi sự việc xảy đến là do tác động của nghiệp. Qua giáo lý kinh điển cũng như các Tổ thầy dạy, bài viết này cũng đã phần nào giúp chúng ta nhận diện được sự vận động của nghiệp và tác dụng của nó trong đời sống con người. Nhận diện được nghiệp dẫn trong giáo lý sâu mầu của đạo Phật, có nghĩa là giúp chúng ta điều chỉnh được những hành vi xấu ác để hướng đến sự cao thượng hơn. Đó là mục đích mà giáo lý đạo Phật hướng tới và đem lại hạnh phúc an lành cho con người và muôn loài. 🌸

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Kinh Tăng Nhất A Hàm trọn bộ (Nxb Tôn giáo 2007)
- Tâm quyền sách quý, cổ HT.Thích Thiện Hoa - (HPG-HCM ấn hành 1990)
- Mỗi ngày trăm tư về sinh tử - Sogya Rinpoche - (Nxb Tôn giáo 2006).



Ảnh: Minh Anh

Giáo hội Phật giáo Việt Nam với sự nghiệp đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Hòa thượng TS Thích Gia Quang
Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự - Giáo hội Phật giáo Việt Nam

“Hơn hai nghìn năm hiện diện trên đất nước Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc, đạo Phật đã trở thành tôn giáo của dân tộc. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay, Phật giáo Việt Nam luôn luôn là thành viên tin cậy và vững mạnh trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.” Trích Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN).

Trải qua 37 năm xây dựng và phát triển tổ chức Giáo hội, GHPGVN đã kế thừa truyền thống hơn hai nghìn năm lịch sử Phật giáo Việt Nam “Hộ

quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” Giáo hội đã có những đóng góp trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, điểm qua một số nét cụ thể như sau:

Những đóng góp chung của Phật giáo Việt Nam đối với dân tộc

Theo các tác giả, như: Nguyễn Lang (Việt Nam Phật giáo sử luận), Nguyễn Đức Lữ (Tôn giáo với dân tộc và Chủ nghĩa xã hội), Hoàng Thị Thơ (Đạo đức Phật giáo với vấn đề xây dựng nhân cách con người Việt Nam), Nguyễn Duy Hình (Mấy đặc điểm Phật giáo Việt Nam), Thích Thanh Từ (Giáo





HT TS Thích Gia Quang - Ảnh: Minh Anh

hội Phật giáo Việt Nam trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay), Lê Hữu Tuấn (Một số vấn đề của Phật giáo Việt Nam trong đời sống hiện nay), Đinh Kiều Nga (Những ảnh hưởng của Phật giáo với văn hóa dân tộc), Trần Thị Minh Nga (Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc), ... đều chứng minh mối quan hệ keo sơn, khăng khít giữa Phật giáo và dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước và tầm ảnh hưởng ngày càng lớn đến các lĩnh vực đời sống xã hội.

Ngày nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã kế thừa và phát huy truyền thống đó mạnh mẽ trong thời kỳ đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam đang lãnh đạo đất nước.

Đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về văn hóa

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và đã nhanh chóng được bản địa hóa. Trong lịch sử phát triển của mình, Phật giáo đã để lại cho dân tộc nhiều di sản văn hóa vật chất và tinh thần có giá trị đặc sắc. Khối di sản này bao gồm hệ thống không gian, kiến trúc chùa tháp, các tác phẩm điêu khắc tượng thờ, tranh thờ Phật giáo, hoành phi, câu đối, đồ thờ cúng, nhạc khí... cùng những giá trị tư tưởng, đạo đức, văn hóa, âm nhạc và nhiều nghi lễ Phật giáo.

Di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc với những đặc trưng khiêm cung, giản dị, hài hòa, cân đối, vừa phù hợp với không gian tâm linh, vừa gắn bó hữu cơ với

cảnh quan chung. Từng bộ phận kiến trúc, từng pho tượng, bức tranh, đồ thờ tự... trong các ngôi chùa đều là những tác phẩm nghệ thuật tuyệt mỹ. Di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hóa phong phú và độc đáo của dân tộc.

Đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về lĩnh vực giáo dục, phát triển kinh tế

Xã hội ngày nay đứng trước nhiều vấn nạn thời đại như bạo lực gia đình, bạo lực học đường, sự suy thoái về lối sống đạo đức của một bộ phận giới trẻ có cách sống thực dụng, manh động trong suy nghĩ và hành động bất kính với người lớn, với cha mẹ, thầy cô, thiếu tình yêu thương đồng loại, dẫn đến tệ nạn xã hội gia tăng trong những năm gần đây. Không đứng ngoài những hiện tượng trên, GHPGVN nhiều năm qua đã có những hoạt động thiết thực để góp phần làm giảm sự suy thoái đạo đức trong thanh thiếu niên. Từ Trung ương Giáo hội đến các địa phương, các chùa, tự viện, thiền viện... đã tổ chức nhiều khóa tu và các hoạt động phật sự... Thông qua đó giáo dục các em hiểu được lễ nghi, phải trái, hiếu thuận, nhân quả, tội phúc, sự biết ơn, đền ơn, báo ân, báo hiếu ông bà tổ tiên, cha mẹ, thầy cô... để các em có được nếp sống lành mạnh, văn minh và có trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Nền giáo dục của Phật giáo mang đậm tính nhân văn, triết lý nhân quả, nhân bản nhằm đến mục tiêu đào tạo con người hướng thiện, giúp cho mọi người có niềm tin chân chính, quyết tâm thực hành chính pháp để trở thành những người có đạo đức, có từ bi và trí tuệ, cùng cộng đồng xã hội chung tay xây dựng nền hòa bình, thịnh vượng, xã hội ngày càng văn minh.

Tư tưởng nhập thế của Phật giáo đã góp phần xây dựng chuẩn mực đạo đức con người, đưa con người đến cuộc sống “chân – thiện – mỹ”, từ đó làm thay đổi tư duy phát triển kinh tế của nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, ngày nay các điểm du lịch tâm linh thường gắn với đền, chùa, lăng tẩm, cơ sở tôn giáo và lễ hội. Cả nước có gần 500 ngôi chùa được xếp hạng di tích quốc gia. Đây chính là những điểm thu hút du khách tới tham quan, chiêm bái, nghe giảng và trải nghiệm đời sống thiền tu. Như vậy, các điểm hành hương tâm linh đã tạo ra công ăn



việc làm cho hàng nghìn người ổn định cuộc sống, góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp trong xã hội.

Phật giáo đã giúp giảm gánh nặng xã hội bằng việc chung tay cùng Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ những người có hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, sớm vượt qua để ổn định cuộc sống thông qua công tác phúc lợi xã hội như khám chữa bệnh miễn phí tại một số chùa, tự viện Phật giáo, đào tạo miễn phí dạy nghề và giới thiệu việc làm cho hàng nghìn học viên.

Đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về từ thiện xã hội

Công tác từ thiện xã hội là những hoạt động Phật sự đạo đức mang tính tích cực và trong sáng, thể hiện tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật, là một trong những công tác trọng tâm của Giáo hội. Vì thế, các công tác liên quan đến từ thiện xã hội đều được Giáo hội quan tâm sâu sắc và chỉ đạo thực hiện. Tăng ni, Phật tử các chùa, tự viện đều thực hiện công tác từ thiện thường xuyên, liên tục, kịp thời.

Đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về quan hệ quốc tế

Ngay từ khi mới thành lập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực thể hiện tư cách là thành viên sáng lập và là thành viên của các tổ chức Phật giáo quốc tế, Giáo hội cử đại diện tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề về văn hoá, đạo đức, giáo dục Phật giáo và môi trường, trao đổi và đóng góp những kinh nghiệm trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và từ thiện xã hội nhằm thắt chặt tình hữu nghị với các nước Phật giáo trong khu vực và trên thế giới.

Đóng góp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đối với sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Phật giáo Việt Nam là tôn giáo có truyền thống “Hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc”, luôn gắn bó với vận mệnh của đất nước. Lịch sử đã chứng minh, khi đất nước hùng cường thì Phật giáo hưng thịnh; khi Tổ quốc lâm nguy, Phật giáo sẵn sàng đứng lên tham gia chống giặc ngoại xâm, góp phần giành lại độc lập dân tộc.

Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của

Phật giáo Việt Nam, GHPGVN đã đồng hành cùng nhân dân cả nước tiến hành công cuộc đổi mới trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết và với phương châm “Đạo pháp – Dân tộc”, Giáo hội đã quan tâm hướng dẫn tín đồ, Phật tử sinh hoạt theo đúng chính pháp, góp phần xây dựng cuộc sống lành mạnh và có những hoạt động đáp ứng nhu cầu tâm linh của đông đảo Phật tử; phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của tăng ni, Phật tử; là nguồn cổ vũ lớn lao cho tăng ni, Phật tử ở trong và ngoài nước tin tưởng vào đường hướng hành đạo của Giáo hội, góp phần làm cho Giáo hội ngày càng phát triển vững mạnh trong lòng dân tộc.

Với tư cách là thành viên trong khối Đại đoàn kết toàn dân, GHPGVN, tăng ni, Phật tử Việt Nam luôn gắn bó với dân tộc trong mọi hoạt động xã hội, thực hiện đúng phương châm tốt đời đẹp đạo. Các Ban Trị sự tỉnh/thành hội Phật giáo trong cả nước thường xuyên động viên tăng, ni, Phật tử tại địa phương hoàn thành tốt các phong trào ích nước lợi dân, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh trên địa bàn khu dân cư. Ngoài ra Giáo hội còn đẩy mạnh việc truyền bá đạo pháp tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên cương, hải đảo để tinh thần Phật giáo tiếp tục được lan tỏa nơi phen dậu của Tổ quốc.

Mục tiêu trong thời gian tới của GHPGVN là nhằm xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân và sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước.

Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII, diễn ra từ ngày 19-22/11/2017 tại Thủ đô Hà Nội đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã đề ra 09 mục tiêu để nâng cao tầm vóc của Phật giáo nước nhà trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước, cụ thể là:

- Phát huy trí tuệ tập thể, giữ vững kỷ cương, giới luật và nêu cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp trong xây dựng, phát triển Giáo hội vững mạnh trong hội nhập quốc tế, kiên định lý tưởng: Đạo pháp – Dân tộc – CNXH;

- Đổi mới sáng tạo trong sự nghiệp hoằng dương chính pháp, trong phương thức hướng dẫn Phật tử. Định hướng pháp môn tu tập phù hợp với xã hội hiện đại, với mọi tầng lớp trong xã hội và kiến dương đạo đức học Phật giáo góp phần xây dựng và làm đẹp nền đạo đức xã hội;

- Nâng cao công tác quản lý chất lượng đào tạo,





đổi mới phương pháp giảng dạy và tu học tại các cơ sở đào tạo tăng ni của Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

- Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam, đảm bảo có sự tiếp nối giữa truyền thống và hiện đại góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong thời đại hội nhập quốc tế;

- Mở rộng hoạt động đối ngoại đa phương theo định hướng ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân. Chủ động, tích cực trong quan hệ đối ngoại với các tổ chức Phật giáo và tổ chức tôn giáo thế giới. Kết nối chặt chẽ với các Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài;

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu Phật học và nâng cao chất lượng học thuật Phật giáo. Tập trung nghiên cứu có định hướng, khẳng định và làm nổi bật tinh hoa, bản sắc của Phật giáo Việt Nam;

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát các hoạt động Phật sự, quản lý tự viện, sinh hoạt của tăng ni theo đúng Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và pháp luật Nhà nước;

- Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị từ bi, trí tuệ của đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của tăng ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp trong sự nghiệp phụng đạo, yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN;

- Định hướng tự chủ tài chính trong các hoạt động Phật sự của Giáo hội qua việc xây dựng mô hình kinh tế Phật giáo ở những lĩnh vực hợp lý. Khuyến khích phát triển kinh tế tự túc của các cơ sở tự viện. Kêu gọi tăng ni, Phật tử tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, hưởng ứng phong trào xóa đói giảm nghèo, chăm lo công tác an sinh xã hội cho cộng đồng xã hội.

Giải pháp để nâng cao tầm vóc của Giáo hội, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước

Để thực hiện những mục tiêu trên thì GHPGVN trong thời gian tới cần:

- Phát huy truyền thống “Hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc” theo phương châm Đạo pháp

- Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội mà Giáo hội đã đề ra. Cần có sự thống nhất kinh sách, Việt hóa về kinh điển, thống nhất về nghi lễ trên toàn quốc để đảm bảo sự thống nhất và trang nghiêm của Phật giáo.

- Chú trọng đào tạo tăng tài đáp ứng đủ số lượng, chất lượng phân bố đồng đều trên địa bàn cả nước. Chú trọng đào tạo và sử dụng, khuyến tấn tăng, ni dẫn thân phụng sự đạo pháp, phục vụ dân tộc.

- Đẩy mạnh hoằng pháp qua truyền thông bằng cách áp dụng các tiến bộ của khoa học nhằm giúp mọi người hiểu chính tín về đạo Phật, biết ứng dụng triết lý đạo Phật vào cuộc sống để mang lại cuộc sống an lạc và hạnh phúc.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về Phật giáo, đặc biệt là với các nước có truyền thống Phật giáo và có mối quan hệ truyền thống với Việt Nam; đẩy mạnh quan hệ Phật giáo quốc tế giữa các giáo hội và tông môn, pháp phái Phật giáo trên toàn thế giới trong sứ mệnh phục vụ nhân sinh, thiết lập hoà bình.

- Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc chấn hưng Phật giáo trên nền tảng văn hoá dân tộc và giáo lý của đạo Phật. Chú trọng xây dựng cơ sở vật chất, chùa chiền, tịnh xá, cơ sở thờ tự đồng đều trên khắp mọi vùng miền đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng tâm linh.

- Hoạt động từ thiện phải dựa trên tinh thần từ vô lượng tâm “từ bi, hỷ xả”, “thương người như thể thương thân” để đạt được hiệu quả cao nhất, tránh những hành vi trục lợi, làm hình ảnh thương hiệu, gây ảnh hưởng xấu đến Phật giáo. Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, hàng hóa từ các cá nhân, tổ chức tài trợ cho công tác xã hội phải công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật và phục vụ công việc hiệu quả.

- Giáo hội cũng sẽ khắc phục bệnh hình thức, lâu nay chú trọng về phần nghi lễ hình tướng thì nay sẽ chú trọng hơn về hoằng pháp, về giáo dục, văn hóa, truyền thông để Phật giáo đi vào đời sống có chiều sâu hơn, vững bền hơn.

Tin rằng những giải pháp phát triển đồng bộ trên đây một khi Giáo hội thực hiện thành công trên cơ sở nội lực tự sinh của mình và được sự giúp đỡ của các cơ quan ban ngành hữu quan Nhà nước thì nhất định Giáo hội sẽ đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước một cách hiệu quả hơn. 🌸



Chùa Hang (Lạc Thủy, Hòa Bình) - Ảnh: ST

Đạo Phật ở đất Mường

Người Mường ngày xưa nguyên là dòng giống Giao Chỉ nước Nam, ở rải rác miền sông Nhị Hà (Bồ Đề) và hồ Bến Tráng (hồ Tây, Hà Nội), vì làm ăn không được no đủ bởi thủy triều khi lên khi xuống thất thường, cho nên phải đưa nhau lên khai khẩn ruộng đất trên miền rừng núi; lúc bấy giờ có các quan lang con cháu vua Hùng nước Văn Lang, di dân lên mạn ngược, mở mang cày cấy, thành dân Mường ngày nay.

Khi mọi người làm ăn đều no đủ, dân số mỗi ngày một tăng, thì sinh ra sự cạnh tranh: như giết hại, hà hiếp lẫn nhau, tuy các Tù trưởng (Quan lang) bấy giờ đã theo Thần giáo thờ đức sơn thần Tản Viên, cũng tạm yên đôi chút, vì Thần giáo cốt

lấy Thần quyền ràng buộc lòng người, chứ chưa có đạo Từ Bi Bác Ái là đạo Phật để đốc một lòng làm lành mà tin nhau, đến khi xuất hiện ba vị Thánh tăng đi truyền đạo Phật, thì bấy giờ người Mường mỗi làng mới có một ngôi chùa thờ Phật, lúc ấy sự học còn kém, sự ghi chép sau này thành ra sai xuyến mập mờ, kể nói thế này, người nói thế khác.

Cứ lời truyền khẩu lại rằng: Lúc bấy giờ đang vào thời Trần, cứ cách độ mười mười lăm năm lại có một lần bị giặc Chiêm Thành đem quân quấy nhiễu qua Ninh Bình, phủ Nho Quan thẳng lối phá hại dân Mường cho đến miền Sơn Tây Hưng Hóa, dân Mường bị lao khổ luôn về việc chinh chiến (Bây giờ đất Mường hiện còn hầm



Sinh hoạt tín ngưỡng của đồng bào Mường (Hòa Bình) - Ảnh: ST



hố và thành lũy đắp bằng đất ở các chỗ hiểm yếu đồi núi, là di tích chống cự giặc Chiêm Thành), bởi thế lòng mộ đạo của người thường khi quên nhãng.

Rồi khi vua Lê Thái Tổ bình định nước Nam, giặc đã yên ổn, nhưng triều đình (Lê sơ) bấy giờ có ý không hoan nghênh đạo Phật cho lắm. Mỗi làng đều có một ngôi chùa mà dân tựa hồ quên đi, đều coi như Phật của riêng nhà Lang, chứ dân thì không hay tin phụng (chỉ biết cúng ma và sợ ma hơn cả), bởi thế nên lòng tham dục lại càng sôi lên như việc tranh nhau ruộng đất, cướp tranh đàn bà con gái, cùng là tranh vũng cá khóm măng, chém giết lẫn nhau “chài ếm” lẫn nhau, đều bởi quên những đạo từ bi mà sinh ra cả.

Nhân lúc bấy giờ tương truyền có đức Phật bà Quan Thế Âm Bồ Tát ở chùa Hương Tích, phụng mệnh đức Phật Tổ Như Lai, đi cứu khổ cứu nạn cho người đời. Ngài thường cải trang, có lúc giả làm bà ăn mày; ông lão bị tàn tật, đủ trăm thứ hình dạng, không ai biết đâu mà lường, xin kể vài câu chuyện dưới đây:

Một hôm ngài giả làm một bà già đi hành khất phải đi qua một con suối đang lũ to. Ngài có cậy nhờ một người cày ruộng gần đấy, dắt bộ qua suối để được vào làng ăn xin. Người cày ruộng ấy không những không dắt hộ qua suối làm phúc, lại còn mắng nhiếc bà lão thậm tệ, đôi bên tiếng đi tiếng lại cãi nhau vang động cả cánh đồng. Có

9 anh em một nhà kia cũng đương cày ruộng gần đấy, nghe tiếng biết là bác đi cày gây sự cãi nhau với người ăn mày, đều dừng cày mà đến cứu dắt. Bà lão qua suối sang bên bờ bên kia; rồi bà chúc lại mấy câu: “Phàm ai làm điều lành đã giàu có thì lại giàu thêm; ai làm điều ác đã nghèo lại nghèo kiệt” (ở đất Mường bây giờ câu ấy đối với người đời còn đúng), rồi tự nhiên hóa cơn gió lốc mà bà biến mất.

Một bữa nữa, ngài lại hiện thân làm ông lão què chân đi khắp khiêng đến ăn xin một nhà Lang giàu có ở một làng kia, khi vào cửa thì bị con cái nhà Lang xưa chó đuổi cắn chảy máu ở chân; tình cờ một con ở

(nay gọi là ôsin) nhà Lang động lòng thương xẻ phần cơm của mình ngấm giấu cho lão ăn và chỉ lối cho ông lão đi xin chỗ khác, kéo chỗ này kiêu quý, kẻ bần tiện không được vào. Ông lão tỏ lời cảm ơn và khuyên bảo cho con ở ấy biết rằng: “phàm đàn bà con gái có sắc đẹp mai hậu mới có chồng sang”, con ở ấy đáp rằng: Nhan sắc đẹp ai chẳng muốn, nhưng xấu tốt từ lúc bác mẹ sinh ra biết làm sao. Ông lão cười mà bảo rằng: “Lão có phép làm cho người nghèo hóa giàu, người xấu hóa đẹp, người đần độn hóa thông minh; nếu cô ưng như thế thì cứ lội qua cái đầm này, mà uống lấy ba ngụm nước”. Biết chuyện kỳ dị, có người khi về thuật lại cho chúng bạn nghe, thì quả nhiên con ở này người đẹp như tiên, thông minh, ngoan ngoãn. Tiếng đồn đến các nàng, các cậu là con cái nhà Lang, kíp cho gọi con ở ấy lên xem mặt thì thấy nó nhan sắc kiêu diễm tuyệt trần, hỏi, nó thuật lại hết đầu đuôi cho nghe, thì các nàng, các cậu nghĩ hối và lại động lòng tham muốn sự sang sự đẹp liền bảo nó đi tìm ông lão trở lại mà làm phép cho mình. Chúng sắm cỗ bàn, xôi thịt vàng bạc để chực dâng lên ông lão, thì tình cờ con ở ấy đã tìm thấy ông lão đứng sẵn bên đầm rồi. Chúng đều xô nhau lại cầu khẩn về sự đẹp sự giàu duy có một cụ quan Lang tuổi đã gần 70, nói rằng: các người trai trẻ muốn đẹp thì đi, còn già nay đã gần kề miệng lỗ dẫu đẹp làm



chi. Khi cả nhà ra tới đầm thì ông lão vẫn đứng ở đấy mà bảo rằng: Già này là người bần tiện đi ăn xin, trước các ngài bạc đãi mà nay lại quý trọng làm vậy là nghĩa lý gì? Mọi người đều chỉ con ở kia được tốt đẹp bởi được lão làm phép cho thì nay cũng xin lão làm ơn cho được tốt đẹp giàu sang hơn người con gái ấy. Ông lão liền đáp rằng: Việc đó là tùy ở phúc đức, nếu tâm địa vô lương bất ngãi thì không những không cầu được đẹp, không cầu được khôn mà lại hóa ra xấu xí ngu độn cũng nên. Ấy đấy tùy các ngài, chứ lão đây không có ích gì đâu. Mọi người đều không để ý đến lời ông lão, bởi vì lòng tham muốn ghen sự sang đẹp với người con gái kia, liền cởi bỏ sống áo nhảy âm xuống đầm lội sang tới bờ bên kia, thì người nào người ấy mặt mũi nhăn nhó, mình mẩy tựa hồ như đều mọc lông, không nghĩ gì đến mặc sống sáo nữa, cứ trần truồng nhảy nhót về nhà, nói năng không ra tiếng người, liền đập phá cửa nhà hồi lâu như người điên cuồng, rồi đều hóa thành một đàn khỉ đực, khỉ cái nhảy nhót đem nhau lên rừng núi. Duy còn ông Lang nhà nọ vì không xuống lội đầm nên được thoát, sau

tục duyên với con ở kia, lại sinh con để cái nối dõi tông đường, làm ăn giàu có đến nay.

Đại để câu chuyện tín ngưỡng dân gian đức Phật đi thử thiên hạ là như thế, còn nhiều câu chuyện kỳ khác nữa, đại ý cũng là khuyến thiện răn ác mà thôi.

Theo tác giả bài báo (Đồ Nam Tử Nguyễn Trọng Thuật) thì: “Nguyên đạo Phật truyền bá đến đất Mường bởi ba đức Thánh tăng là Giác Hải thiền sư, Dương Không Lộ và Từ Đạo Hạnh¹ đồng thời đi truyền đạo cho các Từ trưởng, mỗi làng đều thành lập một ngôi chùa thờ Phật (vào thời Lý), cùng dạy các thầy “Mo” ở Mường.”

Chúng tôi đọc kỹ bộ sử Phật giáo sớm nhất và đáng tin cậy của nước ta là “Thiền Uyển Tập Anh” thì thấy không có chuyện Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải, và Từ Đạo Hạnh tìm đường sang Tây Trúc cầu đạo. Sách chỉ nêu Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải ra nước ngoài sam học nhưng đến xứ Kim Sỉ xưa (nay thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc) liền không đi nữa vì đường xá hiểm trở. Hai ông y vào thiền sư Lôi

Hà Trạch ẩn tu một thời gian ở đây. Sau đó, Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải quay về Việt Nam, khi qua xứ Mường hai ngài đã dừng lại truyền bá giáo lý đạo Phật. Như vậy, đạo Phật được truyền vào xứ Mường khoảng thế kỷ XI-XVII. 🌸

(còn tiếp)

Nguyễn Đại Đồng sưu tầm và biên soạn

Bán nguyệt san Đuốc Tuệ số 114 ra 15 tháng 8 năm 1939



Ảnh: Minh Nam

1. Nguyên văn là Nguyễn Minh Không. Tác giả bài báo có lẽ đã dựa vào “Sự tích đại thánh Từ Đạo Hạnh trong sách Việt điện u linh của Lý Tế Xuyên chép rằng Từ Đạo Hạnh cùng Nguyễn Giác Hải và Nguyễn Minh Không tìm đường sang Tây Thiên học đạo. Nhưng theo Thiền uyển tập anh, bộ sử cổ của Phật giáo Việt Nam thì Nguyễn Minh Không (1066-1141) quê ở Diêm Xá, huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình theo học thiền sư Từ Đạo Hạnh (?-1117) 17 năm, thuộc dòng thiền Tì ni đa lưu chi.. Còn thiền sư Dương Không Lộ (?-1119) người hương Hải Thanh ((nay là huyện Xuân Trường), tỉnh Nam Định và thiền sư Giác Hải (cùng quê với Dương Không Lộ, theo dòng thiền Vô Ngôn Thông và Thảo Đường, cả hai là bạn của Từ Đạo Hạnh. Nhưng không thấy nói Từ Đạo Hạnh cùng với Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải đi Tây Thiên cầu đạo.



Ngày Xuân nghĩ về hướng hoàng pháp của sứ giả Như Lai

Thượng tọa Thích Thiện Hạnh

PHẬT PHÁP LÀ DÒNG CHẢY LINH ĐỘNG NÊN KHÔNG BỊ BẾ TẮC VÀ HẠN CUỘC TRONG BẤT CỨ KHUÔN KHỔ NÀO. VÌ VẬY, GIÁO PHÁP CỦA ĐỨC PHẬT HOÀNG TRUYỀN LÀM CHO MẠNG MẠCH PHẬT PHÁP ĐƯỢC SỐNG MÃI Ở THẾ GIAN.



Ảnh: St

ích thiết thực. Trước ngưỡng cửa ấy, trách nhiệm và bốn phận của người tu sĩ Phật giáo không thể thờ ơ, quay lưng với cuộc đời mà phải nhìn vào thực tại bằng con mắt tình thương và trí tuệ. Mặt khác, chúng ta cần phải phát triển đạo đức tâm linh để đem lại hòa bình an lạc cho nhân loại.

Xã hội ngày nay không cần quá nhiều những chuyên viên tôn giáo hay những người xem đời sống tu hành là một nghề sinh nhai, đi rao giảng những kiến thức thuần túy mà họ học hỏi, góp nhặt, thu thập, tom góp được từ trường lớp, báo đài, internet... bởi vì, quần chúng ngày nay dường như đã khá mệt mỏi và mất niềm tin với những người hành nghề tôn giáo, rao giảng luân lý, đạo đức, vô ngã, vị tha nhưng dễ dàng thất vọng, buồn phiền khi tự ngã bị tổn thương, luôn luôn nổi sân khi địa vị, quyền lợi không được

Có thể nói ngày hôm nay mọi phương tiện hoàng pháp đều được đầy đủ, chỉ cần tâm đức của người hoàng pháp. Phải biết quán chiếu để thấy rõ trên thế gian còn qua nhiều người chưa đủ duyên lành để tiếp cận được giáo lý đạo Phật, hoặc có người nắm

bắt được chút ít nhưng nhận thức lệch lạc do tâm tà kiến còn quá sâu dày, hoặc một số người hướng dẫn quần chúng tu học chưa thật đúng với chính pháp... Với lòng từ bi của người xuất gia học đạo, vì hạnh nguyện độ sinh, chúng ta sẵn sàng dẫn thân cứu độ họ, giúp họ hiểu đúng chính pháp, đem lại lợi



thỏa mãn... Có lẽ, con người đương thời đang cần đến một đội ngũ tu sĩ Phật giáo chân chính, những người có thể chia sẻ kinh nghiệm hành trì, có khả năng giúp họ ra khỏi những rắc rối trong đời thường, có thể đem đến những phút giây an tịnh cho con người trong xã hội đầy biến động và nhiều sức ép, có thể tạo ra niềm tin tốt đẹp và lạc quan khi người ta có cơ hội đến gần.

Có như vậy mới thể hiện được tinh thần Phật pháp nhập thế của Đại thừa, từ đó mới xây dựng vững chắc ngôi nhà chính pháp, chuyển hóa xã hội, bởi vì “Phật pháp hưng vong, tăng đồ hữu trách” (giáo pháp của đức Phật hưng thịnh hay suy yếu, Tăng tín đồ phải có trách nhiệm). Là Thích tử Như Lai dù ở thời đại nào, giai đoạn nào cũng phải đặt nặng tinh thần trách nhiệm trước sự tồn vong của đạo Pháp. Bởi vì tăng già là chỗ dựa tinh thần cho hàng thế tục, nên chúng ta cần phải xả bỏ tất cả sự riêng tư nhỏ hẹp để hòa mình vào biển tuệ giác vô phân biệt, cùng nhau bảo tồn Phật pháp, xây dựng xã hội tốt đẹp.

Thật vậy, “Phật pháp xương mình do Tăng già hoằng hóa”. Tăng sĩ ngày nay muốn hoằng truyền chính pháp “Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự” phải trải qua sự đào tạo về Phật học lẫn thế học. Tăng, ni trẻ ngày nay, ngoài kiến thức Phật học thường tỏ ra khá nhạy cảm với vấn đề thời sự, kinh tế, văn hóa,... cho đến việc học ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật... Như thế, trào lưu của xã hội sớm đưa giới Tu sĩ vào con đường nhập thế. Nhưng để trở thành một sứ giả của Như Lai trong giai đoạn mới, bằng

những kiến thức ấy chưa đủ mà còn phải có phẩm hạnh đạo đức cao đẹp. Những yếu tố ấy chính là điều kiện quyết định sự thành bại hưng vong cho cả Tăng đoàn nói chung và phẩm chất người tu sĩ nói riêng. Bởi vì “Chiếc áo không làm nên thầy tu” mà cần phải có oai nghi đỉnh đạc mới hình thành nên một Tăng sĩ.

Giáo pháp của đạo Phật thuyết phục mọi người không chỉ bằng khía cạnh trí tuệ, cũng không phải bằng luân lý thực hành, mà đặc biệt bằng hệ thống tu tập tâm linh. Đây chính là điểm khiến cho Phật giáo khác biệt cơ bản với tất cả các hệ thống tôn giáo khác.

Vậy, đối với Tăng đoàn, chúng ta luôn ý thức rằng cá nhân mình là viên gạch để xây dựng ngôi nhà Phật pháp, đồng thời là bậc Thầy hướng đạo cho mọi người, là người dẫn đầu trong việc khơi nguồn Chân-Thiện-Mỹ. Cho dù ở đâu, bất cứ lúc nào, chúng ta cũng xứng đáng là hình ảnh theo dấu chân của đấng Đạo Sư một cách tích cực và sống động. Nếu mỗi cá nhân luôn biết mình là “Sứ giả Như Lai” với mục tiêu “Hoằng pháp thị gia vụ, lợi sinh vi bốn hoài” lên hàng đầu bằng cách tu trì Giới luật để tự trang nghiêm cho mình qua tinh thần tự tin và uyên thâm Phật học.

Trưởng Tử Như Lai là người noi theo gương giáo hóa chúng sinh của đức Phật, làm công việc đức Phật ủy thác, là Đạo Sư. Gia tài Phật pháp là trách nhiệm cao cả và thiêng liêng nhất của hàng Tăng bảo, người được xem là sứ giả của Như Lai. Vừa mang trên mình trách nhiệm cao quý, trên cầu thành Phật dưới hoá độ chúng sinh, vừa là người

nhằm giữ và truyền thừa Phật pháp: “Trụ Pháp Vương gia, trì Như Lai tạng”, thay Phật tiếp Tổ hoằng dương chính pháp, tiếp tục thắp sáng ngọn đèn trí tuệ, duy trì mạng mạch chính pháp và đó được xem là lý tưởng của người xuất gia.

Ngay từ khi chúng ta bước vào chùa xuất gia học đạo phải từ bỏ họ hàng thân thuộc để cạo bỏ mái tóc xanh, khoác lên mình mảnh áo đà, nuôi dưỡng trong lòng một hoài bão lớn: “Hoằng thánh đạo và độ nhất thiết nhân”. Chúng ta không chỉ biết giữ gìn mà còn phải biết phát huy khiến cho Phật pháp ngày một phát triển và hưng thịnh. Nghĩa là phải thâm nhập và an trú vào giáo lý của Ngài, không phải chỉ biết nói suông trên câu chữ. Một vị hướng đạo không thể chỉ biết lặp lại những lời của đức Phật đã truyền đạt mà thực tế chưa từng đi trên đường lối ấy. Người có kiến thức Phật học uyên thâm hay khả năng hùng biện siêu xuất cũng chưa hẳn là đủ, mà cần phải có khả năng tu tập, thực tu thực chứng thì mới được gọi là nhà truyền giáo tài ba.

Trên phương diện tự lợi, người xuất gia còn có hạnh nguyện cao hơn: “Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh”, gánh lấy trách nhiệm lèo lái con thuyền Phật pháp trường tồn trong đời ác năm trược, lấy việc hoằng dương Phật pháp làm lợi ích cho tha nhân. Nói cách khác, là chiếc cầu nối giữa Phật và chúng sinh. Đây chính là việc làm vô cùng quan trọng và ý nghĩa, truyền đạt niềm tin chân chính cho quần chúng, để họ nương theo đó hướng tâm về Phật mà có được suy nghĩ,



➔ lời nói và cuộc sống an lạc, tốt đẹp cho bản thân, gia đình và xã hội. Người thế gian xem người xuất gia là chỗ dựa tinh thần của quần chúng, họ đến nhờ giúp đỡ về đời sống tâm linh, có gì ta cho đó, hoặc với tri kiến chân chính, ta cho lời khuyên để họ có hướng đi tốt đẹp hơn trong đời sống. Hướng dẫn mọi người trở thành phật tử thuần thành, sống theo lời Phật dạy là phần nào đền đáp được công ơn của thầy tổ, của đàn na tín thí và tiến gần đến quả vị Vô thượng giác. Đây là ý nghĩa “Trì Như Lai tạng”. Có thể nói để trở thành sứ giả Như Lai thì việc gánh lấy trách nhiệm bảo vệ và phát huy gia tài Pháp bảo là một điều vô cùng quan trọng cần thiết nhất. Trong bài văn phát nguyện có bài kệ:

Một lòng kính lạy Phật đà,

*Con nay phát nguyện vào nhà
Như Lai,*

Con nguyện mặc áo Như Lai,

*Con ngồi pháp tọa Như Lai
đang ngồi.*

Vào nhà Như Lai bên trong phải có trí tuệ, bên ngoài phải có sự nhẫn nhục. Trí tuệ và nhẫn nhục là điều quan trọng đối với người tu, Phật đã làm như vậy, chúng ta nên học theo đức hạnh của Ngài. Việc chính của chúng ta là tu Tam Vô Lậu Học, mà tu huệ là gốc. Nếu hành giả tu tập chưa đầy đủ tuệ giác, sức sống nội tâm còn yếu, định lực chưa đủ mà gặp phải “bát phong” thổi thì ba nghiệp thì nhau dấy động. Ba nghiệp không hàng phục được thì ba đường đau khổ sáu nẻo luân hồi nhất định không thể nào thoát khỏi. Phật khác với mọi người, vì hành động, lời nói, suy nghĩ của Ngài do trí

tuệ chỉ đạo. Chúng ta là đệ tử Phật, học Phật, tất yếu lấy trí tuệ làm sinh mạng để đạt đến quả vị Phật và tùy duyên mỗi người mà hoằng pháp. Nhờ có trí tuệ soi sáng, chúng ta mới giáo hóa được quần chúng và làm an lạc cho mọi người. Đây là ý nghĩa “Trụ Pháp Vương gia”.

Cho nên người xuất gia cần phải trang bị cho mình hai đức tính trí tuệ và nhẫn nhục thật vững chắc, để có đủ sự sáng suốt, nghị lực vượt qua những khó khăn trở ngại trên bước đường tu tập. Rèn luyện tâm bất động, nhẫn chịu những điều khó nhằn thì mới thành tựu được việc lớn. Nói cách khác, người xuất gia phải bình tĩnh trong mọi tình huống, làm chủ hoàn cảnh, dù ở bất kỳ cương vị nào cũng không chứng tỏ rằng ta có quyền uy, hay bực tức, buồn phiền, khó chịu... tuyệt đối không để hoàn cảnh chi phối, dẫn dắt tâm mình. Người xuất gia dễ thương nhất là chấp nhận được tất cả những gì người đời đổ lên cho ta, mà ta vẫn an nhiên không đáp lại. Giống như hạnh của đất, dù đổ tất cả những vật bất tịnh, như uế thì nó vẫn an nhiên bất động không hề có chút phản ứng gì:

Hãy học hạnh của đất

Chấp nhận và tha thứ

Vì trong cõi Ta bà

Xả ly thì thư thái.

Ngoài hai đức tính trên cũng cần phải trang bị cho mình một tâm từ bi vô hạn, nghĩa là mình lúc nào cũng an vui và chính sự an vui của ta mới làm cho người khác an vui theo. Ta không có gì cho người, nhưng gần ta, họ cảm thấy được sự an lạc, giải thoát. Nếu một vị Thầy mà lúc nào mặt

cũng hầm hầm, miệng luôn rầy la, quả thật khó ai thương được. An vui, thanh thoát là bản tính quan trọng mà người xuất gia phải tu cho được, dù cực mấy cũng phải ráng giữ tâm này. Có như vậy mới mong truyền bá Phật pháp đem lại niềm an lạc thiết thực cho mọi tầng lớp xã hội trong giai đoạn mới.

Trong thời đại ngày nay xã hội ngày càng phát triển, người trụ trì cần nắm bắt vấn đề xã hội để hiểu biết được tâm lý lớp trẻ tiện cho việc nuôi dạy dỗ chúng và hướng dẫn phật tử, vị trụ trì nên tùy theo năng khiếu từng người mà phát huy khả năng đó, đồng thời phải biết cách kỷ luật với những người vi phạm thanh quy để họ có cơ hội tốt hơn. Cần phải biết lắng nghe để hiểu những quan điểm tâm tình của chúng..., có như thế mới cảm thông, tùy theo đối tượng mà có những cách xử lý cho thích hợp. Đây mới chính là cách đưa đạo Phật vào đời hiệu quả. Có được như vậy đạo Phật mới thực sự có lợi ích nếu không thể hiện được điều này thì giáo lý nhà Phật có hay, có đẹp nhưng không thực tế và đi vào cuộc sống được, không sống được trong lòng dân, vì đệ tử của Ngài không làm được những gì Ngài dạy làm sao dạy cho ai.

Người trụ trì gánh vác trên đôi vai của mình nhiều trách nhiệm nặng nề. Trước hết, người trụ trì phải biết cách tổ chức và điều hành một cách có hệ thống sự tu học của Tăng chúng nội tự. Hơn nữa, vai trò của vị trụ trì không cho phép mơ hồ về giáo lý. Bởi vì ngày nay tín đồ phật tử đa số là người trí thức và nhiều người có trình độ Phật pháp rất thâm sâu, nếu như Phật pháp chúng



Ảnh: St

ta thua họ, sẽ khiến họ sinh tâm xem thường. Chúng ta có thể kém hơn họ về kiến thức thế gian nhưng không được kém họ về Phật pháp. Chính vì lý do này mà người trụ trì luôn đặt nặng vấn đề trau dồi kiến thức Phật pháp không ngừng.

Trên thực tế hiện nay, trụ trì một ngôi chùa là người đại diện chịu trách nhiệm mọi mặt về phương diện pháp lý đối chính quyền địa phương; chịu trách nhiệm hướng dẫn tăng chúng và Phật tử tu học đúng chính pháp đối với Giáo hội, mọi sinh hoạt phải tuân theo nội quy Tăng sự quy định.

Cho nên vị trụ trì và Tăng chúng phải khéo léo thiết lập mối quan hệ tốt đẹp giữa chùa với cộng đồng dân cư xung quanh.

Vị trụ trì không chỉ quan tâm đến việc tạo mối quan hệ gần bó giữa chùa với làng xóm mà vị trụ trì còn quan tâm hơn nữa đối với việc thiết lập mối liên hệ giữa ngôi chùa với xã hội. Để thực hiện điều này, vị trụ trì phải tham gia các công tác từ thiện

làm lợi ích cho cộng đồng như xây dựng cầu đường, mở lớp học tình thương, cứu trợ đồng bào bị thiên tai ... Song song với những việc làm công ích cho xã hội, vị trụ trì còn quan tâm đến việc đem đạo vào đời để chuyển hóa độ đời. Làm sao để mọi người trong xã hội hiểu được giáo lý nhân quả của đạo Phật, thực hành năm Giới của đạo Phật. Bên cạnh đó, vị trụ trì làm sao để các lễ hội của Phật giáo đi vào tâm tư tình cảm của người dân, tạo thành một nếp văn hóa của dân tộc, chứ không phải chỉ riêng cho tín đồ Phật giáo. Đó chính là tinh thần nhập thế tích cực mà một người làm trụ trì cần thực hiện hầu hoàn thành sứ mạng “hành pháp vi gia vụ, lợi sinh vi bốn hoài”.

Chúng ta có thể khẳng định ngay rằng, trong thực tế, trụ trì là người nắm giữ vai trò rất quan trọng trong việc truyền trì mạng mạch của Như Lai trong ngôi nhà Phật giáo. Trụ trì chính là linh hồn của một ngôi chùa - nơi Phật tử, bá tánh nương tựa mọi mặt của đời sống tinh thần, là tế bào trọng yếu quyết định sự

hưng suy của Giáo hội.

Đó là do công lao không ít của các sư giả Như Lai, những người đã biết tự trang nghiêm giới thân, trau dồi đức hạnh trong từng phút giây, huân tập giới đức trở thành hơi thở của chính mình. Từ đó, thông qua cách hành xử khéo léo, người con Phật đã áp dụng chúng vào việc hoằng truyền chính pháp không những bằng khẩu giáo mà còn bằng thân giáo, đem lại lợi ích lớn lao cho tất cả chúng sinh.

Hãy phát huy truyền thống cao đẹp của ngành hoằng pháp, phải là những sư giả Như Lai chân chính, đem pháp màu hoa độ khắp muôn nơi. Hãy trọn đời cúng dường thân tâm này cho đạo pháp, không thấy mình là người hy sinh gì cả, không so sánh với những đồng đạo thiếu lương tâm; có như thế chúng ta mới hết lòng vì sự nghiệp chung của giáo hội. Cho nên Tổ Qui Sơn đã dạy: “Phù xuất gia giả, phát túc siêu phượng, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu”. Hãy làm tiếng rống của sư tử cho chính pháp được lan truyền khắp chốn, đừng làm dã can đội lột sư tử là sai đi sứ mạng của người hoằng pháp.

Nhớ lại, khi đức Bốn Sư sắp nhập Niết bàn, Ngài tha thiết nhắc nhở hàng đệ tử: “Này các Tỷ kheo, sau khi Như Lai diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới như người mù được mắt sáng, người nghèo được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là bậc Thầy cao cả nhất. Như Lai ở đời cũng không khác gì tịnh giới ấy”. Một tu sĩ trang nghiêm bằng Giới luật là mảnh đất tốt để tăng



Ảnh: Khánh An

trưởng thiện pháp, để phát triển nhận thức chân chính, để thấy rõ sự thật cuộc đời. Như thế, tăng, ni sinh nói riêng, tu sĩ nói chung cần phải vun bồi Tâm đức, Trí đức, Tuệ đức và Hạnh đức một cách xứng đáng để không cô phụ lời dạy cuối cùng của đấng Từ Phụ. Hơn nữa, tăng, ni sinh trẻ chúng ta ngày nay còn là măng non, ngày mai chúng ta sẽ là những bậc lương đồng của Phật pháp. Vì thế, chúng ta nên vạch cho mình một hướng đi mới, phục vụ tốt đạo đẹp đời, không gì khác hơn là bằng con đường trang nghiêm giới thân, trau dồi huệ mạng. Nếu vị nào còn cặp sách đến trường dù là Học viện, Cao đẳng, Trung cấp hay Sơ đẳng Phật học, chúng ta hãy cố gắng học cho thật tốt tại trường, giữ gìn tứ oai nghi, tứ sự phải tri túc, đừng xài phí của đàn na tín thí. Chúng ta không đợi khi hết học rồi mới tu, mà phải tu ngay trong lúc học, học trong sự tu. Trên tôn kính các bậc Tôn sư, dưới giúp đỡ bạn đồng học, về đến chùa ngoài việc lo học bài vở còn phải ổn định các thời khóa tụng niệm, chấp hành nội quy tốt và làm

tròn phận sự được giao phó.

Chính vì thế, hướng đi của chúng ta mới có thể đem lại lợi ích cho mình cho người và giúp người tu tập thấy nhẹ nhàng thân tâm, an lạc trong từng bước đi hơi thở. Từ đó biểu hiện ra ngoài một nếp sống văn minh, lịch nhả phù hợp với nền văn hóa và văn minh của loài người. Như thế, một tu sĩ Phật giáo nghiêm trì Giới luật là tự thiết lập cho mình một phong thái điềm tĩnh, thanh thoát, là tự tạo dựng niềm hạnh phúc thật sự ngay trong hiện tại. Đây chính là cơ sở của niềm tin, của sự kính trọng khiến cho tăng sĩ càng vững bước trên con đường hoằng dương chính pháp lợi lạc quần sinh.

Trên bước đường tu tập, giữ được Như Lai tạng dưới hai hình thức: giữ được tạng bí yếu Như Lai và làm an lạc cho trời, người, đó là lộ trình tu tập của người xuất gia. Cuộc đời giáo hóa độ sinh của đức Phật đã thể hiện rõ nét tinh thần này, đức Phật luôn luôn vì con người, lấy lợi ích của chúng sinh làm lợi ích cho mình: “Các thầy hãy ra đi vì lợi ích cho chúng sinh,

vì hạnh phúc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người”. Chúng ta bước theo dấu chân Phật cũng phải chú trọng đến lợi ích con người. Nếu người xuất gia biết lấy đức của Như Lai để trang nghiêm thân tâm, lấy hạnh Bồ tát làm việc làm của mình, chắc chắn rất dễ cảm hóa người khác. Đức không thấy được bằng mắt, nhưng cảm nhận được bằng tâm.

Như vậy, trụ trì là những người nhận lãnh sứ mạng tiếp tăng độ chúng, truyền trao giáo điển của đức Phật cho chúng hữu tình, làm sáng tỏ lời dạy của Ngài, giúp cho đàn hậu tấn, giúp cho hội chúng phật tử nhận thức được đạo lý giác ngộ, giải thoát; hầu chuyển hóa tâm thức, tạo dựng một đời sống an lạc và hạnh phúc ngay tại thế gian.

Đó là nhờ công lao không ít của những người con Phật vì lợi ích của tha nhân ngày đêm truyền bá chính pháp không mệt mỏi, khiến cho chính pháp ngày càng xương minh. Bởi họ chính là người thay thế đức Phật tiếp tục mang lại chân lý giác ngộ cho thế gian. Chúng ta ở tạm trong ngôi chùa vật chất, để giữ gìn ngôi chùa tâm linh là lòng từ bi và tuệ giác của Phật. Tâm từ bi và tuệ giác của đức Phật thể hiện trong ta, tỏa sáng thành những việc làm xoa dịu khổ đau của cuộc đời, mang an lạc cho người, giúp người tăng trưởng đời sống tâm linh. Thành tựu như vậy, làm tròn trách nhiệm của người trụ Pháp Vương gia, trì Như Lai tạng. 



Ảnh: Minh Nam

Ý nghĩa cầu nguyện trong Phật giáo

Thanh Tâm

Cầu nguyện là thể hiện các ước mơ, niềm hy vọng của con người về đời sống hiện thực hay lý tưởng. Trong Phật giáo, các từ ngữ “cầu nguyện,” “cầu xin” hay “ước nguyện” được hiểu đồng nghĩa với thuật ngữ “prārthanā” (Sanskrit) hay “patthanā” (Pali). Prārthanā bắt nguồn từ gốc “pra + arth” có nghĩa là ước nguyện, ước muốn, mong cầu, cầu xin.

Cầu nguyện là nhu cầu tinh thần của con người, một nhu cầu chính đáng. Trước hết là giải tỏa các ức chế tâm lý do áp lực của hoàn cảnh, của thất vọng trong tình cảm, những bức xúc trong các mối quan hệ xã hội.

Thứ đến cầu nguyện là thể hiện các ước mơ, niềm hy vọng của con người về đời sống hiện thực hay lý tưởng, dù sao cầu nguyện vẫn là một biểu hiện của thiện tâm, nghĩa là khi một người chấp tay, cúi đầu trước bàn thờ Phật, Thánh, lòng họ trở nên khiêm hạ, cái “Ta” trở nên nhỏ bé, lương

tâm trở dậy và tâm hồn họ được bình hòa.

Sự cầu nguyện trong đạo Phật còn là một pháp môn tu tập của người Phật tử, nhờ cầu nguyện mà nguyện lực của họ mạnh mẽ, niềm tin tăng trưởng, thiện nghiệp được phát huy, ác nghiệp được tiêu trừ, tâm xu hướng lộ trình giải thoát.

Trong ý nghĩa thông tục, cầu nguyện là biểu hiện lòng nhớ ơn, đền ơn đáp nghĩa đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, người thân... là biểu hiện của tình thương yêu, quan tâm, lo lắng đến nhau như các cầu nguyện: cầu siêu, cầu an, sám hối...

Sự cầu nguyện ban đầu như là biểu hiện của sự lo lắng vị kỷ, nhưng dần dần do bản chất của sự cầu nguyện sẽ nâng cao tinh thần vị tha. Những lời khẩn nguyện, niệm hương, bạch Phật, phục nguyện, hồi hướng, trong đạo Phật đều mang tính hai mặt cho mình và cho chúng sinh. Nghĩa của sự cầu nguyện là nâng cao đời sống tinh thần và củng cố niềm tin cho chính mình và tha nhân.



Ảnh: Minh Khang

hồn của mình được phát khởi thiện tâm, phát huy được trí tuệ vượt qua nghiệp chướng, ma chướng để sớm thành tựu được mục tiêu giải thoát của mình. Nhu cầu cầu nguyện tâm linh tiến bộ nói lên tinh thần quyết tâm cầu tiến, nói lên ước vọng tìm kiếm chân lý của người phật tử.

Đặc điểm cầu nguyện trong Phật giáo

Giới hạn của sự cầu nguyện là không phải muốn gì được nấy, không phải là xin ơn trên thỏa mãn các yêu cầu bất thiện của mình hay các niềm hy vọng của mình. Cầu nguyện về mặt tâm lý giải tỏa các ức chế nội tại, một tình trạng bức xúc cao độ, sự tuyệt vọng rất là nguy hiểm, cầu nguyện sẽ làm giảm

áp lực ấy.

Mặt khác, cầu nguyện là bày tỏ những ước mơ, những hy vọng tạo nên khích lệ tinh thần tăng thêm sinh lực cho con người vốn gặp nhiều đau khổ. Điều chính của sự cầu nguyện trong đạo Phật đó là sự chuyển hóa nghiệp lực. Nếu mình tạo tác ác nghiệp thì cầu nguyện là vô ích, cầu nguyện theo hướng chuyển ác thành thiện thì sự cầu nguyện ấy được đạo Phật khuyến khích chấp nhận.

Tóm lại, cầu nguyện là một nhu cầu làm lắng dịu nỗi lo âu, sợ hãi phiền muộn, thất vọng. Cầu nguyện cũng là một cách thể hiện những ước mơ thầm kín, niềm hy vọng, niềm tin vào cuộc sống. Qua các phương cách và đối tượng cầu nguyện, con người có thể bày tỏ được niềm thương, nỗi nhớ sự biết ơn và báo ơn đối với ông bà cha mẹ, những người thân thuộc... Như vậy cầu nguyện là một loại hình văn hóa đem lại niềm tin, củng cố đạo đức, thuần hóa tính hung dữ của con người.

Hơn nữa, cầu nguyện làm tăng thêm nghị lực, củng cố niềm tin để hướng dẫn đời mình đi theo chân lý, lý tưởng cao thượng. Khi con người chưa làm chủ hoàn toàn thân tâm chưa vượt qua được những nỗi lo âu, sợ hãi, chưa đạt được trình độ tu chứng, tự tại vô ngại thì cầu nguyện có tác dụng hỗ trợ cho mình vững tiến trên đường đạo. Chỉ cần có sự thành thật, thành tâm và mục đích hướng thượng, hướng thiện thì sự cảm ứng của Phật lực... chắc chắn xảy ra. 

→ 4 hình thức cầu nguyện

Cầu siêu: Cầu siêu là cầu nguyện Tam bảo phù hộ cho linh hồn đã mất được nhẹ nhàng siêu thoát ở thế giới bên kia cầu được sinh về cõi cực lạc của đức Phật A Di Đà.

Cầu siêu là cầu nguyện cho ông bà, cha mẹ, thân quyến đã qua đời được siêu thoát, được an lành thế giới bên kia. Như vậy cầu siêu là biểu lộ sự quan tâm, lo lắng, sự thương yêu giúp đỡ cho người thân của mình. Sự quan tâm đối với người đã chết không thể làm gì khác hơn là cầu nguyện.

Cầu an: Là cầu nguyện cho người thân của mình hoặc chính bản thân mình được an lành, vượt qua các tai ương hoạn nạn.

Cầu nguyện cho người khác được bình an thể hiện tính tích cực của từ bi, vị tha, do đó tạo nên “đức độ”. Tâm ta càng xu hướng về vô ngã vị tha thì mối tương tác (cảm ứng) giữa tâm ta và tâm Phật, Bồ tát (tha lực) sẽ chặt chẽ, do đó tác động mạnh đến người hay hoàn cảnh mình cần nguyện.

Cầu sám hối: Là cầu nguyện cho những lỗi lầm vạ đại của mình đã làm không còn tái diễn nữa, bày tỏ sự hối hận ăn năn, mong sự chứng giám và tha thứ của các đấng thiêng liêng hay cả của những người mà mình đã gây khổ cho họ. Có khi người ta cũng cầu sám hối giúp cho người thân của mình. Nhu cầu sám hối nói lên tiếng nói của lương tâm, của đạo đức và của trí tuệ.

Cầu tiến bộ tâm linh: Là cầu nguyện cho tâm

Đức Ngọc Hoàng Thượng đế

Nguyễn Đức Quỳnh

LTS: NGÀY XUÂN TÌM HIỂU VỀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CŨNG LÀ CÁCH CHÚNG TA GẶP ĐỨC KHÔI TRONG, CÙNG CỐ NIỀM TIN VỀ ĐẠO PHẬT, HIỂU RÕ ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN PHONG PHÚ TRONG KHO TÀNG VĂN HÓA, TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG CỦA DÂN TỘC.

Truyền thuyết kể rằng, ở nước Quang Đại Nghiêm Diệu Lạc xa xưa, đức Vua của đất nước này không có người nối dõi. Một đêm, Hoàng hậu nằm mơ thấy Thái Thượng Lão Quân (là Ngài Đạo Đức Thiên Tôn) đến trao cho một đứa trẻ. Sau đó Hoàng hậu mang thai và sinh ra một Vương tử chính là Ngọc Hoàng Thượng Đế sau này. Chứng kiến nỗi khổ của nhân gian, Vương tử bỏ ngôi vua lên núi tu đạo. Trải qua 3200 kiếp tu hành, Ngài đã đạt được kim thân gọi là Thanh Tịnh Giác Vương Như Lai. Theo quan niệm của tín ngưỡng dân gian thì Ngọc Hoàng Thượng Đế là hiện thân nam và đức Phật Mẫu Hoàng Thiên là hiện thân nữ của Đấng tối cao, là những vị được nhân dân đời đời sùng kính, khi có đủ hai Ngài kết hợp với nhau thì vũ trụ vạn vật mới sinh sôi, phát triển.

Theo quan niệm của văn hóa,



Ảnh: St

tín ngưỡng các nước phương Đông, phương Tây và giáo lý của một số tôn giáo đức Ngọc Hoàng Thượng Đế được gọi với nhiều danh từ tôn kính khác nhau: Đức Chúa Trời (Công giáo và đạo Tin Lành), Đấng Tạo Hóa, Đấng Thái Cực Thánh Hoàng (Cao Đài giáo), Thiên Chúa (Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo), Đức Allah (đạo Hồi), Brahma (Ấn Độ giáo), Vua Cha

Ngọc Hoàng (Tín ngưỡng thờ Mẫu của Việt Nam)...còn nhân dân ta gọi Ngài nôm na là Ông Trời.

Nguồn gốc của vũ trụ là Thái cực, Thái cực vừa là nguồn gốc, vừa là điều kiện sinh thành của mọi sự vật, đức nguyên của trời là khí, đức nguyên của đất là hình. Thái Cực là khối chân linh của Thượng Đế được gọi là Đại Linh Quang. Sự khởi



đầu của vũ trụ chính là sự phân chia Thái cực thành tam tài (Thiên, Địa, Nhân). Ngọc Hoàng Thượng Đế phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi (Âm quang và Dương quang), rồi biến Lưỡng Nghi thành Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hoá vô cùng mới lập ra Càn khôn thế giới, tạo thành vạn vật. Đức Phật Mẫu Hoàng Thiên chủ phần Thái Cực Âm tính đã phối hợp Lưỡng nghi để tạo ra các tầng Trời, tinh cầu, địa cầu... và chủ trì đầu thai luân hồi, nghiệp quả và chủ quản nhân số của ba cõi. Phật Mẫu Hoàng Thiên sinh ra vạn linh rồi cho đầu kiếp xuống các địa cầu tạo thành vạn vật chúng sinh, trực tiếp quản lý, điều hành 72 cung Tiên Thượng Thiên và các cõi Tiên. Trong đó, Càn khôn thế giới gồm 36 tầng Trời, 3000 thế giới, 72 Địa cầu, tứ đại Bộ Châu. Trong mỗi tầng Trời có một vị Đại La Thiên Đế

cai quản. Ngọc Hoàng khai Bát Quái tạo thành Càn khôn thế giới nên gọi là Pháp, Pháp sinh ra càn khôn vạn vật trong đó có người, nên gọi là Tăng. Ngài chủ cả Pháp và Tăng lập thành các tôn giáo.

Thiên đình là triều đình trên bầu trời, là cơ quan quyền lực tối cao của Vũ trụ với hàng trăm ngàn tỷ vũ trụ con, có tổ chức giống như triều đình phong kiến ở Việt Nam ngày xưa, nhưng chặt chẽ, khoa học, quy củ hơn. Thiên đình có 325 cung Trời chính là các tầng trời hay tầng cảnh giới, còn gọi là Thiên đường, trong đó có một cung chính là Ngọc Hư Cung và Điện Linh Tiêu cùng 72 cung Tiên thuộc tầng trời Tối Đại Thượng Thiên; sau đó là 36 cung Nguyên Thủy thuộc tầng trời Đại Thượng Thiên (Thượng Đại Niết Bàn) của các vị Tam Thanh, 144 cung thuộc tầng trời Trung Thượng Thiên

(Đại Niết Bàn). Các cung thuộc tầng trời Tiểu Thượng Thiên thuộc khu vực Bạch Ngọc Kinh là nơi hội họp của Thượng Đế với quần thần (Trung Đại Niết Bàn). Về góc độ vật lý, số lượng cung Trời ứng với 325 loại hạt hạ nguyên tử nguyên thủy; đó chính là nguyên lý để các nhà khoa học tìm ra bản nguyên của vũ trụ và cội nguồn sinh ra thế giới.

Dưới và trong các cung Trời do các vị Thượng Đế Thiên Tôn chủ trì gồm các vũ trụ thành viên, rồi đến các cõi thuộc Trung giới, các Đại thiên hà, các thiên hà tự trị, các Thiên Vương Tinh quân, các Sao và các Thần Tinh.

Theo tín ngưỡng thờ Mẫu Việt Nam thì Tứ phủ Công đồng gồm Thiên phủ, Địa phủ, Nhạc phủ, Thoải phủ. Trong đó, Thiên phủ gồm 3 cõi: Vô sắc giới, Sắc giới, Dục giới. Mỗi một cõi đều có một vị vua cai quản, cai quản 3 cõi là đức Ngọc Hoàng



Thượng Đế. Địa phủ (Âm phủ) gồm 10 điện cai quản Âm phủ và 18 tầng địa ngục, mỗi điện có 1 vị Diêm Vương cai quản, các điện đều có các quỷ thần phục dịch. Thoải phủ gồm 9 sông 4 biển, có 8 vị cai quản gọi là Bát Hải Long Vương. Nhạc phủ (mặt đất, phương vị, trên núi) gồm 5 phương, 8 hướng, có 5 vị Nhạc phủ cai quản.

Theo sách Bách Việt tộc phả và đối chiếu với lịch sử dân tộc thì thấy rõ, Ngài Đế Minh, tức Nguyễn Minh Khiết (Thái Khương Công) trong truyền thuyết Hồng Bàng, lấy bà Đỗ Quý Thị (Hương Vân Cái Bồ Tát) sinh ra người con trai trưởng đặt tên là Lộc Tục. Nhìn tướng mạo Lộc Tục sáng sủa, thông minh, phúc hậu, Đế Minh phong Lộc Tục làm Vua phương Nam; Lộc Tục lên ngôi, xưng là Kinh Dương Vương, lập nước lấy quốc hiệu là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương, húy là Nguyễn Lộc Tục tự Phúc Lộc, tức là ông nội Hùng Vương thứ nhất, lấy con gái Vua Hồ Động Đình tên là Động Đình Tiên nữ Đẳng Ngạn, sinh con trai đặt tên là Sùng Lãm, còn được gọi là Lạc Long Quân, sau nối ngôi vua cha, dựng nước đặt tên là Văn Lang. Như vậy, căn cứ vào các sự kiện lịch sử đã được sử sách Việt chứng minh thì Kinh Dương Vương chính là thủy tổ của người Việt Nam ngày nay, được nhân dân gọi là cụ Tổ Nam Phương Nguyễn tộc. Là Hoàn Linh Chân Nguyên Đại kiếp đầu tiên của Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng linh cõi thế, nên sau khi mất, nhân dân đã

suy tôn Ngài là Ngọc Hoàng giáng sinh. Nơi thờ Ngài được nhân dân gọi là Thiên đình, tượng thờ Kinh Dương Vương gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế nay còn ở nhiều ngôi chùa, miếu cổ(1). Theo tài liệu lưu tại Đền Đậu An (An Viên, Tiên Lữ, Hưng Yên), là đền thờ Ngọc Hoàng đầu tiên và sớm nhất ở Việt Nam, được dựng từ năm 226 trước Công nguyên (TCN) thì vào thời bấy giờ, tục thờ Ngọc Hoàng đã trở thành tín ngưỡng bản địa của người Việt, lúc đó nước ta chưa chịu ảnh hưởng của phương Bắc, bởi đến năm 218 (TCN) nhà Tần mới đánh chiếm nước Bách Việt ta. Trước đó, Văn Lang, Âu Lạc là những quốc gia độc lập, đó cũng là thời kỳ đầu tiên có quốc gia riêng của người Bách Việt.

Là Đấng Tối cao của vũ trụ vạn vật và với quyền uy to lớn của Ngài, Ngọc Hoàng Thượng Đế luôn được nhân gian tôn thờ nghiêm cẩn. Ở Việt Nam, do ảnh hưởng của tư tưởng Tam giáo đồng nguyên, nên trong chùa thờ cả Phật, Mẫu, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Tiên, Thần và cả những người có công với đất nước, với dân tộc, tạo nên một thể giới tâm linh chung, không tách biệt, trong đó Phật là trung tâm và ở ngôi cao nhất. Hiện nay, Ngọc Hoàng Thượng Đế được thờ riêng tại Đền Kính Thiên Tràng An (Ninh Bình) cùng Ngài Nam Tào, Bắc Đẩu; tại chùa Ngọc Hoàng (Quận 1, Tp.HCM) và đền Đậu An (Hưng Yên). Riêng tại đền Đậu An, nơi đức Ngọc Hoàng Thượng Đế

được thờ cùng với các Tiên, Thần nằm trên mảnh đất hình đầu rồng, có hồ nước trong xanh bao bọc. Đối với người Việt Nam, chính Ngài đã khai sinh ra thủy Tổ người Việt nên Ngọc Hoàng Thượng Đế được tôn thờ như là Quốc tổ của dân tộc ta cho đến mãi mãi về sau này. Đó cũng là mạch quốc thống, là niềm tự hào truyền đời cho các thế hệ người Việt Nam mãi về sau:

*“Đất Rồng Tiên Tổ dựng xây
Nam Phương Quốc đạo đủ
đầy phúc vinh*

*Ngàn năm tạo hóa công trình
Cần khôn biến đổi, tâm linh
dẫn đường”.*

Với mỗi người Việt Nam, đức Ngọc Hoàng Thượng Đế luôn được thờ phụng, cúng tế hết sức chu đáo và trọng thể. Cha ông ta đã lấy ngày 9 tháng Giêng (Âm lịch) hàng năm là ngày “Đản sinh” của Ngọc Hoàng Thượng Đế. Vào ngày này, nhân dân chuẩn bị chu đáo các đồ lễ và tổ chức những nghi thức trang trọng, huyền bí; nhiều nơi còn tổ chức múa mâm vàng, ca hát chúc tụng, “phát lộc”; có nơi người dân còn có tục cúng gà trống. Ngày 25/12 (Âm lịch) hàng năm, Ngọc Hoàng đi tuần tra, quan sát hạ giới, xem xét thưởng, phạt phân minh. Do vậy, đêm 24/12 Âm lịch, nhân dân ở nhiều nơi tổ chức nghi lễ cúng Ngài trang nghiêm, xin Ngọc Hoàng ban phúc sang năm mới được nhận điều lành, phúc, thọ, tiền, tài tự đến. 🌸

CHÚ THÍCH:

1. Mai Thục, Đạo của Tổ Tiên Việt (Chương trình nghiên cứu tìm hiểu văn hóa cội nguồn dân tộc, Trường ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội).





Du xuân danh thắng Phật giáo

Hoàng Khánh An

Quần thể di tích danh thắng Yên Tử

Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử bao gồm hệ thống các di tích lịch sử văn hóa gắn liền với sự ra đời, hình thành và phát triển của thiền phái Trúc Lâm. Các di tích này nằm ở khu vực giáp ranh giữa 3 tỉnh Bắc Giang, Hải Dương và Quảng Ninh, bao gồm 5 khu vực: Khu di tích và danh thắng Đông Yên Tử (Tp. Uông Bí, Quảng Ninh), Khu di tích lịch sử nhà Trần (Đông Triều, Quảng Ninh), Khu di tích và danh thắng Tây Yên Tử (nằm trên các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động tỉnh Bắc Giang), Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc - Thanh Mai (Chí Linh, tỉnh Hải Dương).



Ảnh: Văn Quảng Tâm

Quần thể tâm linh trên đỉnh Fansipan, Lào Cai

Quần thể văn hóa tâm linh tọa lạc tại khu du lịch Sun World Fansipan Legend (trên đỉnh Fansipan, cao 3.000 mét) là một trong những điểm đến chiêm bái lễ Phật, cầu an của tín đồ Phật tử và du khách thập phương trong dịp đầu xuân năm mới.

Điểm nhấn của quần thể văn hoá tâm linh là bức tượng Phật A Di Đà bằng đồng lớn nhất Việt Nam ở thời điểm hiện tại - cao 21,5 mét. Đây cũng là điểm đến đầu tiên trên hành trình du khách khám phá “con đường tâm linh” kỳ vĩ nơi nóc nhà Đông Dương.

Quần thể danh thắng Hương Sơn, Hà Nội

Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Quần thể Hương Sơn (Chùa Hương) gồm 21 ngôi chùa, động thờ Phật, ngôi đền thờ Thần theo tín ngưỡng bản địa. Quần thể Hương Sơn được xây dựng từ đời vua Lê Thánh Tông (1442 - 1497), đã trải qua 11 đời Tổ sư. Ngày 19/09/2018, Di tích lịch sử và Quần thể danh lam thắng cảnh Hương Sơn (chùa Hương) đã đón nhận Bằng xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Ngày mùng 6 tháng Giêng là khai hội chùa Hương. Lễ hội thường kéo dài đến hạ tuần tháng 3 Âm lịch.





Chùa Bái Đính, Ninh Bình và chùa Tam Chúc, Ba Sao, Hà Nam



Chùa Bái Đính, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình là quần thể chùa lớn với nhiều kỷ lục châu Á và Việt Nam được xác lập như chùa có tượng Phật bằng đồng dát vàng lớn nhất châu Á, chùa có hành lang La Hán dài nhất châu Á, chùa có tượng Di Lặc bằng đồng lớn nhất Đông Nam Á... Đây là ngôi chùa lớn nhất và sở hữu nhiều kỷ lục nhất ở Việt Nam.

Quần thể khu du lịch Tam Chúc tọa lạc trên mảnh đất Ba Sao, Kim Bảng, Hà Nam. Nơi đây được Thủ tướng Chính phủ công nhận là Khu du lịch quốc gia theo Quyết định số 201/QĐ-TTG ngày 22/01/2013. Chùa Tam Chúc sẽ là nơi đăng cai Đại lễ Vesak LHQ 2019.



Chùa Tam Chúc có tổng diện tích gần 5.000 ha, bao gồm hồ nước, núi đá rừng tự nhiên, các thung lũng, được thi công bởi rất nhiều những người thợ thủ công lành nghề của Phật giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo và Thiên Chúa giáo.

Chùa Tam Chúc được xây dựng lại có tới 12.000 bức tranh đá miêu tả các sự tích của Đức Phật, được những người Hồi giáo Indonesia tạc bằng đá núi lửa ở Indonesia sau đó vận chuyển sang Việt Nam.

Hiện, chùa Tam Chúc đang thiết lập một vườn cột kinh khổng lồ với 1.000 cột đá, mỗi cột cao 12m, nặng 200 tấn.



Chùa Phật Tích Trúc Lâm Bản Giốc

Chùa Phật Tích Trúc Lâm Bản Giốc tọa lạc trên diện tích 2ha ngay tại thác Bản Giốc (xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng). Đây là ngôi chùa đầu tiên trên mảnh đất biên cương phía Bắc của Tổ quốc.

Chùa được quy hoạch xây dựng theo đúng không gian, bố cục của một ngôi chùa Việt truyền thống, hướng chính của chùa có thể nhìn thấy toàn cảnh thác Bản Giốc.





Chùa Hương Tích, Can Lộc, Hà Tĩnh

Nằm cách quốc lộ 1 khoảng 7 km, chùa Hương Tích tọa lạc trên đỉnh núi Hồng Lĩnh, xã Thiên Lộc (huyện Can Lộc, Hà Tĩnh). Theo sử sách, chùa Hương Tích được xây dựng vào đời Trần, là một trong hai ngôi chùa Hương nổi tiếng ở Việt Nam, được mệnh danh là “Hoan Châu đệ nhất danh lam”, xếp vào hàng 21 thắng cảnh nước Nam xưa kia.

Chùa Hương gồm hàng chục ngôi chùa thờ Phật, đền thờ thần, đình, thờ tín ngưỡng nông nghiệp, tín ngưỡng thờ mẫu. Năm 2006, chùa được đại trùng tu lại. Để lên đến đỉnh chùa, bắt đầu từ bến Hương Tuyền, du khách có thể đi thuyền mất chừng 20-25 phút rồi tiếp tục đoạn đường rừng lên ga cáp treo hoặc leo bộ lên chùa.

Danh thắng Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

Khu du lịch thắng cảnh Ngũ Hành Sơn (gọi tắt là danh thắng Ngũ Hành Sơn) nằm ở phía Đông Nam thành phố Đà Nẵng, cách trung tâm thành phố khoảng 8 km.

Ngũ Hành Sơn là quần thể gồm có 6 ngọn núi: Thủy Sơn, Kim Sơn, Hỏa Sơn (gồm có Dương Hỏa Sơn và Âm Hỏa Sơn), Thổ Sơn, Mộc Sơn.

Danh thắng Ngũ Hành Sơn ghi các dấu ấn văn hoá lịch sử còn in đậm trên mỗi công trình chùa, tháp đầu thế kỷ XIX, trên mỗi tác phẩm điêu khắc Chăm của thế kỷ XIV, XV.

Hằng năm, nơi đây tổ chức lễ hội truyền thống lấy tên là “Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn – Non Nước” vào 3 ngày 17, 18 và 19 tháng 2 Âm lịch.



Chùa Ông Núi, Bình Định

Danh thắng Linh Phong Thiền Tự được người dân địa phương gọi với cái tên quen thuộc là chùa Ông Núi - một ngôi chùa cổ danh tiếng ở Bình Định, tọa lạc trên sườn phía Đông Nam núi Bà, thôn Phương Phi, xã Cát Tiến, huyện Phù Cát.

Đường lên chùa cao hàng ngàn bậc đá. Những bậc đá được hình thành từ những khối đá lớn xếp chồng lên nhau. Với địa thế lưng tựa núi, mặt hướng ra biển, khuôn viên lại có nhiều hang sâu, chùa Ông Núi trở thành điểm đến hấp dẫn cho khách thập phương.

Chùa Ông Núi tương truyền được xây dựng bởi nhà sư mặc áo vỏ cây, sống chan hòa, khoảng hơn 300 năm sau vẫn ít nhiều giữ được những vẻ đẹp giản dị. Đặc biệt là pho tượng Phật Thích Ca với chiều cao 69 mét, được cho là cao nhất Đông Nam Á.



Núi Bà Đen, Tây Ninh

Núi Bà Đen từ lâu đã là một danh thắng nổi tiếng và được coi là biểu tượng của vùng đất Tây Ninh, miền Đông Nam bộ.

Hằng năm, từ mùng 4 đến mùng 6 tháng 5 Âm lịch, tại Linh Sơn Tiên Thạch tự (Núi Bà Đen) diễn ra lễ Vía Bà Linh Sơn Thánh Mẫu với chương trình nghi lễ dân gian đặc sắc. Lễ vía Bà được xem là lễ hội dân gian lớn ở Tây Ninh nói riêng và khu vực Đông Nam bộ nói chung, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.



Chùa Giác Lâm, Tp.HCM

Chùa Giác Lâm được xây dựng từ năm 1744, tọa lạc trên đường Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một trong những ngôi chùa được xây dựng sớm nhất ở đất Gia Định - Sài Gòn còn tồn tại đến ngày nay.

Kiến trúc chùa Giác Lâm được xem là tiêu biểu cho lối kiến trúc chùa Nam Bộ, với mặt bằng tổng thể theo kiểu chữ tam gồm ba dãy nhà ngang nối liền nhau có 98 cột chống đỡ.

Chính điện là kiểu nhà dân gian truyền thống, một gian hai chái, với bốn cột chính gọi là tứ trụ. Chùa nguyên thủy không có cổng tam quan (cổng tam quan được xây dựng năm 1955), mái chùa gồm 4 vạt và các sống mái đều thẳng.

Toàn chùa có 38 tháp được xây dựng đầu thế kỷ XIX, với kỹ thuật xây dựng tinh xảo trong việc dùng chất kết dính bằng hỗn hợp vôi, đường, ô dước...

Trải qua hàng trăm năm, chùa có nhiều tên gọi khác nhau như: Chùa Cẩm Sơn, Sơn Can hay Cẩm Đệm. Chùa hiện lưu giữ 118 pho tượng, trong đó có 113 pho tượng cổ...

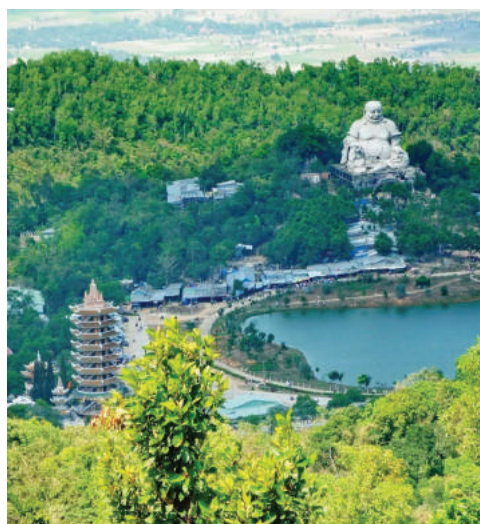


Khu du lịch Núi Cẩm, An Giang

Khu du lịch Núi Cẩm (thuộc xã An Hảo, huyện Tịnh Biên) nằm trong vùng Thất Sơn, Bảy Núi hùng vĩ, huyền bí. Đây là điểm du lịch tâm linh tín ngưỡng đặc trưng của tỉnh An Giang, hàng năm thu hút hàng triệu lượt du khách trong và ngoài nước đến tham quan, hành hương.

Khu du lịch Núi Cẩm nằm ở độ cao trên 700 mét so mặt nước biển, có đường giao thông từ chân núi đến đỉnh núi; có tượng Phật Di Lặc cao 33 mét, được công nhận đạt kỷ lục tượng Phật cao nhất trên đỉnh núi ở châu Á và nhiều công trình như chùa Vạn Linh, chùa Phật lớn.

Núi Cẩm tựa như bức tranh sơn thủy hữu tình, luôn mang đến cho du khách cảm giác thoải mái, dễ chịu với không gian núi rừng đầy bí hiểm. Đây là điểm đến lý tưởng không chỉ của du lịch hành hương mà còn là của loại hình du lịch sinh thái, du lịch khám phá...





Ảnh: St

Ngày Xuân và Đức Hiếu Sinh

Này các Thầy, các Thầy là những người từ bốn phương, kẻ ở tỉnh này, người ở tỉnh khác khắp cùng trong đất nước về đây tu học theo Thầy, cùng một giáo pháp của đức Phật, có sao các Thầy lại tị hiềm, ganh ghét nhau, tranh tụng mạt lợi nhau không kể gì đến anh lớn, em nhỏ? Lại luôn luôn tìm những khuyết điểm của nhau thay vì chỉ dạy cho nhau lại đem ra bêu xấu với người này, người khác thì còn gì đạo nghĩa con người? Thì còn gì là anh em một Thầy? Đánh nhau bằng kiếm lưỡi, miệng gươm, chẳng biết thương xót nhau chút nào.

Người xưa nói “Thổ tử hồ bì”, còn thô chết còn chồn còn đau đớn khóc thương, huống chi

chúng ta là những con người học đạo cùng Thầy, cùng đạo từ bi của đức Phật, thế sao chúng ta không từ bi chút nào cả.

*“Bầu ơi thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng
chung một giàn.”*

Này quý Thầy, tuy quý Thầy không cùng một cha mẹ sinh ra nhưng quý Thầy sống chung dưới cùng một mái chùa, học chung cùng đạo đức, có sao quý Thầy lại không thương mà nổi tâm đem chuyện xấu bêu nhau cho người khác cười chê. Xấu lá xấu nem, xấu anh, xấu em, vô tình mà quý Thầy đã hại lẫn nhau làm tai tiếng khắp vùng. Rồi người ta tự hỏi tại sao những người tu sĩ Phật giáo lại đấu tranh nhau, lại bêu xấu nhau. Họ phân ra nhiều giáo phái, họ phân ra nhiều tư

tưởng, họ phân ra nhiều pháp môn để rồi họ bài xích nhau, họ chống đối nhau chẳng tiếc lời, họ luôn luôn chà đạp lên nhau, giày xéo lên nhau.

Họ bất đồng ý kiến; họ cho rằng chỉ có ta biết được điều này, còn người không biết; điều ta nói là đúng, điều người nói là sai; pháp môn ta tu hành là đúng, pháp môn người tu hành là sai; điều ta hiểu là chân chính, điều người hiểu là không chân chính; pháp môn này tu trước người lại tu sau, pháp môn kia tu sau người lại tu trước; sai lầm rối loạn, đảo lộn tất cả, không có phép tắc. Điều ta làm tốt, điều người làm không tốt đẹp. Những điều tự suy luận trên đây là kiến chấp. Đó là những cái kiến chấp, chấp sự hiểu biết của mình, mà có kiến chấp thì



có ngã chấp, có ngã chấp thì có hơn thua, tị hiềm. Chúng ta biết được cái gốc của nó thì chúng ta hãy cố gắng tu Định Vô Lậu để diệt ngã, xả tâm để chúng ta được giải thoát mà không còn hơn thua nhau nữa. Có hơn thua, ganh tị thì phải có nói qua nói lại, nói tốt nói xấu, đó cũng chỉ vì danh khen - chê của mọi người mà anh em cùng một nhà xâu xé nhau, từ đó tăng đoàn bị phân hóa, thiếu đoàn kết. Anh em cùng một thầy, một tôn giáo mà chia rẽ nhau!

Bằng chứng như chúng ta đã thấy tôn giáo của chúng ta thiết là tan nát, không còn một chút nào hết. Cùng trong Phật giáo mà kẻ đứng pháp môn này, người đứng pháp môn kia, rồi chỉ trích, bài xích nhau. Thầy thấy mọi pháp môn của Phật dạy không có pháp môn nào xấu hết: người tu Đại Thừa cũng tốt, mà người tu Tiểu Thừa cũng tốt; người tu Thiền Đông Độ cũng quý, người tu Tịnh Độ cũng quý; người tụng niệm, cúng cầu an cầu siêu cũng tốt. Tại sao vậy? Tại vì mọi pháp môn đều là an ủi cho những người đau khổ,

cho đời và cho chính mình nữa. Cho nên tất cả những pháp môn này không nên bài bác làm gì, vì tùy mỗi góc độ, tùy mỗi phước duyên của con người mà đứng trong góc độ đó để thực hiện những điều tốt cho Phật giáo. Cho nên chúng ta có đủ duyên tu tập đúng Giới luật, nhập Thiền định làm chủ sinh tử, chấm dứt luân hồi thì đó là phước duyên của chúng ta ở góc độ sâu hơn, cao hơn một chút. Chứ chúng ta có hơn gì họ, vì chúng ta cũng là con người. Họ chưa đủ duyên, chưa gặp được những bậc Minh sư, Thiền đức, cho nên họ tu còn ở ngoài. Tuy vậy, họ vẫn làm được những điều lợi ích cho xã hội. Chúng ta nên nghĩ rằng vì cái tâm danh lợi của họ còn, cho nên họ vẫn còn ham thích, se sua. Sấm xe này, nhà kia, chùa lớn, tháp to, nhưng họ cũng giảm bớt biết bao nhiêu sự ham muốn của họ và họ cũng giảm bớt biết bao nhiêu sự ác của họ. Họ nghĩ làm cái chùa lớn là để cho mọi người đến chiêm ngưỡng, vẫn thấy được Phật giáo còn mãi, dạy cho mọi người những bài kinh này bài kinh

khác, viết ra những cuốn sách này, những bài này nói Phật dạy như thế này như thế khác là để mọi người hiểu để mọi người làm lành, lánh những điều dữ. Tất cả những điều mà quý thầy đang làm đều có lợi ích cho xã hội, đều có lợi ích cho mọi người; giảm được góc độ này thì lợi ích được góc độ này, rồi ngày mai đủ duyên, quý thầy đi sâu hơn trên con đường của đạo Phật để chấm dứt sinh tử luân hồi.

Cho nên chúng ta không nói xấu một người nào, không chê một pháp môn nào mà chúng ta nên thấy rằng những pháp môn của mọi người đều tốt cả, đều là của Phật giáo cả. Vì vậy mà chúng ta đoàn kết được trong huynh đệ của chúng ta, từ một ông thầy tụng niệm cúng bái cho đến một ông thầy học thức đỗ tiến sĩ, cho đến một người tu thiền định trong rừng núi, cho đến một người tu Tịnh Độ niệm Phật suốt ngày, đều là anh em của chúng ta cả, không có gì mà chúng ta chia rẽ họ. Chúng ta hãy thương họ, chúng ta hãy giúp đỡ họ khi chúng ta có đủ khả năng giúp đỡ họ. Cho họ thực hiện những gì họ mong muốn. Đừng bài bác họ, cũng như chúng ta thấy họ tu như vậy mà giữ gìn giới đức chưa được thì đó là cái phước của họ, không nên lấy chỗ sai giới đức đó mà chỉ trích họ, làm cho họ buồn khổ hoặc là làm cho họ căm tức để rồi sinh ra chia rẽ, chẳng ích lợi gì cho Phật pháp.

Nếu mình nói thế này thế khác thì ngoài mặt họ tùy thuận theo mình nhưng trong tâm họ chẳng mền phục mình, họ còn thầm khinh bỉ anh em trong nhà mình nữa. Nghĩa là mình nói ra



Ảnh: St

→ thể này thể khác hoặc chê cười pháp môn này pháp môn khác, tuy ngoài mặt họ tùy theo mình, họ ừ ừ hử hử cho qua, hoặc họ luận theo cái chiều hướng của mình theo trong kinh điển của Phật dạy. Những người không ngăn chặn những điều xấu của mình mà họ cứ tùy theo mình, ừ hử theo mình, để cho mình bộc lộ những điều xấu của mình thì những người bạn đó là những người xấu. Như Thầy đã giảng rồi các thầy thấy những người ngăn chặn mình là những người tốt, mà những người để cho mình nói xấu người khác điều này thể kia họ cứ làm thình hoặc là họ ừ hử làm như họ theo mình, đó là những người xấu. Vì vậy mà mình lầm lạc từ cái này đến cái khác, để rồi mình chỉ trích pháp môn này, trích pháp môn khác, rồi luận thể này luận thể khác.

Qua những lời Phật dạy: Những người chê pháp môn này, chê pháp môn khác đó là những người xấu chứ không phải người tốt. Họ xấu là vì họ muốn ca ngợi cái danh của họ, họ muốn ca ngợi pháp môn tu của họ hay cho nên họ đim các pháp môn của người khác xuống để cho họ trở thành những giáo chủ có đường lối pháp môn tuyệt vời để mình tin, mình theo. Khi người ta mở miệng ca ngợi pháp môn của người ta thì chúng ta biết rằng những người đó là những người không tốt, là những người xấu. Như vậy chúng ta rất sáng suốt qua bài học này, chúng ta đã nhận được những cái đúng, cái sai cho nên chúng ta chỉ biết âm thầm làm thình không phê phán ai cả.

Xưa đức Phật đã một lần vào rừng ẩn bóng cũng chỉ vì chúng



Ảnh: St

tăng chia rẽ, thiếu đoàn kết. Nghĩa là trong thời đức Phật có một lần trong mùa hạ, đức Phật phải vào rừng ẩn bóng vì chúng Tỳ kheo lúc bấy giờ đấu tranh nhau bằng miệng lưỡi, họ không có đoàn kết nữa, cho nên đức Phật bỏ đi vào rừng để An cư mùa hạ năm đó. Sau đó nhờ quý thầy lớn giải quyết làm cho đoàn kết trở lại, rồi họ đến xin đức Phật trở về vì chúng tăng đã đoàn kết. Cho nên Thầy nghĩ rằng cái duyên để Thầy ẩn bóng cũng có một điều đau khổ cho đệ tử của Thầy. Thầy không muốn ở đây để người ta tạo thêm những cái tội. Khi nghe một người khác nói tốt về Thầy bằng cách này, bằng cách khác, thì người ta phỉ nhổ lên Thầy. Thầy là người tu hành có giới đức thanh tịnh mà họ phỉ nhổ lên thì họ phải chịu lấy cái hậu quả đó, cho nên rất là đau khổ. Khi Thầy ẩn bóng thì họ lấy đầu mà phỉ nhổ thầy, cho nên họ thoát khỏi tội lỗi. Và người đệ

tử theo Thầy mà nói tốt điều này điều kia, thì họ thấy Thầy đã ẩn bóng rồi thì có nói Thầy thế nào Thầy cũng không còn để đón danh, đón lợi gì hết. Bởi vì khi ẩn bóng thì Thầy đâu có chương mặt ra gặp ai đâu, Thầy có còn tiếp với tiền, với bạc, với danh, với lợi nữa đâu. Cho nên dù vi tế hay không vi tế, đều là bỏ sạch xuống.

Đương nhiên coi Thầy ẩn bóng là đã bỏ hết như người đã chết. Vì vậy mà danh lợi đối với Thầy không còn nữa. Khi đã ẩn bóng thì không còn giáp mặt với danh, với lợi, với một cái gì dù rất nhỏ mọn. Cũng như đức Phật đã thị tịch cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, bây giờ người ta có ca ngợi đức Phật cách gì thì đức Phật cũng đâu còn đón nhận những điều đó nữa. Hoàn toàn đức Phật đã trả lại cho tất cả mọi người. Vì thế, hôm nay Thầy ẩn bóng là do những ý nghĩ các đệ tử của



Thầy. Thầy đã thấy nó không hợp thời, không đúng lúc, Thầy đã làm biết bao nhiêu người tội lỗi khi họ không hiểu, họ phỉ báng, họ chê bai, hoặc họ ca ngợi Thầy một cách không đúng cách. Thầy sẽ đọc lại bài kệ mà đức Phật đã dạy chúng Tỳ kheo trong thời đó:

*“Các thầy phải kính thuận
Kiến lập về Phật pháp”*

Nghĩa là Thầy đã dạy những điều đức hạnh về Phật pháp thì quý thầy phải kiến lập nó thành một đường lối, đường lối lớn để cho mình bước đi ở trên đó.

“Phải diệt chúng ma này”

Chúng ma tức là chúng ma tranh chấp nhau, chúng ma bêu xấu nhau đó. Phật gọi đó là chúng ma.

*“Phải diệt chúng ma này
Như voi phá rừng lau”*

Sức con voi thì các con biết rừng lau có nhảm nhò gì, phải chi cái cây lớn thì nó nhọc nhằn, còn đối với voi khi nó đi ngang qua rừng lau thì nó quét sạch hết. Đức Phật ví chúng ta phải quét sạch những cái bất hòa, những cái chấp kiến, những cái chấp ngã khiến chúng ta hoàn toàn đi lệch lạc, đi sai lạc làm chúng ta đau khổ, làm chúng ta chia rẽ. Chúng ta phải dùng chính sức của mình mà phá nó như voi phá rừng lau.

“Chuyên niệm chớ buông lung”

Nghĩa là lúc bấy giờ chúng ta đặt niệm luôn luôn ở trong thân và tâm của mình, để giữ tâm không cho buông lung ra, không cho theo cái chiều ham muốn danh lợi khen chê đó nữa. Không có theo tình đời nữa mà phải là tình đạo.

“Đầy đủ về tịnh giới”

Tức là lấy giới luật của mình làm cho thân tâm mình thanh tịnh.

“Tâm tịnh tự suy niệm”

Tâm mà định được thì mình cố gắng suy niệm để quét sạch những điều sai đó.

“Khéo giữ ý chí mình”

Luôn luôn lúc nào mình cũng phải lập trường, ý chí mình rất vững vàng, không có để cho tâm buông lung, không để cho mất đoàn kết, phải thương yêu nhau, phải giúp đỡ nhau. Đó là bài kệ thứ nhất.

Bài kệ thứ hai:

*Nếu ở trong Chính pháp
Những ai không buông lung
Thoát khỏi thân già chết
Dứt hẳn các gốc khổ
Nghe rồi phải siêng năng*

Đó, bốn câu kệ trước thì đức Phật nói nếu mình thường sống ở trong Chính pháp, tâm mình không buông lung thì mình sẽ thoát khỏi thân già chết của mình. Rồi dứt hẳn các gốc khổ. Đó là bốn câu kệ để chỉ định chúng ta phải sống đúng như vậy hoặc sống hòa hợp như vậy, an vui như vậy thì gốc khổ bị diệt mất và già chết chúng ta cũng thoát khỏi. Nghe rồi phải siêng năng, đức Phật căn dặn chúng ta đây.

*Anh em phải hòa thuận
Như con cùng cha mẹ
Tránh xa lòng tự hiềm
Tránh xa nói xấu nhau*

*Để rồi thiên hạ cười
Anh em cùng một nhà
Tiếng tăm xấu vang xa
Anh xấu em cũng xấu*

*Chính mình tự giết mình
Chính mình làm suy đồi
Phật pháp không cứu trợ
Mất đi nguồn đạo đức
Thế gian sinh rối loạn*

Nghĩa là mình làm như vậy là đạo Phật sẽ bị mất đi, sẽ không còn mãi mãi, ba ngôi Tam Bảo sẽ mất đi thì thế gian này lấy đâu mà nương tựa để thực hiện đạo đức Nhân Quả, đạo đức không làm khổ mình khổ người. Cho nên chúng ta vô tình làm Chính pháp mất đi. Vì sự như vậy mà người ta nhìn vào Tăng đoàn chúng ta chia rẽ nhau. Người học trò nói xấu thầy, người thầy nói xấu học trò thì đó là cái điều không phải. Cho nên ở đây tất cả chúng ta phải cảnh giác và thấy cho đúng, để chúng ta sống cho đúng cái đạo thì chúng ta mới thấy được sự tu hành của chúng ta. Còn nếu không sáng suốt mà vì cái lòng nhỏ mọn của chúng ta, vì những sự xúc chạm về cái ngã, cái tự ái của chúng ta mà chúng ta làm suy đồi Phật pháp. Đến đây các thầy cần phải suy ngẫm những lời dạy này để thực hiện đời đạo đức cho đúng cách. Dù là người Cư sĩ hay là Tu sĩ cũng phải siêng năng khắc kỷ mình, sống đúng Phạm hạnh của đạo Phật. Đó mới làm về vang cho đạo. Thầy nhắc lại để quý thầy nhớ. Đây quý thầy cần phải suy ngẫm những lời dạy này để thực hiện đời - đạo cho đúng cách: Là đệ tử của đức Phật, dù Cư sĩ hay Tu sĩ, cũng phải khắc kỷ mình sống đúng Phạm hạnh của đạo Phật. Đó mới làm về vang cho đạo. 🌸

TL.Thích Thông Lạc
(Trích Giáo Án Tu Tập)





Năm Hợi nói chuyện Heo

Thích Nữ Giới Hương

Chúng ta đang sống trong chu kỳ tuần hoàn của vũ trụ, nên quỹ đạo bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) hay 12 con giáp (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và Hợi) luôn xoay chuyển. Năm 2019 là xuân Kỷ Hợi, năm con heo, xin được nói chuyện về heo.

Heo là một loài vật có hình dáng tròn trịa mũm mĩm, béo tốt ửng ửng và hiền từ, khác với loài thú dữ khác như rắn, sư tử, beo... hại người, hại vật. Theo tự điển online, tên khoa học của heo là sus, thuộc họ lợn (suidae), tiếng Anh là pig. Heo còn được gọi là lợn, ỉn, lợn, trư, thử và nhiều tên riêng (danh từ riêng đặt cho chúng, như lão Trư, heo Móng Cái, heo Tây Ninh, heo Mọi, heo Tu Lạ, ông Hợi, heo Năm Móng, heo Ba Giò, heo Mếp, chú Lợn Snowball, cô heo Squealer...).

Trong chuỗi 12 con Giáp, ba con vật cuối cùng (gà, chó, và heo) có mối liên hệ gần với con người hơn các con vật như chuột, trâu, cọp... Heo là một con vật mà chỉ nói đến tên chúng ta cũng có thể cảm thấy gần gũi; một con vật mà hình ảnh

của nó đã đi vào thơ ca, hội họa dân gian và là biểu tượng văn hóa. Trong tiếng Việt hằng ngày, heo cũng thường được nhắc đến, nào là “mập như heo”, “ngu như heo”, “lười như heo”, “ăn như heo”, “ngủ như heo”, “sướng như heo”, và “dơ như heo”,... Nói chung là các từ ngầm so sánh để diễn tả một ai đó không làm gì cả, khỏi phải động não, chẳng hề căng thẳng (stress), mà vẫn “phây phây”, tốt tướng, hưởng thụ, nhàn nhã. Nhưng đứng trên phương diện sinh học mà nói, thật ra heo không có tối dạ; trái lại, heo rất thông minh, dễ dạy, ngoan hiền và thân thiện.

Heo là con vật có mối liên hệ lâu đời nhất với con người, không chỉ người Á châu mà còn cả Âu châu. Đối với người Việt Nam và Trung Quốc, heo gần gũi đến độ được nhân cách hóa qua nhân vật hư cấu nửa người nửa heo Trư Bát Giới trong truyện nổi tiếng “Tây Du Ký”. Đối với các dân tộc sống tại các đảo ngoài lục địa Đông Nam Á, ngoài “chức năng” cung cấp thực phẩm, heo còn là biểu tượng của sự giàu có.

Theo văn hóa Việt Nam hay châu Á, heo là



biểu trưng của tiền bạc, sự phồn thịnh, sung túc, tài lộc, nên nhiều nghệ nhân đã đúc tượng heo vàng, lịch ảnh heo treo tường, heo ống tiết kiệm làm giàu, tranh dân gian để thể hiện sự chúc tụng năm mới nhiều may mắn, con cháu đông vui, sinh sôi nảy nở, phúc lộc dồi dào phong phú. Heo cũng còn là biểu tượng của vật tế lễ cúng bái như sinh lễ hôn nhân, đám giỗ, quà cưới cho cô dâu, tạ lễ sau khi thành công ở thương trường buôn bán, sinh con, cúng tế thần linh, lễ khai trương,...

Ở các bán đảo Thái Bình Dương, loại heo không lông Kapia thường được dùng làm con vật để tế thần, vì người ta tin rằng heo có linh hồn, sẽ linh thiêng. Ở Âu châu thời cổ đại, heo là con vật được nữ thần Demeter (thần sinh sản trong thuyết Hy Lạp cổ đại) ưa thích. Bởi lẽ, heo là biểu tượng cho sự sinh sản con cái sung túc, nên phụ nữ hay mua heo mạ đồng vàng để trong nhà hay phòng riêng để cầu mắn con. Người thổ dân da đỏ ở Mỹ cũng xem heo là biểu tượng của sự thịnh vượng và may mắn. Ở Đức, tham dự vào buổi tiệc có thịt heo vào đêm Noel có ý nghĩa ngăn ngừa quỷ thần và đem lại thịnh vượng, tiền tài cho năm mới. Ở Mỹ, heo được làm biểu tượng của đội thể thao, như đại học Arkansas đặt tên cho đội thể thao là Sus Scrofa (Con Lợn Lòi) (https://en.wikipedia.org/wiki/Domestic_pig) hay Đội Lợn Hoang, đội bóng nhí gồm 12 thành viên thiếu niên bị kẹt trong hang Tham Luang ở

tỉnh Chiang Rai, miền Bắc Thái Lan suốt 18 ngày, đã nổi tiếng trên khắp thế giới.

Với trẻ con Việt Nam, con heo đất còn là người bạn thân thiết. Thuở nhỏ bé tí, các bé nhóc đã được ba mẹ ông bà dạy cách tiết kiệm bằng cách bỏ vài đồng, vài cắc vào chú heo con nho nhỏ, màu vàng, màu bạc hay màu đất để cúng chùa, giúp người nghèo, làm từ thiện... Tích tiểu thành đại! Bài học “heo ống” nhỏ này sẽ giúp trẻ con hay ngay cả người lớn biết xài tiết kiệm, san sẻ bố thí, cúng dường làm phước.

Heo là con vật thuộc 12 con Giáp, rất thân thiện và gần gũi với con người. Nó sượng nhất vì chỉ ăn và ngủ, khỏi phải lo lắng điều gì. Vì heo vốn là nhàn nhã, sống vô tư, không lo nghĩ, tròn trịa trù phú, mũm mĩm phồn thực, phúc lộc, nên năm heo sẽ mang nhiều niềm vui, vận may, tụ tài lộc, lợi nhuận sung túc thoải mái cả tinh thần và vật chất đến với mọi người.

12 con Giáp xoay vần. Năm mới Tết đến. Lại một chú Heo ngấp nghé trước thềm. Chúc mọi người một cuộc sống “sung sướng, nhàn nhã như Heo”, “vô tư, không lo nghĩ như Lợn” và “thoải mái từng ngày như Hợi”.

Chúc mọi nhà một năm mới đủ ăn, dư mặc, thừa tình yêu thương và giàu lòng quảng đại. Mừng Xuân Kỷ Hợi 2019! 🌸





Tạm biệt thời gian

Thích Nữ Nhuận Bình

Một năm 365 ngày trôi qua, bất chợt nhận ra mình đã già đi thấy rõ. Tháng năm dài rộng, chẳng mấy chốc mà trên đầu đã xuất hiện vài sợi tóc ngả màu, tuổi xuân cũng đã dần tàn phai theo năm tháng. Dường như chúng ta vẫn thường hay quên mất rằng, đời người ngắn ngủi, tuổi xuân có thì, già nua chóng vội, sống rày thác mai.

Qua đi một ngày, ta đã già thêm một chút, hành trình bước về phía hoàng hôn gần thêm xiu nữa, nghĩa là ngày già biệt cuộc đời này cũng cận kề hơn. Có bao giờ bạn quay trở lại, nhìn ngắm dung nhan, tự hỏi rằng đã có hạt bụi vô thường nào vương vấn trên thân?

Quá khứ là cơn thiêu, tương lai là gạo sống. Hãy bỏ qua những hồi ức đẹp, những quá khứ đau buồn, những ánh hào quang chói vánh. Hãy can đảm vứt đi những kỷ vật vô tình khiến bạn chẳng vui. Ý thức rằng thực tại mới là những phút giây màu nhiệm nhất, đáng trân trọng nhất.

Thời gian qua cho bạn cơ hội để nhìn lại và thay đổi, bớt buồn, bớt khổ, bớt đua tranh. Hãy làm cho mình mới mỗi ngày, sống ý nghĩa hơn mỗi ngày, tích cực hơn mỗi ngày. Làm sao để những ngày sắp tới phải vui vẻ, yêu đời, sống tích cực,

sống có hạnh phúc, sống có ích cho mình và những người xung quanh.

Hãy chào tạm biệt thời gian bằng sự hiểu biết và tình thương yêu. Chào tạm biệt những nỗi buồn, niềm vui. Chào tạm biệt những nhọc nhằn, gian khó. Chào tạm biệt những dối hờn, cô quạnh. Chào tạm biệt những nông nổi đại khờ,...! Đón ngày mai trong tâm thế tươi vui, cảm nhận sâu sắc giá trị cuộc sống mỗi ngày.

Hãy để trái tim luôn dành sự tôn kính đến những bậc đáng kính trong cuộc đời. Biết tri ân để thêm yêu quê hương, nguồn cội, dâng lòng hiếu thảo đến mẹ cha. Thêm sự chân thành, nhiệt huyết để dâng tặng tài năng, trí tuệ, tâm đức cho đời. Đủ mạnh mẽ để bảo vệ bản thân và những người xung quanh. Đủ kiên cường để chống lại điều bất thiện, vô nghĩa, tiêu cực. Đủ bao dung để tha thứ cho những ai đối xử tệ với mình.

Thực tập sống khiêm hạ để nhìn lại bản thân, chấp nhận những sai sót, những yếu kém của mình và hết lòng muốn thay đổi. Thêm năng lượng để đóng góp và gánh vác những điều ý nghĩa cho cuộc sống. Kết duyên lành với bậc thiện tri thức, những người bạn tri âm, cùng tạo nên một cuộc sống tốt đẹp ở tương lai. Và đủ trí tuệ, dũng khí để chọn đúng lối đi tràn ngập ánh sáng và hạnh phúc. 🌻

Phong tục ngày Tết - Phật tử chúc Tết đầu năm

Tâm Lê

Tết đến, không khí ấm no tràn đầy tiếp tục lan theo sự nhộn nhịp, rộn ràng, hân hoan trong lòng người con Phật. Ai ai cũng mang trong mình lòng thành tâm, nguyện cầu, đón chào một năm mới thật an lành, hỷ lạc, yêu thương, một mùa Xuân Di Lặc an vui với bao hoài bão mới, hương sắc mới.

Hương xuân đang hé cửa đón chào năm mới trong thời khắc chuyển mùa mừng xuân Kỷ Hợi 2019, Phật tử chúng con xin được thành tâm kính chúc quý Chư tôn thiên đức pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu, Phật đạo sớm viên thành, như ý tự tại. Xin nguyện chúc cho quý bề bạn gần xa, những người bạn đồng tu đi trên đường chính giác, thâm tâm được an nhàn, tự tại, bồ đề

tâm kiên cố, đạo tâm bất thoái chuyển, thiện căn được vun bồi, đầy đủ trí huệ giác ngộ, giải thoát.

Ngưỡng mong ánh sáng và nụ cười đầy từ bi, hoan hỷ, vị tha, phúc lạc và tự tại của Ngài Di Lặc sẽ xua đi bóng đêm đen tối của vô minh cho khắp tất cả muôn loài chúng sinh trong buổi sớm mùa xuân.

“Mừng xuân hỷ xả thêm công đức

Đón Tết từ bi bớt não phiền”

“Thiền môn thanh tịnh đón xuân sang

Người vui, cảnh đẹp, gió nhẹ nhàng

Thời khắc giao hòa trong trời đất

Lòng người xúc động lẫn hân hoan.”

“Tiễn năm cũ đi, sống từ bi, thể hiện chân thiện mỹ,

Đón năm mới về, tập hỷ xả, tỏa sáng đức tài tâm.”

“Lễ Phật làm phước đầu xuân, bốn mùa hưng thịnh,

Tụng kinh phát huệ ngày Tết, trọn năm an lành.”

“Phúc thăm ngàn đời cây trở lộc,

Đức dày muôn thuở nhánh đơm hoa.”

“Xuân hạ thu đông thân tâm thường lạc.

Đông tây nam bắc vạn sự kết tường.”

Nhân dịp Xuân Kỷ Hợi 2019, Phật tử chúng con thành tâm kính chúc Chư vị Tôn túc, Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức tăng, ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ, đạo quả viên thành.

Kính chúc quý anh, chị, cùng gia quyến và các bạn đồng tu năm mới tứ đại điều hòa, thân tâm thường lạc, cát tường như ý, tinh tấn tiến tu trên con đường giải thoát và giác ngộ. 🌸



Ảnh: St

Điểm báo Hội thảo, nghiên cứu Phật học, sách Phật giáo trong nước và quốc tế



Hội thảo quốc tế về đức Phật hoàng Trần Nhân Tông

Sáng ngày 06/12/2018, tại Trung tâm văn hóa Trúc Lâm (xã Thượng Yên Công, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh), đã diễn ra Hội thảo khoa học quốc tế “Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm - Đặc sắc tư tưởng, văn hóa” trong khuôn khổ Đại lễ kỷ niệm 760 năm ngày Sơ tổ Trúc Lâm - Trần Nhân Tông Đản sinh và tưởng niệm 710 năm nhập Niết bàn của Ngài. Hội thảo đã thu hút được sự quan tâm đông đảo của các nhà khoa học trong và ngoài nước, với 135 tham luận, trong đó có 34 tham luận của các học giả đến từ 10 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các tham luận tập trung vào các chủ đề: Hành trạng, đặc sắc tư tưởng, văn hóa của Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm; vai trò, ảnh hưởng trong lịch sử, hiện tại và xu hướng tương lai; Phật giáo tại các quốc gia trong khu vực và trên thế giới - tiếp cận địa văn hóa và nghiên cứu so sánh; Phật giáo và các vấn đề đời sống con người đương đại.

Hoàn thành bộ sưu tập kinh văn Phật giáo Tây Tạng điện tử

Bộ sưu tập các kinh văn lớn nhất thế giới về Phật giáo Tây Tạng vừa được hoàn thành và hiện

có thể tiếp cận thông tin thông qua mạng internet. Đây là công trình được đầu tư thực hiện bởi Trung tâm Tài nguyên số Phật giáo, một tổ chức phi lợi nhuận mang sứ mệnh sưu tầm, tập hợp và bảo tồn kinh tạng, văn hóa Phật giáo Tây Tạng, đóng tại Hoa Kỳ. Để tiếp cận thông tin về công trình, bạn đọc có thể truy cập vào trang web www.tbrc.org.

Hội thảo Phật giáo Quốc tế lần thứ 3 tại Vadodara, Ấn Độ

Đánh dấu kỷ niệm 55 năm, những khám phá di tích Phật giáo cổ đại tại làng Dev Ni Mori ở Bắc Gujarat, Hội thảo Phật giáo Quốc tế lần thứ 3 tổ chức tại

hội trường CC Mehta, Đại học Maharaja Sayajirao University of Baroda (MSU) diễn ra vào ngày 25 tháng 11 năm 2018. Hội thảo lần này do Quỹ Tăng già Kaya (Sanghakaya Foundation) có trụ sở tại Gujarat và Quỹ Sankalp Bhoomi (Sankalp Bhoomi Trust) tổ chức.

Sri Lanka: Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ 14

Đại Học Sri Jayewardenepura là một trong 05 trường Đại học lớn nhất tại Sri Lanka đã tổ chức Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ 14 diễn ra vào ngày 19/12/2018, về chuyên ngành Phật học và Pāli với rất nhiều chủ đề lớn được đưa ra thảo luận như: Triết học Phật giáo, Thiền, Văn học và Ngôn ngữ Pāli, Tâm lý học Phật giáo và trị liệu...

Tại Hội thảo này, một nghiên cứu sinh Việt Nam đã giới thiệu Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam với chủ đề: “Một nghiên cứu Phân tích về các giá trị tâm lý trị liệu của Thiền phái Trúc Lâm”. Nội dung bài tham luận chủ yếu xoay quanh các giá trị tâm lý trị liệu được đề cập trong tác phẩm “Cư Trần Lạc Đạo” của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.



Hội thảo về Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam

Sáng ngày 16/12/2018, tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội (xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Tp. Hà Nội), Học viện cùng Viện Nghiên cứu Tôn giáo thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tổ chức Hội thảo “Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam”. Hội thảo quy tụ các nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tôn giáo - tín ngưỡng, các đồng đền, đồng điện, thủ nhang, thanh đồng đạo quan, con nhang đệ tử của đạo Mẫu.

Trung tâm nghiên cứu Phật học tại New Zealand vừa mới khai trương

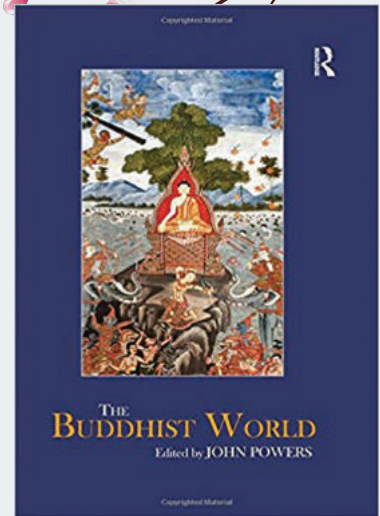
Ngày 09/11/2018, Trung tâm nghiên cứu Phật học với danh xưng là Viện Nghiên cứu Phật học Quốc tế Dhammachai đã được đưa vào hoạt động, tạo nên sự kết nối để thúc đẩy các hoạt động học thuật Phật giáo với Trường Đại học Otago trong vùng. Trung tâm nghiên cứu Phật học độc lập này được hình thành bởi sự hỗ trợ của quỹ giáo dục Dhammachai, bởi sáng kiến của thầy trụ trì một ngôi chùa ở Bangkok, Thái Lan. Chức năng của Viện là hỗ trợ các nghiên cứu về học thuật, kinh văn Phật giáo và bảo tồn công trình văn hóa Phật giáo.

Giới thiệu sách THE BUDDHIST WORLD (Thế giới Phật giáo) của tác giả John Powers

Cuốn sách được chia làm bốn phần viết về thế giới Phật giáo từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Tác giả đã dày công sưu tầm những bài viết của nhiều

tác giả (chính tác giả cũng viết bốn bài). Phần I, Thế giới Phật giáo về Lịch sử và Địa chính trị gồm 7 bài viết của các tác giả khác nhau. Phần II, Thế giới Phật giáo về Triết học-Tôn giáo, gồm 10 bài viết của các tác giả khác nhau. Phần III, Thế giới xã hội Phật

giáo, gồm 11 bài viết. Phần IV Tiểu sử, gồm 13 bài viết về 14 nhân vật Phật giáo có ảnh hưởng lớn nhất, đặc trưng nhất và đại diện cho Phật giáo lên lịch sử tôn giáo này từ xưa đến nay.



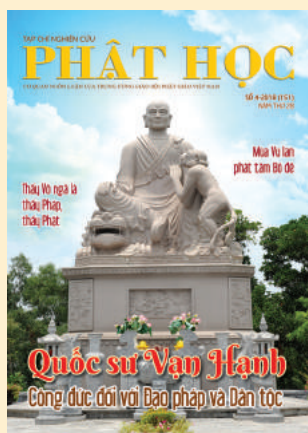
365 Lời khuyên tâm huyết của đức Đạt Lai Lạt Ma

Matthieu Ricard ghi chép và sắp đặt bản gốc, Hoàng Phong chuyển ngữ

Quyển sách “365 Lời khuyên tâm huyết của đức Đạt Lai Lạt Ma - Cẩm nang cho cuộc sống ngày nay” (365 Méditations quotidiennes du

Dalai-Lama pour éclairer votre vie) của đức Đạt Lai Lạt Ma cùng nhà sư Matthieu Ricard, đã được Nhà xuất bản Presses de la Renaissance tại Paris ấn hành lần đầu năm 2001, sau đó đã được tái bản nhiều lần và cũng đã được dịch sang nhiều thứ tiếng. Quyển sách có nhiều ấn bản khác nhau. Lần tái bản bằng tiếng Pháp gần đây nhất và cũng đầy đủ nhất là vào năm 2017. 🌸

SƯU TẦM TRỌN BỘ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC



Sưu tầm trọn bộ Tạp chí Nghiên cứu Phật học vui lòng liên hệ với Tòa soạn, 180.000 đ/1 bộ được đóng thành một cuốn sách bìa cứng thật sang trọng. Hãy để TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC TRỌN BỘ theo các số báo trong một năm trên giá sách nhà bạn, vừa thuận tiện cho việc lưu trữ, vừa dễ dàng để bạn tra cứu khi cần.

20 bạn đầu tiên đăng ký mua sách trọn bộ năm 2018; 2019 sẽ được tặng một phần quà của Tạp chí. Bạn đọc tại Hà Nội xin mời đến mua tại Tòa soạn, bạn đọc ở khu vực khác vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số: 024 39423887, 024 66846688 để biết thêm chi tiết về cước phí Bưu điện.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐẶT MUA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC NĂM 2019

Kính mời: Quý Chư tôn đức tăng ni, phật tử, độc giả đăng ký mua Tạp chí Nghiên cứu Phật Học năm 2019

- | | |
|--|--------------|
| ☐ Số 1 Xuân 2019 (tháng 1+2), phát hành ngày 15/01/2019 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 2 (tháng 3+4), phát hành ngày 15/03/2019 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 3 (tháng 5+6), phát hành ngày 15/05/2019 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 4 (tháng 7+8), phát hành ngày 15/07/2019 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 5 (tháng 9+10), phát hành ngày 15/09/2019 | Giá 30.000đ |
| ☐ Số 6 (tháng 11+12), phát hành ngày 15/11/2019 | Giá 30.000đ |
| ☐ Tạp chí cả năm (6 số) | Giá 180.000đ |
| ☐ Cước gửi tạp chí về tận nhà (theo nhu cầu) | Giá 50.000đ |

Để được giao báo tại nhà độc giả ngoài Hà Nội vui lòng đặt báo tại bưu điện gần nhà bạn nhất. Mã số đặt Tạp chí Nghiên cứu Phật học qua bưu điện (Công ty Phát hành Báo chí Trung ương) là C356. Độc giả Hà Nội muốn giao báo tại nhà vui lòng trả thêm cước phí chuyển phát.

Mọi thông tin về việc đặt mua báo, chi phí chuyển phát xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ:

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Phòng 218, chùa Quán Sứ, 73 phố Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 - 39423887; 024 - 66846688

Email: tapchincph@gmail.com

Tài khoản: Phân viện Nghiên cứu Phật học

Sổ giao dịch 1 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam * Số tài khoản: 10201000032825